

TẠP CHÍ

SỐ 367

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128



GIẢI ĐOẠN 1
của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
(Kỳ 6)

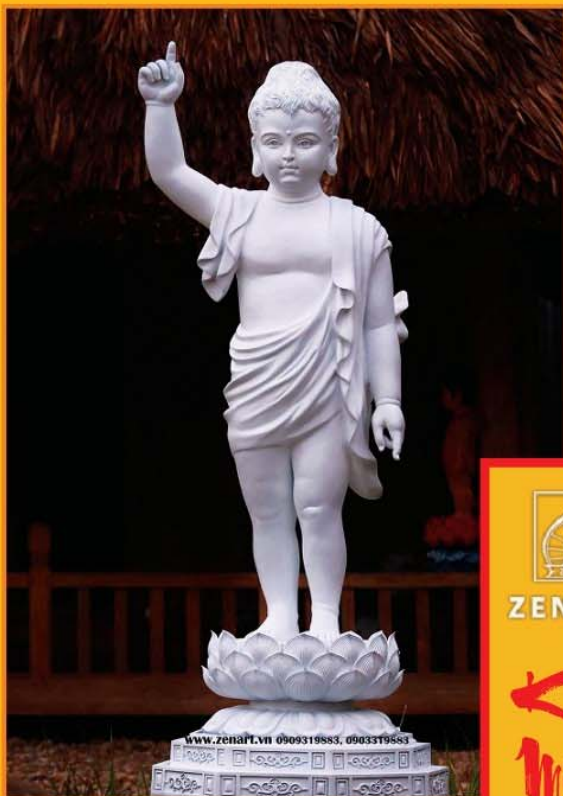
**ĐỒNG HÀNH
CÙNG DÂN TỘC**



PHẬT GIÁO VIỆT NAM
đồng hành cùng dân tộc
trong thời đại mới



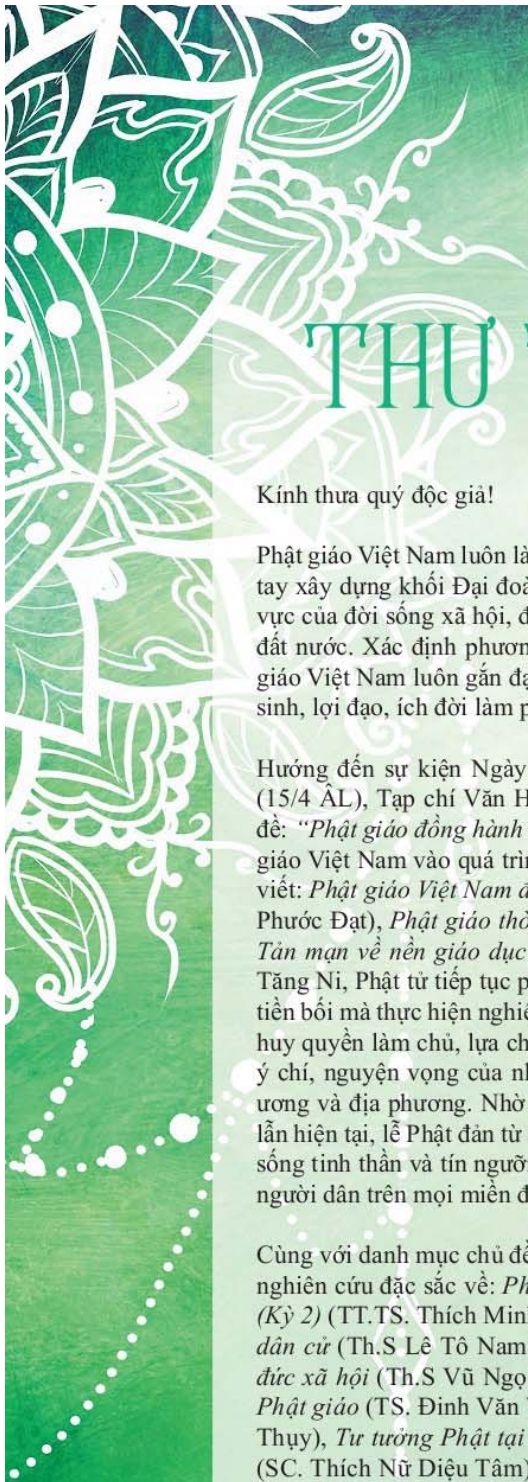
Phật giáo trong bối cảnh
cuộc Cách mạng
CÔNG NGHIỆP 4.0 (Kỳ 2)



C.TY TNHH ZEN ART - TRẠI SÁNG TÁC NGHỆ THUẬT

Quý vị muốn thỉnh tượng xin vui lòng liên hệ: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

126 Đường 11, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP.HCM | W: www.zenart.com.vn | E: mythuatzen@gmail.com | Fb: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)



THƯ TÒA SOẠN

Kính thưa quý độc giả!

Phật giáo Việt Nam luôn là thành viên tin cậy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chung tay xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, đóng góp tích cực trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng sức đồng lòng cùng toàn dân xây dựng và phát triển đất nước. Xác định phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Phật giáo Việt Nam luôn gắn đạo với đời, hạnh nguyện nhập thế, lấy việc phục vụ chúng sinh, lợi đạo, ích đời làm phương hướng hành đạo.

Hướng đến sự kiện Ngày hội toàn dân đi bầu cử (23/5) và mừng Phật Đản sanh (15/4 ÂL), Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mang đến cho độc giả số báo 367 với chủ đề: “*Phật giáo đồng hành cùng dân tộc*”, để cùng nhìn lại những đóng góp của Phật giáo Việt Nam vào quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, thông qua các bài viết: *Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc trong thời đại mới* (TT.TS. Thích Phước Đạt), *Phật giáo thời Trần đồng hành cùng dân tộc* (ĐĐ. Thích Thiện Mãn), *Tàn mạn về nền giáo dục Phật học* (Sử gia Nguyễn Khắc Thuần)... Qua đó, hàng Tăng Ni, Phật tử tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết yêu nước của chư Tôn đức tiền bối mà thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân trong việc tham gia bầu cử, phát huy quyền làm chủ, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân trong cơ quan quyền lực của Nhà nước ở Trung ương và địa phương. Nhờ sự gắn bó mật thiết với lịch sử dân tộc cả trong quá khứ lẫn hiện tại, lễ Phật đản từ lâu đã trở thành một sự kiện tôn giáo quan trọng trong đời sống tinh thần và tín ngưỡng, thu hút sự tham gia không chỉ của Phật tử mà còn của người dân trên mọi miền đất nước.

Cùng với danh mục chủ đề, số báo 367 sẽ giới thiệu đến bạn đọc gần xa các bài viết nghiên cứu đặc sắc về: *Phật giáo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (Kỳ 2)* (TT.TS. Thích Minh Nhân), *Một số đóng góp của Phật giáo đối với cơ quan dân cử* (Th.S Lê Tô Nam), *Vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực tư tưởng và đạo đức xã hội* (Th.S Vũ Ngọc Định), *Tìm hiểu chính sách của vua Gia Long đối với Phật giáo* (TS. Đinh Văn Viễn), *Gốm Thăng Long - Niềm tự hào gốm Việt* (Đương Thụy), *Tư tưởng Phật tại tâm trong tác phẩm Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh* (SC. Thích Nữ Diệu Tâm)...

Bên cạnh đó, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tiếp tục trích đăng các bài viết trong tác phẩm *Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hình thành và phát triển* của Hòa thượng Thích Huệ Thông.



Ban biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Dân tộc trên 4.000 năm văn hiến khi thăng khi trầm
vẫn tiếp bước tiền nhân
Đạo pháp hơn 2.000 năm lịch sử lúc thịnh lúc suy
luôn soi đường cho hậu thế.



Trích Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo
toàn quốc lần thứ VII (2012 - 2017)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiaovn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH PHẬT LỊCH NĂM 2565 - 2021

- 6 Thông điệp Đại lễ Phật Đản PL. 2565 của Đức Pháp Chủ GHPGVN
- 8 Diễn văn Phật Đản PL. 2565 của Hòa thượng Chủ tịch HĐTS GHPGVN
- 10 Đức Thế Tôn ra đời - Sự kiện hi hữu của thế gian
(Bài giảng nhân Đại lễ Phật Đản PL. 2565) (HT.TS. Thích Bảo Nghiêm)
- 14 Tuyên ngôn Đức Phật vào đời (Trần Quê Hương)

CHỦ ĐỀ: PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

- 17 Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc trong thời đại mới
(TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 22 Phật giáo thời Trần đồng hành cùng dân tộc (ĐĐ. Thích Thiện Mẫn)
- 28 Tản mạn về nền giáo dục Phật học (Sử gia Nguyễn Khắc Thuần)

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN:

- 34 Giai đoạn 1 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Kỳ 6) (HT. Thích Huệ Thông)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI:

- 42 Phật giáo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (Kỳ 2)
(TT.TS. Thích Minh Nhẫn)
- 50 Một số đóng góp của Phật giáo đối với cơ quan dân cử (ThS. Lê Tô Nam)
- 56 Vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực tư tưởng và đạo đức xã hội
(ThS. Vũ Ngọc Định)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG:

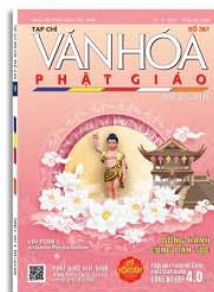
- 62 Tìm hiểu chính sách của vua Gia Long đối với Phật giáo (TS. Đinh Văn Viễn)
- 68 Gốm Thăng Long - Tự hào Gốm Việt (Dương Thụy)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ:

- 78 Tư tưởng Phật tại tâm trong tác phẩm Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh
(SC. Thích Nữ Diệu Tâm)
- 84 Khi tình thương có mặt (ĐĐ. Thích Không Tú)
- 89 Đạo Phật trên hành trình lịch sử thế giới và dân tộc (Nguyễn Cẩn)

**GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ
CÁC TỰ VIỆN:**

Trường Trung cấp Phật học, tỉnh Đồng Nai
Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Thiết kế bìa: Phương Nam
Đồ họa: Thích Minh Ngộ



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO CẤP HUYỆN THỊ THÀNH



TANG LỄ CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH HUỆ TRƯỜNG



Thành viên Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam;
 Chứng minh Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Tp. Cần Thơ;
 Nguyên Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam;
 Nguyên Phó Trưởng ban Tăng sự Trung ương GHPGVN;
 Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực BTS kiêm Trưởng ban Tăng sự GHPGVN Tp. Cần Thơ;
 Nguyên hiệu trưởng Trường Trung cấp Phật học Tp. Cần Thơ;





HỘI NGHỊ SINH HOẠT GIÁO HỘI KHU VỰC PHÍA NAM NĂM 2021



BAN TRỊ SỰ CÁC TỈNH THÀNH PHỐ HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC PHẬT ĐẢN - AN CƯ KIẾT HẠ



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ KHÁC



Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin Truyền thông Phật giáo thời đại 4.0



VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-5-2021



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

*Hà Nội, ngày mừng Một, tháng Tư, năm Tân Sửu
DL.2021, PL.2565*

**THÔNG DIỆP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2565
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi:

- Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni.
- Quý Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Đức Phật hiện thân ra đời vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Pháp thân của Ngài không chỉ thường trụ Ta bà giáo hóa chúng sinh, mà Đức Phật còn hiện hữu thường hằng làm lợi ích cho chúng sinh không bao giờ ngừng nghỉ. Với lòng từ bi vô biên đã thôi thúc Ngài giác ngộ và tìm ra con đường giải thoát đi đến Niết Bàn tối thượng. Cuộc đời lịch sử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là hình ảnh chân xác chỉ ra con đường diệt khổ, lan tỏa tình yêu thương và ánh sáng hòa bình khắp mọi hành tinh.

Là sứ giả của chân lý bất tận về từ bi và trí tuệ của Ngài, Vesak là thời gian để mỗi chúng ta tưởng niệm, nhắc nhở cuộc đời của Đức Phật và những thông điệp vượt thời gian, không gian của Ngài. Tổ chức Đại lễ Phật đản là sự kiện thiêng liêng đối với tất cả chúng ta, những người đi theo dấu chân Đức Phật, để hành trì, để sống theo lời Ngài chỉ dạy, đi theo con đường Giới - Định - Tuệ mà Ngài đã chứng nghiệm mang đến an lạc, hạnh phúc cho mọi người, sự phồn vinh, thịnh vượng cho đất nước và hòa bình cho nhân loại.

Trong thế giới biến động ngày nay, chúng ta đang phải đối mặt với những khủng hoảng vô cùng nghiêm trọng về dịch bệnh, về môi trường, biến đổi khí hậu và xung đột ở khắp nơi trên thế giới. Hơn bao giờ hết, nhân loại cần đón nhận năng lượng niềm tin nơi kho tàng giáo lý vi diệu của Đức Phật. Chỉ khi đó, chúng ta mới vượt qua những thách thức khủng hoảng này. Dựa trên học thuyết về nguyên lý duyên sinh giúp mọi người nhận ra rằng tất cả chúng ta phải chịu trách nhiệm về nguyên nhân của các khủng hoảng và tất cả chúng ta đều phụ thuộc vào nhau. Do đó, chúng ta phải chung tay làm việc cùng nhau trong việc giải quyết những thách thức khôn lường đang diễn ra hằng ngày. Đại dịch Covid-19 đã khiến cả thế giới nhận ra rằng chúng ta cần sát cánh bên nhau và phải cùng nhau hành động vì mục tiêu và lợi ích chung. Các nước cần phải ngồi lại với nhau, hợp

tác tìm giải pháp cho vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, chia sẻ bình đẳng trong việc tiếp cận vắc-xin phòng, chống dịch Covid-19, không có sự phân biệt. Mọi người phải nêu cao sự đồng thuận, đoàn kết chung tay cùng Chính phủ và toàn xã hội vượt qua đại dịch, ổn định đời sống và phát triển đất nước.

Mùa Phật đản năm nay trở về trên đất nước Việt Nam thân yêu đúng vào dịp diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước và của Giáo hội, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Tôi có lời tán dương công đức chư Tôn đức Tăng Ni, các chùa, cơ sở tự viện trong cả nước, đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài đã đoàn kết, hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm làm trang nghiêm Đạo Pháp, trang nghiêm Giáo hội với nhiều thành tựu Phật sự vô cùng ý nghĩa. Điều đó đã khẳng định chặng đường 40 năm thành lập, phát triển và hội nhập của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là kết quả kế thừa tinh hoa truyền thống 2000 năm Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

Nhân dịp này, Tôi có lời chúc mừng tới Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã lãnh đạo đất nước đạt được nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước Việt Nam hùng cường hướng tới năm 2045; Chúc mừng đất nước ta kiểm soát tốt dịch bệnh vừa đảm bảo an toàn về sức khỏe cho Nhân dân trong cuộc chiến chống Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm vụ kép; Chúc mừng ngày hội bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thành công viên mãn.

Kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ, Nhân dân và đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài mùa Phật đản an lành trong Chính pháp!
Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát ma ha tát.

**ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PL.2565 - DL.2021
CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính bạch chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni!
Kính thưa Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!

Thưa quý liệt vị!

Đại lễ Phật đản - Vesak là lễ hội thiêng liêng của hàng triệu Tăng Ni, tín đồ Phật giáo trên thế giới. Đại lễ Phật đản - Vesak càng ý nghĩa hơn khi vào những ngày tháng 5 lịch sử này, Liên hợp quốc tổ chức Vesak nhằm phát đi thông điệp về bất bạo động và phụng sự tha nhân càng trở nên thích ứng hơn bao giờ hết khi mà nhân loại đang ở trong thời điểm giá tăng sự bất bình đẳng và thiếu độ lượng hiện nay. Ngay khi cả nhân loại đang chịu thảm họa của đại dịch Covid-19, thế giới thực hiện giãn cách xã hội, Liên hợp quốc đã tổ chức kính mừng Đại lễ Vesak bằng hình thức trực tuyến kết nối nhiều quốc gia trong tinh thần một mùa Vesak đối với tất cả chúng ta, dù là Phật tử hay không là Phật tử, cùng nhau suy ngẫm về cuộc đời Đức Phật nhằm tiếp nhận nguồn cảm hứng từ những lời dạy minh triết của Ngài để thế giới luôn luôn bình đẳng và phát triển bền vững.

Ngày Đức Phật đản sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc xứ Ấn Độ cổ đại, nay là Nepal cách đây 2645 năm về trước. Đó là thời khắc trăng tròn tỏ rạng, Đức Phật đản sinh là một sự kiện hy hữu của toàn nhân loại. Ngài là bậc Đạo sư Giác ngộ tỏa ánh sáng năng lượng xóa tan màn vô minh của xã hội phân hóa giai cấp, giàu nghèo và bất công mà căn nguyên bởi tại lòng tham, sân, si của con người. Chỉ có Đức Phật đã vượt qua ý thức về bản ngã. Do vậy, Ngài là “Một chúng sinh duy nhất, một con người phi thường xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Đó là Đấng Như Lai Chánh đẳng Chánh giác”.

Hôm nay Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam long trọng tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh PL.2565 - DL.2021 trong niềm hoan hỷ vô biên với nhiều sự kiện trọng đại, Giáo hội kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021), đặc biệt là ngày hội bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.



Kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ năm nay, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp tích cực trong công tác Phật sự ích đạo lợi đời, là năm bản lề nỗ lực hoàn thành chương trình Phật sự của Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IX vào năm 2022; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố trong cả nước đang chỉ đạo việc tổ chức thành công Đại hội Phật giáo cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

Trong không khí hân hoan kính mừng ngày Đức Phật đản sinh, tất cả người con Phật trên hành tinh này hãy cùng nhau thực hiện lý tưởng và lời dạy của Đức Phật, tinh tấn tu tập Giới Định Tuệ thông qua con đường Bát Chánh đạo, luôn tôn trọng sự sống và môi trường sống của muôn loài, khuyến khích mối liên hệ tương giao, hòa bình giữa con người với con người, giữa con người với các loài cộng sinh, chung sống hòa hợp trên nền tảng Từ, Bi, Hỷ, Xả đem lại đời sống hỷ lạc không khổ đau. Trong Đại kinh Khổ uẩn thuộc Trung bộ kinh, Đức Phật nhắc nhở các vị Tỷ kheo: "...Này các Tỷ kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên sanh ra tranh đoạt... Một khi đã tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt đi đến công phá nhau, ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong..."

Với tất cả ý nghĩa thiêng liêng của ngày Đản sinh, Tôi mong muốn tất cả người con Phật cần phải tỉnh giác, chánh niệm trong mọi hoàn cảnh, nỗ lực tu tập, trau dồi giới hạnh vượt lên trên sự cảm dỗ của thế giới vật chất, hóa giải nghiệp chướng; phải thật sự thể hiện là một sứ giả hòa bình, cùng nhau chung sống hòa hợp trên nền tảng giới luật, thực hiện một đời sống đạo đức vị tha, để cùng nhau kiến tạo một thế giới hòa bình, an lạc tại chốn nhân gian này; bên cạnh đó, Tôi cũng mong các cấp Giáo hội, các địa phương sẽ có nhiều hoạt động Phật sự sáng tạo, thiết thực chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam và tích cực hưởng ứng ngày hội toàn dân bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thành công rực rỡ.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản vô lượng cát tường, thành tựu viên mãn các Phật sự cũng như thế sự trong hào quang gia hộ của chư Phật.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh!

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN NHƠN

ĐỨC THỂ TÔN RA ĐỜI - SỰ KIẾN HI HỮU CỦA THẾ GIAN

(Bài giảng nhân Đại lễ Phật đản PL.2565 - DL.2021)



HT. Thích Bảo Nghiêm*

Cách đây 2645 năm, Bồ tát Hộ Minh từ cung trời Đâu Suất thị hiện giáng trần qua hiện tướng của Thái tử Tất Đạt Đa (**Siddhārtha Gautama**) con Đức vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Maya. Năm 29 tuổi, Thái tử xuất gia, 35 tuổi thành đạo có tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau 45 năm giáo hóa độ sinh, vào năm 80 tuổi Ngài vào vô dư Niết bàn.

Sự hiện hữu của Đức Thể Tôn trên đời đã mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của nhân bản hướng đến sự tự do, bình đẳng và từ bi đích thực cho con người và muôn loài. Đây được xem là **sự kiến hi hữu** của thế gian mà kinh điển ghi nhận là *“Một vị thánh xuất hiện ở đời, vì hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người” (Tăng Chi I, chương 1, phẩm Một người).*

1/ Hi hữu với tâm từ bi vô lượng

Trong một buổi lễ hạ điền diễn ra vào đầu năm, cả Đức vua và vương triều đều tập trung vào nghi thức cày cấy thì Thái tử Sĩ Đạt Ta đã nhìn thấy những loài côn trùng đau quằn quại bởi những luống cày xới lên, những con chim sẽ sà xuống gập đi. Ngài bèn tìm đến gốc cây hồng táo để tĩnh tọa, trầm tư về từ sinh. Một hoàng nhi chỉ vừa bảy tuổi thay vì nô đùa, vui chơi với lễ hội, vô tư với vụ mùa đầu xuân thì ở đây Ngài đã nhìn thấy tận gốc rễ khổ đau của kiếp sống. Cái đau khổ của sự giành giật, mạnh được yếu thua ngay cả những loài côn trùng nhỏ bé nhất.

Ngang qua ánh sáng duyên khởi, nhân loại dần nhận ra rằng, sự sống của con người không tách rời sự sống của muôn loài, từ chim muôn thú rừng cho đến cỏ cây hoa lá. Môi trường có sự tương tác kỳ diệu với con người. Môi trường tốt sẽ dẫn đến cuộc sống tốt, sống ngôi biên cả, núi rừng, cây cối, chim muôn thú rừng được bảo vệ thì con người sẽ đảm bảo được sức khỏe, ít bệnh tật, sống trường thọ, ít gặp tai ương. Môi trường bị tàn phá, động vật bị sát hại thì cuộc sống con người sẽ rơi vào khủng hoảng, khó khăn. Và dịch bệnh Covid-19 đang chính là một minh chứng cho điều ấy. Đó là hệ quả tất yếu của sự tàn phá môi trường, sát hại sinh thú do chính con người tạo nên mà nhân loại đang phải đối mặt.

Khi lớn khôn, trong một cuộc dạo chơi qua bốn cửa thành, thay vì thường ngoạn, vui chơi thì Thái tử lại tỏ ra ưu tư khi nhìn thấy tứ tượng vô thường - sinh, lão, bệnh, tử - khiến ngài xúc động mạnh mẽ. Ngay lúc đó, Ngài suy nghĩ rồi đây ta cũng sẽ già, bệnh và chết như bao người. Từ đó, Ngài đề tâm đến việc tìm đạo để cứu đời.

2/ Hi hữu với sự từ bỏ vĩ đại

Là một hoàng thái tử ở trên ngôi cao địa vị, ở trong cung vàng điện ngọc với cung phi mỹ nữ bao quanh vậy mà Ngài từ khước mọi quyền lực, danh vọng, hạnh phúc thế gian, từ già mẹ cha, cáo biệt vương triều đi thẳng vào rừng để tìm đạo mong độ mình, cứu đời. Danh vọng, địa vị, quyền lực, tài sản, hạnh

phúc gia đình ... là những thứ mà thế gian khát khao tìm cầu, lịch sử nhân loại đã chứng minh bao nhiêu cuộc chiến tranh, bao nhiêu sự giành giật gây chết chóc, tang thương cũng không có gì ngoài những thứ tham này. Ấy vậy mà Ngài đã rũ bỏ một cách nhẹ nhàng như bụi trần vương áo, như gió qua cành khô. Một sự từ bỏ vĩ đại mà mấy ai thực hiện được!

3/ Hi hữu với tâm bình đẳng

Xã hội Ấn Độ cổ đại lúc bấy giờ, con người được phân chia thành bốn giai cấp rõ rệt. Nhưng Đức Thế tôn thì thiết lập một lối sống mới, lối sống đặt trên nền tảng bình đẳng giữa con người với con người, bình đẳng giữa nam và nữ, không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và dòng nước mắt cùng mặn. Nhân phẩm con người không nằm ở sắc tộc, màu da, tư tưởng, tướng nam hay tướng nữ, nó nằm ở nhân cách đạo đức và lối sống thiện lành. Tôn giá Đại Ca Diếp (Mahakassapa) là giáo chủ của một tôn giáo thờ lửa, Vô Nã (Angulimala) là tên sát nhân, Ưu Ba Ly (Upali) là người gánh phân, Ambapālī vốn là một kỹ nữ danh tiếng, Cấp Cô Độc (Anāthapindika) là một tỷ phú, Kỳ Bà (Jīvaka) là lương y tài danh... Dẫu mỗi người với thành phần địa vị, xã hội khác nhau nhưng khi đã dự vào hội chúng của Đức Thế Tôn thì như nước trăm sông đổ vào biển cả, nước hòa làm một, không giữ tên tuổi của từng dòng sông. “*Này các Tỷ-kheo, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravati, sông Mahī, các con sông ấy*

khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là ví dụ chưa từng có” (Tiểu bộ kinh 1, Kinh Phật Tự Thuyết, Chương Bốn - Phẩm Meghiya).

4/ Hi hữu với tính nhân bản

Đất nước Ấn Độ là một trong những chiếc nôi văn minh của nhân loại với hàng trăm học thuyết, tư tưởng, tôn giáo đều lấy Phạm thiên (Brahma) thượng đế, thần linh làm đối tượng tôn kính, làm trung tâm lễ sống. Đức Thích Ca Mâu Ni lại lấy đối tượng con người làm trọng tâm (Nhân vi tối thắng).

Đức Phật dạy rằng mỗi người tự quyết định chọn con đường mình đi và nhận lấy kết quả thiện ác, tốt xấu do chính mình tạo ra. “*Trong tất cả các pháp, tâm làm chủ tâm tạo tác tất cả”* (Pháp Cú 1-2). “*Tâm làm chủ, tâm tạo tác*” ở đây được hiểu là mình quyết định cho cuộc sống sướng khổ, buồn vui của chính mình mà không ai khác. Nếu có một sự giải thoát hay ràng buộc nào thì sự giải thoát, buộc ràng đó chính là do ta tạo nên. Ta kiến thì thấy có một đối tượng ngoài mình an bài, định đoạt số phận của mình. Chính kiến sẽ thấy rằng không ai khác hơn chính ta là người quyết định cho ta ngay kiếp sống này và tương lai. Nói cách khác, ta sống thuận với qui luật khách quan (nhân quả), ta có tuệ giác để chọn lựa tương lai tốt xấu của mình ngay nơi suy nghĩ, lời nói và hành động của mình. Ta là chủ nhân ông tạo nghiệp và chính ta thừa tự nghiệp quả ấy. Chính nghiệp là



nơi ta nương tựa, đưa ta đi đến tái sinh. *“Con người là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu (Trung Bộ Kinh, Tiểu Nghiệp phân biệt số 135).*

5/ Hi hữu với tự do tư tưởng

Con người sống phải có đức tin nhưng không phải đức tin mù quáng mà là đức tin có trí tuệ, có sự thâm xét nơi chính chúng ta. Tín mà thiếu tuệ sẽ dễ rơi vào cuồng tín và tà kiến. Giáo pháp do Đức Thế tôn thuyết giảng có những đặc tính: *“Thiết thực hiện tại, vượt thoát thời gian, đến để mà thấy, chỉ có bậc trí mới thấu hiểu, có khả năng hướng thượng và đưa người tu đạt đến quả Thánh”*. Với 6 đặc tính này cho ta có cái nhìn toàn triệt về pháp bằng trí tuệ mà không phải niềm tin vô căn cứ. Từ đó biết được con đường đúng sai, kết quả thiện ác mà thực hành: *“Này các người Kâlâma, đừng tin vì nghe nói lại, đừng tin vì theo phong tục, đừng tin vì nghe tin đồn, đừng tin vì kinh điển truyền tụng, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì công thức, đừng tin vì có suy tư đầy đủ về những dữ kiện, đừng tin vì có thâm sát và chấp nhận lý thuyết, đừng tin vì thấy thích hợp, đừng tin vì Sa môn là thầy mình. Nhưng này các người Kâlâma, khi nào các người tự biết rõ: Các pháp này là thiện, các pháp này là không đáng chê, các pháp này được người trí khen ngợi, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận thì dẫn đến hạnh phúc an vui, thời này các người Kâlâma, các người hãy đạt đến và an trú (Kinh Tăng Chi Bộ I).*

Hướng về Đại lễ Vesak PL. 2565 với ba sự kiện lớn kỷ niệm Đức Thế Tôn đản sinh, Thành đạo và Niết bàn, ôn lại vài dấu son trong cuộc đời và đạo nghiệp của Ngài để nhắc nhở chúng ta rằng, tuệ giác sáng ngời của bậc Đạo sư vẫn còn đó cho chúng ta. Mỗi người hãy thực tập giáo pháp và đem giáo pháp vào đời, giúp cuộc đời chuyển hóa đem lại hạnh phúc an lạc và lợi ích cho chư thiên và loài người mà Đức Thế Tôn hằng nhắc nhở chúng ta.

Đại lễ Phật đản năm nay đúng vào dịp kỷ niệm 40 năm thành lập GHPGVN (1981-2021). Đây là sự kiện trọng đại của nền Phật giáo có hơn hai nghìn năm lịch sử, là sự kết tinh của quá trình tu tập, hành đạo của 09 Giáo hội, Hệ phái Phật giáo kết thành. Có thể nói, đây là cuộc thống nhất Phật giáo kỳ vĩ ngang tầm với kỷ thống nhất dưới triều Trần, do chính Sơ tổ Trúc Lâm hợp nhất ba Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường thành một Giáo hội duy nhất. Vì thế, mỗi Tăng Ni, Phật tử chúng ta hãy không ngừng nghỉ việc đem Đạo Từ bi tỏa sáng khắp muôn nơi như huân thị của Thế Tôn: *“Này các Tỳ kheo, hãy lên đường thuyết pháp vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người” (Kinh Đại Bản, Trường Bộ I)*, như một việc làm có ý nghĩa để dâng lên Ngài thay lời tri ân trong mùa Đản sinh này.

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

* HT Thích Bảo Nghiêm: Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Ban Hoằng pháp TỰ-GHPGVN.



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



Tuyên ngôn ĐỨC PHẬT VÀO ĐỜI



Trần Quê Hương

+ Kính mừng ngày Đức Phật đản sinh PL. 2565 (Rằm/ 04/ Tân Sửu - 2021)

1.

Từ hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm năm (2645) xưa
Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni vào đời

mang tình yêu chân lý

Ngài thương yêu con người,
thương yêu cuộc đời...

bằng trái tim Bi Trí,

với cả tâm lực Đại Từ

Ngài chỉ rõ cho con người phương cách
nhận ra nguyên nhân của sanh tử khổ đau!

Đồng thời,

Ngài cũng chỉ rõ cho con người phương cách biết
tìm lại chính mình

Mà khởi đầu là Tuyên ngôn ĐẢN SINH hy hữu:

**“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn
vô lượng sinh tử, ư kim tận hỷ”**

2.

Từng bước đi

Từng bước đi

Với tâm lực **Bi Trí Dũng**

Từ cung trời Đâu Suất

Ngài thị hiện vào đời

Thọ sinh vào hoàng cung

Làm Thái tử Sĩ Đạt Đa

Làm người con yêu quý của dòng họ Thích Ca.

Trong cung vàng điện ngọc

Với vợ đẹp con yêu

Với uy quyền danh dự

Với nhung lụa cao sang

Và từ đây,

Ngài chỉ rõ cho chúng ta,
cho con người trần thế

Thấy biết, nhận ra thế nào là sự trói buộc của **Tập đế**
- nguyên nhân tạo ra mọi hậu quả của khổ đau.

Và cũng từ đây,

Ngài vạch ra cho chúng ta,
cho con người sự cảm nhận...

- tự biết quay về với chính mình, biết tư duy,
nhận ra những gì thiện và ác do mình tạo ra,

biết dừng lại, không cho thân - khẩu - ý gây
thêm tội lỗi, khổ đau.

Và cũng từ đây,

Từ ngai vàng ngôi báu dòng Thích Ca

Ngài vạch ra cho con người một hướng đi cao thượng.

Tự mình giác ngộ

- những hư huyền phù phiếm của thế trần.

Tự mình biết nhận ra

tham sân si... nơi thân và tâm của mình

là quyền thuộc của ma vương.

Tự mình biết nhận ra

- những cảm xúc của yêu thương, của danh

vị là những ảo giác của vô minh.

Và từ đây,

Giữa hoàng cung - nửa đêm mê mờ... bừng ngộ

- Tâm lòng thương yêu con người dâng cao

- Vàng hào quang trí tuệ dâng cao

- Tâm lực chí nguyện dũng mãnh dâng cao

Ngài rời hoàng cung,

Ngài từ bỏ tất cả...

Cưỡi ngựa Kiên Trắc, vượt dòng sông A Nô Ma...

Nương thanh vắng đi tìm chân lý cho đời.

3.

Bằng tâm lực Bi Trí Dũng

Bằng cả tấm lòng thương yêu con người và cuộc đời

- 6 năm tìm cầu chân lý

- 6 năm thọ học từ các vị đạo sư

- 6 năm khổ hạnh rừng già

- 6 năm hoà nhập cảnh tịnh thiên nhiên

Cuối cùng,

- 49 ngày thiền định dưới cội bồ đề,

Ngài lần lượt chứng đắc, an trú quả vị

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đầy đủ thần thông.

(Qua sự thân chứng của tự thân, sau này Ngài đã

chỉ rõ cho con người con đường và phương pháp

diệt tận khổ đau, tu tập đưa đến thành tựu, an trú
Niết bàn).



4.

Suốt 45 năm hoàng hoá độ sinh,
Ngài dẫn thân từ làng này sang làng khác,
Từ quốc độ này sang quốc độ khác,
Từ thành thị đến thôn quê,
Từ phố xá náo nhiệt đến rừng vắng thanh u, thâm
sơn cùng cốc...
Từ vua chúa cao sang đến trường giả triệu phú và
thứ dân nghèo khó...
Không phân biệt nam nữ, ngữ ngôn...
Ngài tiếp độ mọi giai cấp, mọi thành phần...
hội đủ nhơn duyên quy ngưỡng về nương cội Giác.
Ngài thành lập Giáo đoàn Tăng già.

Quy tụ hàng ngàn vị Thánh Tăng chứng
quả Thanh văn A la hán,
Mà trong các kinh điển lưu truyền thường
nêu danh tánh như các Trưởng lão: Ma ha Ca Diếp,
Ma ha Ca Chiên Diên, Da Xá,
Châu Lợi Bàn Đà, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên,
Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ly, Nan Đà, La Hầu La v.v...
Đồng thời, sau đó một thời gian, do yêu cầu tha thiết
của Tôn giả A Nan, Giáo đoàn Ni giới cũng được hình
thành do Di mẫu Ma ha Ba Xá Ba Đề dẫn đạo, trong
đó Công chúa Gia Du Đà La và nhiều vị Thánh Ni noi
giương Đức Phật quyết tâm dẫn thân hoàng hóa...

Trong hàng Thánh Cư sĩ có:

Trưởng giả Cấp Cô Độc, Thái tử Kỳ Đà và tín nữ Vi
sa kha (Tỳ Xá Khư) cùng nhiều vị tín tâm thâm sâu
nhất tâm hộ trì Phật pháp.

Hàng vua chúa có:

Bình Sa Vương, Ba Tư Nặc, A Xà Thế... và nhiều
hoàng hậu, công nương... chí thành, chí kính...
hướng về Tam bảo tín tâm tu học.

5.

Sau 45 năm hoàng hóa độ sinh,
Năm Đức Thế Tôn tròn 80 tuổi,
Đạo nghiệp viên thành,

Ngài thị nhập Niết bàn dưới cội cây Sa la... thành
Câu thi na.

- Ngài an trú Pháp thân,
- xả bỏ huyền thân
- hội nhập Vô dư y Niết bàn vô lượng thọ...!
Đến nay Giáo pháp tròn hai ngàn năm trăm sáu
mươi lăm năm (2565)
Dù trải qua vô vàn suy thịnh
Vô vàn biến đổi của thời gian
Nhưng giáo pháp của Đức Thế Tôn vẫn ngày ngày
gieo thêm hạt mới.
Anh đạo vàng Tăng già luôn sinh động
Tỏa hào quang tươi thắm khắp năm châu.

Ngày càng lan xa, lan xa...

khắp quốc độ, khắp quê hương...

- không phân biệt chủng tộc, màu da
- không phân biệt ngữ ngôn, tập quán.

Tất cả gặp nhau,

Trong ánh sáng diệu kỳ

Tất cả gặp nhau,

Trong giáo lý từ bi

Giúp con người khai nguồn chân lý

Giúp con người phá tan nghiệp thức vô minh

Giúp con người soi sáng tâm linh.

Tự giác quay về chơn tánh Pháp thân

Tâm là Phật, Phật là Tâm mẫu nhiệm

Đạo quả Bồ đề Vô thượng thậm thâm.

**“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn
Vô lượng sinh tử... Ư kim tận hỷ!”**

*Thanh Tịnh am,
mùa Phật đản PL.2565 - DL.2021*

PHẬT GIÁO

**ĐỒNG HÀNH
CÙNG DÂN TỘC**





Gần 900 Tăng Ni tốt nghiệp Cử nhân và Thạc sĩ Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM. (Nguồn: duyenkhoi.vn)

PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

TRONG THỜI ĐẠI MỚI



TT. Thích Phước Đạt*

Cho đến hôm nay, âm vang chiến thắng của dân tộc Việt Nam vẫn còn vang vọng trong tâm thức con người Việt Nam: “*Việt Nam từ trong máu lửa, rũ bùn đứng dậy sáng lòa*” bằng sự kiện Đại thắng mùa xuân 1975 vô tiền khoáng hậu, giang sơn thu về một mối, đất nước thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Từ đây, lịch sử dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới. Kỷ nguyên cả dân tộc quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam, con người Việt Nam độc lập tự do, hạnh phúc và hòa bình, thịnh vượng dài lâu. Nó là xuất phát điểm của thời đại mới: Thời đại đất nước chủ trương phát triển hội nhập toàn cầu trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, môi sinh, nhất là công nghệ khoa học kỹ thuật số với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh” và tầm nhìn “đến năm 2045 đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Truyền thống Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay là đồng hành cùng dân tộc trong tiến trình dựng nước và giữ nước. Thực tế, đất nước ta không lớn so với các cường quốc trên thế giới. Song, trong suốt hành trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, giới Phật tử Việt Nam, tự thân là những người con của dân tộc chưa một lần chịu khuất phục, đầu hàng với bất kỳ kẻ thù nào đến gây hấn hay xâm lược. Dân tộc ta bao giờ cũng bất khuất, vẫn thể hiện bản lĩnh tự chủ của một dân tộc Việt hào hùng, không ngừng nỗ lực thăng tiến vươn lên là một sự thật hiển nhiên. Chính tư tưởng yêu nước là yêu đạo, niềm tin vào chính mình và tự hào về dân tộc, tự thân biến thành cốt tủy và máu thịt để nhân dân ta từ trên chí dưới đoàn kết lại, thương yêu nhau như người trong một nhà không có một sức mạnh nào lay chuyển được. Tất cả trở thành kim chỉ nam của Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

Thể hiện rõ nét nhất và
đầu tiên của tinh thần
đồng hành cùng dân tộc
là sự nỗ lực ra đời của tổ
chức Giáo hội Phật giáo
Việt Nam vào năm 1981.



trong thời đại cả 54 dân tộc anh em chung sống hòa thuận trong đại gia đình, trên dải đất hình chữ S với ý niệm hòa bình, cùng nhau hội nhập và phát triển thịnh vượng dài lâu.

Cốt tủy của tinh thần đồng hành cùng với dân tộc trong thời đại mới là Phật giáo Việt Nam chủ trương hòa hợp và hòa bình thịnh vượng trong một bối cảnh lịch sử cả dân tộc vươn mình đứng dậy sau những cuộc trường chinh khốc liệt chiến vệ quốc thành công, chấm dứt chiến tranh, xóa bỏ hận thù, Việt Nam làm bạn khắp tất cả. Trong ý niệm hào hùng đó, Phật giáo Việt Nam đã cùng nhân dân Việt Nam chung tay kiến tạo đất nước thịnh vượng, hội nhập và phát triển toàn diện trên mọi phương diện và lĩnh vực. Thể hiện rõ nét nhất và đầu tiên của tinh thần đồng hành cùng dân tộc là sự nỗ lực ra đời của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam hội đủ điều kiện để các tổ chức hệ phái sáp nhập vào ngôi nhà chung “Giáo hội Phật giáo Việt Nam”. Ngay lời nói đầu của Hiến chương đã nêu rõ lập trường, quan điểm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: “Trong gần hai ngàn năm hoằng pháp độ sinh trên đất nước Việt Nam và hòa mình trong dân tộc, Đạo Phật đã trở thành một tôn giáo của dân tộc. Với truyền thống yêu nước, Phật giáo Việt Nam bao giờ cũng là thành viên được tin cậy trong khối đoàn kết toàn dân, suốt dòng lịch sử dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa, cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc ... Nguyên vọng thống nhất Phật giáo đã thực hiện từ lâu, nhưng chưa được trọn vẹn, nay trong bối cảnh dân tộc đã độc lập, Tổ quốc đã thống nhất,

cả nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, Phật giáo Việt Nam có đủ cơ duyên thống nhất thật sự để duy trì chánh pháp, góp phần tích cực cùng toàn dân đem lại vinh quang cho Tổ quốc, hòa bình an lạc cho dân tộc và nhân loại... Sự thống nhất này xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên, các truyền thống hệ phái cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chánh pháp đều được tôn trọng, duy trì”.

Bản Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là cơ sở nền tảng để Phật giáo nước nhà thực thi tinh thần đồng hành cùng dân tộc trong thời đại mới, nhằm đáp ứng các nhu cầu lịch sử đất nước đặt ra. Đó là sự chung lòng của giới Phật giáo đã cùng toàn dân trong việc chung tay kiến tạo đất nước, phục hưng mọi giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao giá trị đời sống hạnh phúc cho mỗi người dân trong bối cảnh đất nước hòa bình, chính trị xã hội ổn định, kinh tế bước đầu phát triển mạnh mẽ. Khi nước nhà chủ trương chuyển từ một nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 1986, trên tinh thần đổi mới tư duy, cải cách cơ chế, Phật giáo Việt Nam cũng chuyển mình rõ rệt để đồng hành cùng dân tộc trong một thời kỳ mới, vận hội mới mà đất nước giao phó. Khác với thời chiến tranh binh lửa, Phật giáo quyết sống còn cùng với dân tộc để bảo vệ sự tồn vong của quê hương xứ sở, thì trong thời bình, giới Phật giáo cũng ý thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của chính mình đối với công cuộc kiến thiết quốc gia, đóng góp sức mình cùng toàn dân xây dựng một đời sống hạnh phúc, thịnh



Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đầu tiên tâm niệm chỉ đạo: “Những gì tôi làm lợi ích cho Đạo pháp tức là cho Dân tộc; những gì tôi làm lợi ích cho Dân tộc tức là cho Đạo pháp”.

vượng dài lâu như lời mở đầu của Hiến chương. Huống chi, thuộc tính Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên nền tảng “hòa hợp”, “thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức”, nhờ vậy kết nối được sức mạnh nội tại toàn dân đã làm nên kỳ tích cùng đất nước bước sang thời kỳ độc lập, tự chủ, hòa bình và thịnh vượng dài lâu. Mặt khác, xuất phát từ khởi điểm “Chánh tư duy”, Phật giáo đã cụ thể hóa tinh thần đồng hành cùng dân tộc bằng tinh thần tùy duyên, năng động, tích cực nhập thế trên các lĩnh vực xây dựng con người hướng thiện, ở đó có sự hoàn thiện cá nhân, có trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Suy cho cùng tiềm lực của quốc gia không chỉ ở việc sở hữu tài nguyên của đất nước mà còn tùy thuộc vào chủ nhân sở hữu tài nguyên trí tuệ của toàn bộ dân tộc ấy. Phật giáo được xác lập là tôn giáo lớn của dân tộc, hẳn nhiên sức mạnh tiềm ẩn của quần chúng theo Đạo Phật đóng góp cho công cuộc xây dựng quốc gia Việt Nam trở nên hùng cường, thịnh vượng là sự thật hiển nhiên. Từ trong quá khứ Phật giáo đã từng làm, ngay trong hiện tại đang thực thi và tương lai sẽ tiếp diễn không ngừng nghỉ. Ta chẳng ngạc nhiên, sau 3 lần chiến thắng quân Nguyên Mông, đất nước bước sang thời kỳ hòa bình, cả dân tộc khát vọng xây dựng quốc gia Đại Việt trở nên hùng cường với hào khí Đông A. Phật giáo Trúc Lâm thời Trần, dưới sự lãnh đạo của Phật hoàng Trần Nhân Tông đã thể nhập tinh thần đồng hành cùng dân tộc. Cho nên, tuyên ngôn của Phật giáo Trúc Lâm vào thời bình được Phật hoàng Trần Nhân Tông nêu rõ ở việc tái thiết quốc gia đó

thật là sinh động: “*Dựng cầu dò, giỏi chiến thắng, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu*” như *Cư trần lạc đạo phú* đã ghi.

Trong hiện tại, với 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, song hành là 35 năm đất nước đổi mới, cả hai thực thể đã gắn bó, hòa quyện thành một thực thể duy nhất để cùng nhau phát triển và hội nhập toàn cầu trên mọi lĩnh vực trong mọi phương diện. Một mặt, Phật giáo Việt Nam không ngừng phát triển tận cùng khả năng giác ngộ giải thoát từng cá nhân để vươn lên đỉnh cao trí tuệ của con người; mặt khác, không ngừng khuyến cáo Phật tử hãy tích cực đóng góp sức mình cho đời sống mọi người dân được hạnh phúc bằng cách hết lòng phục vụ đất nước, phụng sự dân tộc với những người gần mình và có ân nghĩa đối với cuộc sống của mình. Đó cũng là thông điệp giới lãnh đạo tối cao Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, cụ thể là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ - Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đầu tiên tâm niệm chỉ đạo: “*Những gì tôi làm lợi ích cho Đạo pháp tức là cho Dân tộc; những gì tôi làm lợi ích cho Dân tộc tức là cho Đạo pháp*”.

Chính tư tưởng và triết lý hành động thiết thực này đã được giới Phật tử Việt Nam tiếp thu và phát huy, hình thành nên mẫu người Phật tử thời nay biết đem đạo ứng dụng vào đời thật hữu ích. Không chỉ giới xuất gia mô phạm trong chốn thiền môn mà ngay cả giới tu hành tại gia của thời đại này đều tích cực tham gia vào các hoạt động của đời sống kinh tế, chính trị, an sinh của đất nước. Họ có thể

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

là những trí thức Phật tử, những nhà giáo tận tụy, những lương y như mẹ hiền, nhà kinh doanh, kỹ sư... tùy theo sự phân công và khả năng của mình mà sẵn lòng đóng góp tích cực trong ý niệm hòa hợp và hòa bình. Hình tượng này là tiêu biểu cho mẫu người Việt Nam thời đại mới nói chung, chứ không riêng gì cho Phật giáo. Họ có thái độ sống theo tinh thần tùy duyên, tùy thời mà vì dân, vì nước chứ không vì sự giải thoát riêng mình. Kết quả, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được mọi người dân ủng hộ, họ tích cực tham gia đóng góp mọi lĩnh vực mà 13 Ban, Ngành, Viện chuyên môn trực thuộc Giáo hội quản lý khởi xướng mọi kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, mang tính giá trị thiết thực cao cho Phật giáo, cũng là góp phần cho quốc gia hưng thịnh, xã hội an lành. Cùng với tốc độ phát triển kinh tế nhanh của đất nước, sự đổi mới cơ chế thị trường, đồng thời tạo sự thông thoáng về môi trường đầu tư của chính phủ, để đi đến sự thành công nói trên của Phật giáo, chúng ta phải kể đến yếu tố văn hóa, yếu tố con người rất quan trọng. Thực tế, cốt lõi văn hóa Phật giáo là nền văn hóa duyên khởi, vô ngã, vô thường có khả năng dung hợp, thích ứng tất cả mọi điều kiện, yếu tố, kể cả môi trường theo mọi không gian và thời gian.

Con người Phật giáo được đào tạo để sở hữu trí tuệ trên nền tảng đạo đức hoàn thiện. Suy cho cùng, Phật giáo Việt Nam luôn biết cách khai mở sức mạnh tiềm ẩn nội lực cộng sinh từ trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực sẵn có để đóng góp cho Giáo hội cũng là đóng góp cho đất nước Việt Nam trong thời đại mới. Có thể nhìn vào chương trình đào tạo con người Phật giáo mà Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương thiết lập thì sẽ rõ. Cả nước có 4 Học viện đào tạo chương trình Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ Phật học; có đến 9 trường Cao đẳng Phật học; 36 trường Trung cấp Phật học và 40 trường Sơ cấp Phật học. Đây chính là những cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước. Các Tăng Ni và Phật tử sau khi tốt nghiệp các cấp chương trình Phật học đã tham gia lãnh đạo Giáo hội, hoặc các Ban, Ngành, Viện chuyên môn, cũng như làm vị thầy tâm linh hướng dẫn cho quần chúng Phật tử có nếp sống đạo, yêu đạo chính là yêu nước tùy theo khả năng đóng góp và sự phân công của xã hội.

Việc sở hữu nguồn tài nguyên trí tuệ con người và phân phối tài nguyên trí tuệ mà chính phủ chủ trương trong thời đại đất nước phát triển và hội nhập toàn cầu để tăng trưởng kinh tế, tạo chất lượng sống giá trị và phúc lợi cho toàn dân là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu cần thực thi. Phật giáo chủ trương con người là chủ nhân ông của nghiệp, là thừa tự nghiệp, con người cần lấy trí tuệ làm sự nghiệp để đồng hành cùng dân tộc trong thời đại đất nước vươn lên tầm cao với các nước trong khu vực. Phật giáo sẽ chia nguồn tài nguyên trí tuệ bằng sự hoằng pháp không biết mệt mỏi, kiến tạo nhiều chương trình an sinh xã hội, từ thiện công ích, tuệ tĩnh đường, xây cầu... Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hết sức cấp thiết đối với đất nước, có thể xem như là chìa khóa vạn năng của nền kinh tế thị trường trong xu hướng đổi mới của thời đại mới là bứt phá từ nền kinh tế số. Việc đầu tư phát triển kinh tế số, chuyển đổi số được xác định là một trong những đột phá chiến lược, là nhiệm vụ trọng tâm. Nhà nước đã từng bước ban hành những chính sách về kinh tế số cần bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc, thống nhất để các kế hoạch, chương trình về kinh tế số được triển khai trong thực tiễn cuộc sống.

Đồng hành cùng dân tộc, cùng đất nước, trong những năm gần đây Phật giáo Việt Nam cũng bắt nhịp cùng với đất nước thời đại. Là tôn giáo của dân tộc, đi đầu trong việc ứng dụng kinh tế kỹ thuật số, Phật giáo đã chủ trương bước đầu xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu Giáo hội từ cấp Trung ương đến địa phương, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng, nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu một cách đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện cho người Phật tử nắm bắt thông tin dữ liệu về tổ chức Giáo hội và truyền bá văn hóa Phật giáo nước nhà một cách hữu hiệu. Phật Sự Online, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Báo Giác Ngộ Online, các trang web... là minh chứng cụ thể về vấn đề kết nối truyền thông trong thời đại mới, vận hội mới của Phật giáo và của đất nước. Điểm đáng nói, khi Giáo hội chủ trương từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và không ngừng nâng cấp hệ thống công nghệ kỹ thuật số để mọi cơ quan hành chính Giáo hội có thể liên kết các cơ quan chức năng một cách thuận lợi, cũng như mọi người dân được sử dụng, được hưởng lợi từ những tiện ích do sự chia sẻ tài nguyên trí tuệ mà nền kinh tế số mang lại. Mới đây, Giáo hội đã ghi nhận hiệu quả và lợi ích về hiệu năng cải



cách hành chánh, việc phổ biến chuyên môn và cả giá trị kinh tế trong việc hợp tác trực tuyến giữa hai Văn phòng Trung ương Giáo hội và tiến đến kết nối 63 Giáo hội cấp tỉnh, thành.

Trong bối cảnh toàn cầu đang đối diện đại dịch Covid-19, việc ứng dụng nền kinh tế số vào đời sống thực tiễn lại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Việt Nam là nước quyết tâm thực hiện mục tiêu kép: vừa không chệch dịch thành công, vừa bảo đảm tăng trưởng kinh tế trên 2,91% đã được cộng đồng thế giới hoan nghênh. Trong thành tựu đó, giới Phật giáo đã đồng hành cùng đất nước bằng sự nhận thức cao độ về việc nâng cao chất lượng sống của con người, con người là nhân vật trung tâm, vì thế việc duy trì Chánh mạng là ưu tiên hàng đầu. Mỗi người dân Phật tử phải thực hiện nghiêm việc giãn cách xã hội, thực hiện nghiêm túc 5K mà chỉ thị chính phủ ban hành. Quan trọng hơn nữa là các cơ sở tự viện Giáo hội đã nghiêm túc thực hiện nhu cầu tín ngưỡng tâm linh trong thời gian đại dịch xảy ra bằng sự giãn cách xã hội, hoặc thông qua hệ thống mạng, ứng dụng nền công nghệ kỹ thuật số 4.0 đã đáp ứng mọi nhu cầu thời đại đặt ra trong một hoàn cảnh mới, xu hướng mới. Đây là sự đồng hành cùng dân tộc thiết thực mà Phật giáo quyết tâm thực thi hữu hiệu nhất. Những năm gần đây, Chính phủ còn chủ trương không chỉ bảo đảm an ninh tài nguyên sở hữu trí tuệ, thì bên cạnh đó vấn đề an ninh văn hóa cần được thiết lập để định hướng cho quốc gia phát triển và hội nhập toàn cầu, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa Việt. Phật giáo Việt Nam

nhận thức rõ điều này. Bởi lẽ, đây chính là nền tảng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường có bản sắc riêng so với các nước khác, là sức mạnh nội sinh xây dựng sự đoàn kết để từ đó cùng nhau phát triển, hội nhập mà không hòa tan.

Phật giáo Việt Nam đã chủ trương xây dựng nền văn hóa Phật giáo trên nền tảng tiếp biến văn hóa Việt có sự tích hợp, chọn lọc và kế thừa. Hiện thực hóa cho chủ trương này, một mặt Ban Văn hóa Trung ương đã có đề án xây dựng kiến trúc chùa chiền Việt và Y phục Việt; một mặt bảo lưu, truyền thống các giá trị văn hóa Phật giáo thuần Việt mà cha ông dày công xây dựng. Kết quả, hàng loạt chùa, tự viện, danh lam thuộc di sản cấp quốc gia, hệ thống chùa Việt - Trúc Lâm được kiến thiết trên khắp mọi miền Tổ quốc, tiếp nối truyền thống từ xa xưa chùa là trung tâm văn hóa, giáo dục cộng đồng người Việt, nơi hội tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân trong mọi thời đại lịch sử. Đó cũng là mục tiêu tổng quát của Phật giáo Việt Nam thực hiện trong sự nghiệp đồng hành cùng dân tộc trước vận hội mới, thời đại mới. Đây cũng là sự khơi dậy, sự khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc mà mỗi người dân Phật tử Việt Nam hưởng ứng, đồng lòng cùng cả dân tộc thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, vươn tầm ra thế giới trong một tương lai gần.

* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.



Vang vọng Hào khí Đông A - Lễ dâng hương báo công Đức Thánh Trần” năm Kỷ Hợi 2019. (Nguồn: thegioidisan.vn)



Phật giáo thời Trần đồng hành cùng dân tộc

ĐD. Thích Thiện Mãn

Trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo Việt Nam, Phật giáo thời Trần đã phát triển cực thịnh với sự ra đời Phật giáo Nhất tông (Thiền phái Trúc Lâm) mang đậm bản sắc Việt. Thiền phái đã góp phần vào việc phát triển đạo pháp và kiến thiết quốc gia Đại Việt hùng cường mang tính vững bền, phù hợp với xu hướng phát triển của dân tộc. Phật giáo thời Trần vừa giúp thức tỉnh con người tu tập sống đạo đức, vừa hun đúc nên nền văn hiến Đại Việt sáng ngời lịch sử dân tộc.

SỰ HÌNH THÀNH THIỀN PHÁI TRÚC LÂM THỜI TRẦN

Sau khi giành độc lập năm 938, trải qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý đất nước Đại Việt ngày một phát triển. Kế thừa sự nghiệp triều đại nhà Lý, Trần Cảnh lên ngôi tức vua Trần Thái Tông, khai sáng triều đại nhà Trần kéo dài 175 năm (1225-1400) tiếp tục phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực từ nông nghiệp, giáo dục, quân sự cho đến cả văn hóa tâm linh tín ngưỡng. Thăng Long - kinh đô của đất nước, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo, phồn thịnh với 61



Ba vị thiền gia đặt nền tảng (Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ và Trần Thánh Tông) và ba vị Tổ sư (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang) đã góp phần trong việc giáo dục nhân sinh, bảo vệ bờ cõi và phát triển đạo pháp mang đậm bản sắc dân tộc Đại Việt.

(Nguồn: Viện nghiên cứu Phật học Việt nam)

phổ phương. Cả dân tộc sống trong hào khí Đông A hào hùng, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong đời sống sinh hoạt hằng ngày cũng như trong kháng chiến chống Nguyên - Mông xâm lược “vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức” [1]. Lúc bấy giờ, sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm - một thiền phái mang đậm bản sắc dân tộc qua việc hợp nhất các thiền phái như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, và Thảo Đường tạo nên một Phật giáo Nhất tông: “Phật giáo Trúc Lâm - một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là xương sống của một nền văn hóa Việt Nam độc lập. Nền Phật giáo này tuy có tiếp nhận những ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa,

Ấn Độ và Tây Tạng nhưng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình” [2]. Phật giáo Đại Việt thời Trần là Phật giáo nhập thể với tinh thần “tùy duyên bất biến”, đồng hành cùng dân tộc vượt qua bao khó khăn thử thách. Ba vị thiền gia đặt nền tảng (Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ và Trần Thánh Tông) và ba vị Tổ sư (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang) đã góp phần trong việc giáo dục nhân sinh, bảo vệ bờ cõi và phát triển đạo pháp mang đậm bản sắc dân tộc Đại Việt.

TÓ CHỨC PHẬT GIÁO THỜI TRẦN

Về phương diện xã hội, một số chính sách của nhà Trần chịu ảnh hưởng của Phật giáo và có tác động tích cực đến công cuộc

xây dựng và bảo vệ đất nước. Vua Trần Nhân Tông có ý muốn xây dựng một nền đạo đức Phật giáo làm nền tảng cho xã hội Đại Việt, hình thành những mẫu người Phật tử lý tưởng bảo vệ đất nước. Trong đó, mỗi người đều nhận thức rằng yêu nước chính là yêu đạo, yêu gia đình, yêu cha mẹ vợ con. Khi đạo đức con người hoàn thiện thì đất nước hưng thịnh bền vững. Trong *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn nhận xét rằng: “Nhà Trần đãi kẻ sĩ một cách khoan dung, không hẹp hòi, hòa vị mà có lễ phép, cho nên nhân sĩ thời ấy ai cũng biết tự lập, anh hào tuấn vĩ, vượt ra ngoài lưu tục, làm cho quang vinh cả sử sách, không thẹn với trời đất” [3]. Những năm mất mùa, nhiều người bệnh

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

Thông qua bài *Phổ thuyết sắc thân*, Trần Thái Tông khuyến cáo con người nhận thức về sự thật vô thường để bước ra thế giới khổ đau do tự thân chiêu cảm.

(Nguồn: phatgiao.org.vn)



tật, triều đình khuyến cáo những nhà giàu góp thóc gạo để cấp tế, phát thuốc cho người bệnh. Năm 1262, vua Nhân Tông ngự ở phủ Thiên Trường, nhân dân ai ốm hay bệnh có thể đến đây xin hai viên thuốc Hồng Ngọc Sương, hai tiền và hai thăng gạo [4]. Hẳn đây là trường hợp hiếm hoi vị quân vương của một nước thể hiện tinh thần khoan dung, thương người như thể thương thân rất mực chan hòa.

Tổ chức Phật giáo thời Trần thống nhất từ Trung ương đến các địa phương. Mọi công tác Phật sự do các Tổ Trúc Lâm điều hành, đặt trụ sở tại chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang). Các Tăng sĩ nhà Trần được vua Anh Tông cấp điệp vào năm 1308, thông qua các công tác kiểm tăng, cấp điệp, thi sát hạch Tăng Ni nhằm trang nghiêm Giáo hội, đạo pháp trường tồn và đất nước hưng thịnh. Công tác quản lý Tăng Ni, tự viện hàng năm được kiểm tra thống kê, cấp thẻ theo một quy định cụ thể.

Thông qua bài *Phổ thuyết sắc thân*, Trần Thái Tông khuyến cáo con người nhận thức về sự thật vô thường để bước ra thế giới khổ đau do tự thân chiêu cảm: “*Hỡi các người, thân là gốc khổ, chất ấy là nghiệp nhân; nếu tự coi thân đó quả là chân, tức là đã nhận kẻ thù làm ruột thịt*” [5], tổ chức các khóa tu, hành thiền, sám hối,... Tinh thần tùy duyên nhập thế được vận dụng tích cực khi Trần Nhân Tông chủ trương xây dựng hệ thống Thiền - Giáo song hành. Cụ thể trong buổi lễ truyền y bát và ấn chứng cho Pháp Loa làm đệ nhị Tổ, Trần Nhân Tông đã trao 20 hộp kinh điển Phật giáo, cùng 100 hộp kinh điển ngoại thư và dặn dò phải mở rộng việc học nội điển cũng như ngoại điển.

Nhị Tổ Pháp Loa thực hiện các Phật sự do Sơ Tổ giao phó, trong 22 năm hoạt động, đã tổ chức 13 giới đàn, đệ tử xuất gia khoảng 15.000 người và đệ tử đặc pháp khoảng 3000 người [6]. Tổ Pháp Loa đã có công trong việc xây

dựng Giáo hội Trúc Lâm và kêu gọi mọi người chích máu in Đại tạng kinh Việt Nam (ấn bản đầu tiên là 5000 bản). Để đáp ứng nhu cầu tu học của Tăng Ni và Phật tử, Tổ Pháp Loa đã khai sơn các ngôi chùa, xây bảo tháp, kiến tạo 200 tầng xá. Pháp Loa cũng chú trọng việc thuyết giảng kinh điển Đại thừa, mở được 18 khóa giảng, tạo nên phong trào học và thực hành giáo lý nhà Phật. Các khóa niệm cầu an, cầu siêu chấn tế cũng được tổ chức. Năm 1320, sư Pháp Loa tổ chức trai đàn chấn tế ở chùa Phổ Minh trong cung để cầu cho thượng hoàng Anh Tông sống trường thọ. Các bài thơ văn thiền học đời Trần (*Khóa hư lục*, *Phật tâm ca*, *Cư trần lạc đạo phú*, *Vịnh vân yên tự phú*, ...) mang chất thiền vị góp phần vào việc giáo dục con người, phụng sự lý tưởng hòa bình của dân tộc và nhân loại, chứa đựng những ý tưởng thân thiện, hòa ái [7]. Rất tiếc nhiều sáng tác này đã bị nhà Minh thiêu hủy.



Lê Quý Đôn nhận xét rằng: Nhà Trần đãi kẻ sĩ một cách khoan dung, không hẹp hòi, hòa vị mà có lễ phép, cho nên nhân sĩ thời ấy ai cũng biết tự lập, anh hào tuấn vĩ, vượt ra ngoài lưu tục,...

(Nguồn: quankhu3.vn)

Theo *Tam Tổ thực lục*, Sơ Tổ Trần Nhân Tông đã “đi khắp các chốn thôn quê, trừ bỏ dâm tử và dạy dân thực hành thập thiện” [8]. Với chủ trương “hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng sĩ: “Ở trong trần tục mới thấy có bậc Thánh giác ngộ ở đời” [9] giúp mọi người thay đổi cách tư duy về đức Phật, qua đó tác động thay đổi sinh hoạt Phật giáo. Tinh thần nhập thế được thể hiện rất cao qua bài phú *Cư trần lạc đạo* của Trần Nhân Tông: “*Cư trần lạc đạo hãy tùy duyên. Đói cứ ăn no, mệt ngủ liền. Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm. Vô tâm trước cánh, hời gì thiền*” [10].

MỘT SỐ TÂM GUƠng TIÊU BIỂU TRONG VIỆC GIÁO DỤC PHẬT GIÁO THỜI TRẦN

Vâng theo lời khuyên của Quốc sư Viên Chứng: “*Phàm làm đấng quân vương thì phải lấy ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm lòng thiên hạ làm tâm lòng của mình*” [11], vua Trần

Thái Tông (1218-1277) đã quay về kinh thành Thăng Long vừa làm vua, vừa dành thời gian tu tập. Ông cũng bảo rằng: “*Nhà chính trị phải thực hiện Đạo Phật trong xã hội*” [12]. Quan điểm của vua Trần Thái Tông là *Phật tại tâm*, đã tạo niềm tin cho mọi người tu học Phật giáo, không phân biệt tăng hay tục, nam hay nữ, bất cứ thành phần nào trong xã hội, ai cũng có thể là thành viên của Thiền phái. Chùa không chỉ là nơi thờ tự, mà trở thành nơi học tập, trau dồi đạo đức văn hóa toàn dân. Trong *Khóa hư lục*, vua Trần Thái Tông đã nêu lên quan điểm tu đạo “*thiền - tịnh song hành*” trên lộ trình tu tập trở về với chân tâm [13].

Tuệ Trung (1230-1291) là một võ tướng, thiền gia và thi sĩ của lịch sử Việt Nam. Bài *Phật tâm ca* đã toát lên tư tưởng của Thượng sĩ: “*Phật, Phật, Phật, bất khả kiến! Tâm, tâm, tâm, bất khả thuyết! Nhược tâm sinh thời Phật sinh. Nhược Phật diệt thời thị*

tâm diệt. Diệt tâm tồn Phật thị xứ vô. Diệt Phật tồn tâm hà thời yết” [14]. Tư tưởng *hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung nhắc nhở cho giới tu sĩ cũng như Phật tử sống hòa mình vào cuộc đời.

Vua Trần Thánh Tông (1240-1290) giáo dục con người là thức tỉnh con người vạn pháp giai không, Phật Thánh và chúng sanh đều không có sự phân biệt: “*Phật cũng không, chừ người cũng không*” [15]. Vua cũng cảnh tỉnh mọi người đối với việc sanh tử: “*Sống như mặc áo. Chết tựa trút ra. Xưa nay chẳng qua. Một con đường ấy*” [16].

Sơ tổ Trần Nhân Tông (1278-1293) đi khắp thôn quê, khuyến dân thực hành thập thiện, sống tự tại giữa trần thế, thanh nhàn với đạo: “*Bụt ở trong nhà. Chẳng phải tìm xa. Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt. Đến mới hay chính Bụt là ta*” [17]. Sơ Tổ đã khích lệ mọi người từ tu sĩ đến cư sĩ hãy sống hòa mình vào cuộc đời,

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC



Phù Thiên Trường - Đền Trần.
Năm 1262, vua Nhân Tông
ngự ở phủ Thiên Trường,
nhân dân ai đói hay bệnh có
thê đến đây xin hai viên thuốc
Hong Ngọc Sương, hai tiền và
hai thăng gạo.

(nguồn: sưu tầm)

vui với đạo qua bài *Cư trần lạc đạo phú*. Nhị tổ Pháp Loa (1284-1330) có công trong việc xây dựng Giáo hội Trúc Lâm thống nhất hoạt động từ Trung ương đến địa phương, kêu gọi việc in ấn Đại tạng kinh Việt Nam, soạn thảo giáo lý, xây chùa tháp,... tạo tiền đề cho việc hoằng pháp cũng như giáo dục Phật Giáo thời bấy giờ. Khi lui về ở ẩn nơi chùa Hoa Yên (núi Yên Tử), Tổ Pháp Loa về thăm quê hương, xây chùa làng, mở pháp hội bố thí cho người nghèo [18],...

Tác phẩm của tam Tổ Huyền Quang (1254-1334) như *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập*,... đóng góp cho việc giáo dục con người thời Trần bấy giờ. Tam Tổ cũng chủ trương Phật giáo không gắn quyền lợi triều đình mà gắn liền với dân chúng trong sự bình an với tinh thần vô trụ, vô ngã.

Tóm lại, Giáo hội Trúc Lâm thời Trần đã xây dựng một tổ chức Phật giáo vững mạnh trên mọi phương

diện, làm cơ sở vững chắc cho văn hóa tinh thần của dân tộc nói chung và của Phật giáo nói riêng cho đến ngày nay. Tinh thần giáo dục của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần đã góp phần vào việc xây dựng đạo pháp và phát triển dân tộc. Hòa thượng Thanh Từ đã tiếp biến sự phát triển Thiền phái Trúc Lâm đó bằng việc hình thành và phát triển các thiền viện tu học từ Bắc vào Nam, mở các khóa tu thiền, các lớp giáo lý cũng như hoằng pháp các nơi trong và ngoài nước, đem ánh sáng Phật pháp đến mọi người, góp phần vào việc xây dựng văn hóa đạo đức con người cũng như phát triển nước nhà trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Chú thích:

- [1] Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (1995), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, tr.94.
- [2] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, tr.376.
- [3] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, tr.391.
- [4] Thích Đồng Bôn (2006), *Vai trò chính trị của các Tăng sĩ Phật giáo ở thời đại Lý - Trần*, Nxb. Tôn giáo, tr.74.
- [5] Viện văn học (1989), *Thơ văn Lý -*

Trần, tập 2, Nxb. KHXH, tr.54.

[6] Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, tr.84.

[7] Thích Giác Toàn (2010), *Những sáng tác văn học của các thiền sư thời Lý - Trần*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, tr.199.

[8] Thích Phước Sơn (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.20.

[9] Nhiều tác giả (2010), *Phật giáo đời Trần*, Nxb. Tôn giáo, HN, tr.345.

[10] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2 (quyển thượng), Nxb. KHXH, tr.510.

[11] Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 3, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, tr.478.

[12] Thích Đồng Bôn (2006), *Vai trò chính trị của các Tăng sĩ Phật giáo ở thời đại Lý - Trần*, Nxb. Tôn giáo, tr.66.

[13] Nhiều tác giả (2010), *Phật giáo đời Trần*, Nxb. Tôn giáo, tr.442.

[14] <https://www.thivien.net>

[15] Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, tr.59.

[16] Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, tr.59.

[17] Nhiều tác giả (2010), *Phật giáo đời Trần*, Nxb. Tôn giáo, tr.304.

[18] Bồ Đề Tân Thanh - Nguyễn Đại Đồng (2012), *PGVN từ khởi nguyên đến 1981*, Nxb. Văn học, tr.138.

CHÀO MỪNG NGÀY HỘI TOÀN DÂN

CHÀO ngày hội của toàn dân
MỪNG vui đất nước bao lần về vang
NGÀY hội lớn, nổi hân hoan
BẦU người tài đức vững an cơ đồ
CỬ tin nhiệm, lòng bày phò
QUỐC gia dân tộc điểm tô nét vàng
HỘI kẻ sách, thảo luận bàn
KHOÁ từng chiến lược mở mang nước nhà
XV lần tiến vược xa
VÀ rồi tiếp nối bài ca khai hoàn
ĐẠI vì nguyện vọng dân an
BIỂU đạt ý chí vinh quang thái bình
HỘI chung sức, một niềm tin
ĐỒNG tâm giám sát, tầm nhìn dựng xây
NHÂN thời tiếp xúc đó đây
DÂN an hưởng cảnh sum vầy ấm no
CÁC chính sách là thước đo
CẤP từng nhiệm vụ chung lo nước nhà

NHIỆM kế thừa bước thăng hoa
KỶ này phấn đấu vược xa hoàn thành
HAI trọng trách phải tinh anh
KHÔNG ngờ không vực mới giành chiến công
HAI là nhân đức một lòng
MỘT vì dân nước Lạc Hồng ngàn năm
HAI sách lược quyết nâng tầm
KHÔNG thường tự mãn với tâm kêu hùng
HAI cần kiệm tánh bao dung
SÁU tròn bổn phận chung cùng với nhau
THÀNH nhân là bởi dồi trau
CÔNG rèn phẩm chất trước sau vẹn hoà
RỰC màu đỏ thắm cờ hoa
RỒI vui ngày hội nước Nhà reo vang.

ĐD. THÍCH PHÁP TRÍ





(Nguồn: buddhism)

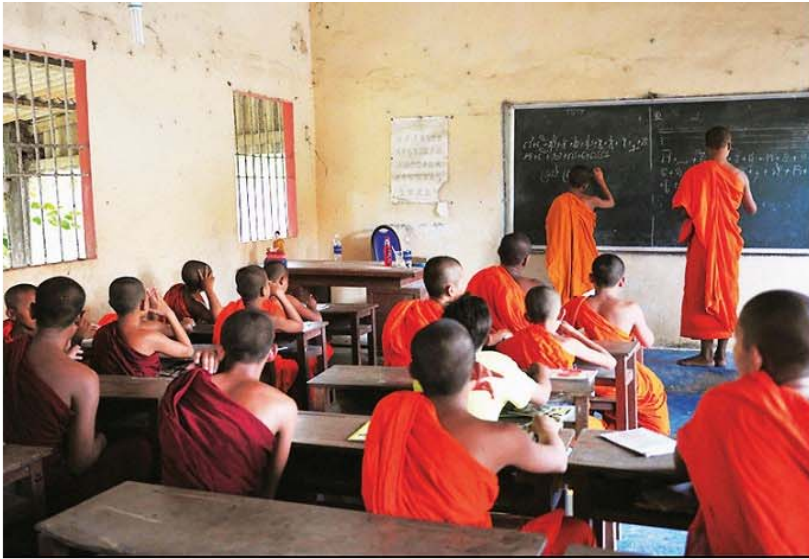
Tản mạn về nền giáo dục Phật học

Nguyễn Khắc Thuần*

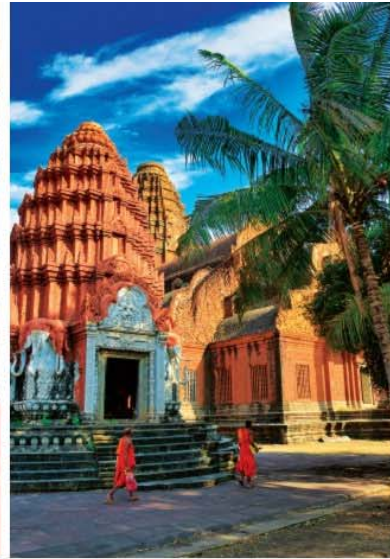
Nền giáo dục ngoại lai xuất hiện sớm nhất ở nước ta chính là Phật học và trải hơn hai ngàn năm, giáo dục Phật học đã thực sự có rất nhiều cống hiến tốt đẹp, xứng đáng được lịch sử trân trọng ghi nhận. Nhưng, thỉnh thoảng đó đây cũng có ý kiến đánh giá chưa công bằng về nền giáo dục này. Ở đây, chúng tôi chỉ xin trình bày vài lời phản ánh suy nghĩ riêng của mình. Nếu có chút khác biệt nào đó, có lẽ cũng là sự bình thường vậy.

KHÔNG CỘNG VỚI KHÔNG BẰNG VÔ HẠN

Cuối thế kỷ I TCN (tức cuối thời Tây Hán) [1], từ Trung Quốc, Phật giáo truyền bá vào khu vực phía Bắc Việt Nam ngày nay. Ở phía Nam, tình hình tương tự cũng diễn ra. Văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo... không bao giờ tự giới hạn phạm vi ảnh hưởng trong một lãnh thổ cố định. Nơi đâu có thể truyền bá nhất định sẽ có sự truyền bá, quy luật vận hành tự thân của những hệ thống đặc biệt này luôn luôn là như vậy. Nhà Sư từ xa xôi tới, lại không phải người Việt nên không biết tiếng Việt; còn người Việt lúc bấy giờ chỉ quanh quẩn trong làng nên chẳng biết tiếng nước ngoài. Trong điều kiện vô cùng khó khăn như vậy, nhà Sư đã làm gì và làm như thế nào để có thể quảng bá Phật giáo và khiến người Việt tin theo Phật giáo. Nhà Sư xa lạ



Một lớp học trong chùa Khmer tại huyện Tiểu Cần.
(Nguồn: baodantoc.vn)



Với Theravada, giáo dục Phật giáo là hoạt động bắt buộc đối với trẻ em trai người Khmer trong mọi phum, sóc.

với chủ trương dùng sự mê hoặc của ma thuật và cũng không ủng hộ chủ trương này bởi giới luật của nhà Phật không cho phép nhà Sư làm vậy. Trở lại với những dòng ghi chép tản mạn của một số người Hoa từng có mặt ở nước ta lúc ấy mới hay, hình ảnh nhà Sư có sức thuyết phục mạnh mẽ với cộng đồng. [2] Bởi nhiều lý do khác nhau, người Việt rất nể trọng:

- Trang phục giản dị của nhà Sư.
- Bữa ăn đạm bạc của nhà Sư.
- Sự đi lại bình dị của nhà Sư như dân thường.
- Nơi ở đơn sơ của nhà Sư.
- Quan hệ giao tiếp đẳng hoàng của nhà Sư.
- Tinh thần nhập thế rất tích cực của nhà Sư.

Chữ Sư (師) trong nhà Sư nghĩa là Thầy. Đây là sự mặc định trách nhiệm và cũng là vinh quang to lớn của các nhà tu hành Phật giáo trước cộng đồng. Lịch sử công bằng và công khai xác nhận sự thật rất tốt đẹp này.

Nhà Sư xưng thầy là chuyện của nhà Sư, xã hội có tôn kính gọi bằng thầy hay không là chuyện của xã hội. Người Việt cổ không có điều kiện và cũng không đủ khả năng xây dựng triết lý cho riêng mình nhưng tự thân cuộc sống luôn luôn có triết lý của cuộc sống. Ai tìm cách khiến mọi người sợ nên buộc phải tuân theo, họ sẽ nghe theo rất nhanh nhưng ngay khi vừa nghe theo, ý định phản kháng đã hình thành. Ai giàu đức độ khiến cho cả thiên hạ phải cảm phục, thiên hạ sẽ vui theo đến cùng, kể cả khi người giàu đức độ ấy đã về với cõi vĩnh hằng. Một trong số những bài học lớn nhất của giáo dục Phật giáo buổi sơ khai chính là đây.

Nhà Sư từ xa tới nên không biết tiếng Việt, đó là con số không thứ nhất. Người Việt cổ không biết tiếng nước ngoài, đó là con số không thứ hai. Trong toán học, không cộng không đương nhiên sẽ bằng không nhưng trong lĩnh vực này không cộng với không lại bằng vô hạn. Vô hạn tôn sùng và cung kính, vô hạn tin theo và tự hứa sẽ sửa mình, vô hạn sợ hãi những gì mình lỡ gây tội lỗi và nhất quyết sám hối.... Một sự vô hạn đầy thách thức đối với cả thời hiện đại chúng ta bởi chẳng ai dám nói mình đã hiểu hết Phật giáo.

KHÔNG THU NHƯNG ĐƯỢC TẤT CẢ

Có một thời rất lâu dài trong lịch sử, nhà chùa là nhà trường, nhà Sư là nhà giáo, xã hội vẫn quen gọi nhà Sư là thầy chùa, giản dị, thân thương, đáng kính nhưng phản ánh chính xác hoạt động giảng dạy của nhà Sư. Thầy chùa vì thầy dạy trong chùa. Thầy chùa vì thầy giảng căn cơ về triết lý nhà Phật. Thầy chùa vì thầy hướng dẫn tận tụy mà không thu tiền. Xin đừng coi thường các chi tiết thoảng nghe cứ ngỡ như đơn giản này bởi khi phải bỏ quá nhiều tiền phục vụ việc học, đậm nhạt tuy có khác nhau nhưng đương nhiên ý tưởng mua bán chữ sẽ hình thành. Người mua chữ có cách diễn đạt theo cách của người mua chữ, quan hệ giữa người thầy và người học cũng dần dần biến đổi.

Tôi không dám, cũng không được phép phản bác việc thu học phí hiện hành nhưng từ sâu thẳm cõi lòng của một nhà giáo cao niên, tôi nghĩ nhiều người học là con nhà nghèo, đừng vô cảm tận thu đối với họ. Lịch sử giáo dục của nhà Phật đã cho chúng ta những bài học vô giá đầy thôi. Ngày xưa ngày xưa, nền giáo dục Phật giáo hoàn toàn miễn phí [3] nhưng



Hơn 800 Tăng Ni sinh an cư kiết hạ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. (Nguồn: phattuvietnam.net)

lại thu được những nguồn lợi vô cùng lớn lao. Nguồn lợi lớn thứ nhất, xã hội tới học và thông qua việc học ấy, họ sẽ hiểu nhà chùa, hiểu nhà Sư hơn, hiểu Phật giáo hơn. Nguồn lợi lớn thứ hai, những giá trị triết lý sinh động của nhà Phật sẽ được xã hội trân trọng thính vè và khéo léo biến thành nội dung của nền gia giáo tốt đẹp, cơ hội thâm thấu và phát triển bền vững của Phật giáo là đây và nguyên nhân tồn tại bất diệt cũng chính là đây. Nguồn lợi lớn thứ ba, dân mộ Phật và kính trọng nhà Sư, dân yêu chùa và luôn luôn tự hào về chùa, bởi vậy kẻ ít người nhiều cùng góp công sức, góp tiền của để xây dựng chùa chiền. Nhìn từ góc độ nào, chùa cũng là một công trình văn hóa của xã hội người Việt. Nhìn từ bất cứ góc độ nào, chùa cũng là biểu hiện của sự phát triển Phật giáo, là chỗ trăm họ cùng tin cậy nguyện cầu quốc thái dân an.

Với Theravada, giáo dục Phật giáo là hoạt động bắt buộc đối với trẻ em trai người Khmer trong mọi phum, sóc. Ủng hộ hay không là quyền riêng của từng người nhưng biện pháp này rất có ích trong quá trình rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống. Ai cũng mong ước con mình mai sau sẽ thành người tử tế và có tài nhưng nếu trời chỉ cho phép được chọn một chữ không cho nhận cả hai chắc chắn đa số các bậc cha mẹ hoàng đế nhất định sẽ chọn con mình

trở thành người tử tế. Từ hơn hai ngàn năm trước, nơi giúp xã hội thực hiện ý nguyện tốt đẹp này là nhà chùa. Học trong chùa tất cả đều bình đẳng, ở đó không ai phân biệt con nhà nghèo hay con nhà giàu, con nhà thấp hèn hay con nhà quyền quý.

Điều ít ai ngờ đối với nền giáo dục nhà Phật xưa là có học, học rất dầy dàng nhưng không tổ chức thi cử. Có người cho đó là khiếm khuyết không thể chấp nhận nhưng có lẽ nhận xét như thế chưa thực sự công bằng. Mục đích cuối cùng và cao nhất của mọi khoa thi vẫn là tìm các bậc chân tài để bổ nhiệm họ giữ những trọng trách phò vua giúp nước. Khi giáo dục Nho học chưa ra đời, nguyên khí quốc gia do chính nhà Phật tạo ra. Lịch sử sẽ mãi mãi khắc ghi tên tuổi của các bậc tu hành đồng thời là những chính trị gia xuất sắc, những danh tướng lỗi lạc của non sông:

- Nàng A hay Khâu ni Công chúa [4] là bậc danh tướng của Hai Bà Trưng.
- Nàng Nước hay Trưng Dĩnh Đại tướng quân [5], con gái của Ni cô Đào Nương. Nàng Nước là vị danh tướng của Hai Bà Trưng.
- Thiều Hoa Công chúa [6] tuổi thơ được nhà Sư nuôi dưỡng và huấn luyện, sau thành danh tướng của Hai Bà Trưng.
- Không có tài liệu thư tịch nào khẳng định rằng



Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. (Nguồn: phatgiaio.org.vn)

Lý Bí (cũng tức Lý Bôn) là người tu hành theo Phật giáo nhưng chắc chắn ông là người đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của giáo dục Phật giáo vì bằng cớ là ngay sau khi lên ngôi Hoàng đế và xưng Lý Nam đế, ông đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức [7] và quan trọng nhất, ông đã ra lệnh cho xây chùa Khai Quốc [8].

- Khuông Việt Đại sư Ngô Chân Lưu (933-1011) là cháu đích tôn của Ngô Quyền, nhà tu hành Phật giáo lừng danh và là người đầu tiên của lịch sử Việt Nam được tấn phong làm Tăng Thống (năm 971), được tôn là Khuông Việt Đại sư. Ông là nhà chính trị lỗi lạc, dù không trực tiếp chấp chính.

- Tăng thống Quách Ngang [9] người có nhiều công lao trong quá trình đào tạo người tu hành theo Phật giáo và nhất là trong việc góp phần trị nước thời Tiền Lê.

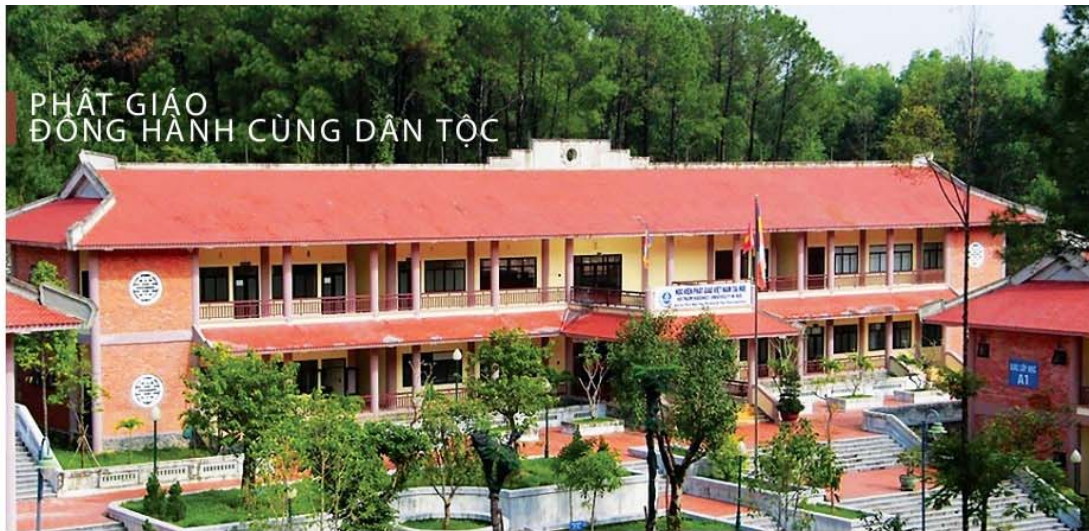
- Vào đầu thời Lý, độc đáo và đáng kính nhất là Quốc sư Vạn Hạnh, ông là người có công chuẩn bị cả dư luận lẫn tổ chức và lực lượng cho quá trình đưa Lý Công Uẩn lên ngôi thay nhà Tiền Lê đã rệu rã. Ông là người đầu tiên có công xây dựng và ổn định bộ máy nhà nước của quý tộc họ Lý.

Nếu kể tiếp chúng ta sẽ còn biết thêm nhiều nhân vật khá kính khác nữa. Từ thời Lý trở đi, các nhân

vật uyên bác là sản phẩm của giáo dục Phật giáo không suy giảm. Khi nền giáo dục và thi cử Nho học trở nên chính quy chặt chẽ, không ít bậc đại khoa (kể cả bậc đỗ tốt đỉnh là Trạng Nguyên) đã từ bỏ triết lý Nho gia để tu hành theo Phật giáo. Từ thực tế sinh động này, chúng tôi xin mạo muội nói là không nên có ý nghĩ tăng nguồn thu từ người học để nâng cao chất lượng giáo dục.

XIN ĐỪNG BAO GIỜ BIẾT CHỈ ĐỂ BIẾT

Khi giáo dục Nho học được thiết lập, chế độ thi cử ngày càng trở nên chặt chẽ và chính quy hơn. Gắn liền với thực tế này, xu hướng học cốt để đi thi sao cho đỗ đã hình thành và không ngừng chi phối nhận thức của sĩ tử. Ngay khi xây dựng vị thế của mình, nhà Hồ đã nhanh chóng tiến hành cải cách chế độ thi cử. Kỳ đại khoa Nho học đầu tiên, nhờ đó đã chọn được những bậc giàu tài năng như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Lý Tử Cầu... Khi khởi nghĩa Lam Sơn sắp kết thúc, Nguyễn Trãi là người được trao trách nhiệm cao nhất của khoa thi tổ chức năm 1427. Ông là tác giả của đề thi tuyệt vời: **Hãy viết thư dụ hàng thành Đông Quan**. Nói khác hơn, hãy gắng truyền dạy những gì thiết thực, có thể ứng dụng để giải quyết các vấn đề do cuộc sống đặt ra. Học để làm và làm tốt chứ không nên học chỉ để biết cho vui. Giáo



Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. (Nguồn: sưu tầm)

dục Phật giáo cổ đại Việt Nam đã tuân theo tôn chỉ này, giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện đại hãy cố gắng đừng bao giờ xa rời tôn chỉ đó.

CÓ LẼ CHƯA NÊN VỘI NGHĨ TỚI QUÁ TRÌNH TÔN GIÁO HÓA GIÁO DỤC

Một số học giả do rất giàu thiện cảm với Phật giáo nên mong hợp thức và chính quy hóa nền giáo dục Phật giáo, đồng nhất hệ thống học vị và bằng cấp giữa đào tạo Phật học với các hệ đào tạo khác của giáo dục quốc gia. Theo tôi, nếu chủ trương thừa nhận hệ thống bằng cấp của giáo dục Phật học sẽ tốt hơn nhưng thừa nhận không có nghĩa là đồng nhất vì giáo dục quốc gia có tôn chỉ và mục đích riêng của giáo dục quốc gia còn giáo dục Phật học có tôn chỉ và mục đích riêng của giáo dục Phật học. Thừa nhận bằng cấp của giáo dục Phật học để người theo học đăng hoàng sẽ có thể:

- Được chính thức hoạt động trong các hệ thống đào tạo của Phật giáo. Theo lẽ, những ai có bằng cấp chính thức được thừa nhận mới có quyền tham gia đào tạo các thế hệ kế tục. Khá nhiều nước trên thế giới cũng đang áp dụng phương thức này. Nếu biết quản lý, cuộc đồng hành của các hệ thống giáo dục không triệt tiêu nhau, trái lại còn bổ sung cho nhau.

- Thừa nhận có nghĩa được quyền học lên các bậc cao như Thạc sĩ, Tiến sĩ. Nếu bằng tốt nghiệp của Học viện Phật giáo chưa được chính thức thừa nhận, không phải quốc gia hay vùng lãnh thổ nào cũng dễ dàng cho các nhà tu hành học lên.

- Khi cánh cửa giao lưu đã được rộng mở, nhu cầu đào tạo về ngôn ngữ và văn minh của các nước sẽ ngày càng cao, lẽ đương nhiên các nhà tu hành từng học ở ngoại quốc trở về có vị trí rất quan trọng. Nếu các nhà điều khiển nền giáo dục chính

quy có tầm nhìn thoáng đãng chắc chắn sẽ thịnh các bậc tu hành này tới giảng. Điều tốt đẹp đến từ bất cứ địa chỉ nào cũng đều tốt đẹp. Tôi nghĩ thế và vững tin như thế.

Chú thích:

* Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Khắc Thuần.

[1] Nhà Tây Hán tức Tiền Hán. Sở dĩ gọi là nhà Tiền Hán vì nhà Hán này có trước, do Lưu Bang lập ra năm 206 TCN. Để phân biệt với nhà Hán thứ hai do Lưu Tú lập ra năm 25 sau công nguyên, các Sử gia xưa gọi nhà Hán thứ hai là nhà Hậu Hán. Kinh đô Tiền Hán là Hàm Dương (kinh đô cũ của nhà Tần) ở phía Tây Trung Quốc nên nhà Tiền Hán cũng gọi là nhà Tây Hán. Kinh đô nhà Hậu Hán là Lạc Dương, vùng phía Đông Trung Quốc nên nhà Hậu Hán cũng gọi là nhà Đông Hán. Tiền Hán hay Tây Hán tồn tại trước sau tổng cộng 214 năm (từ năm 206 TCN đến năm 8 SCN) với 13 đời Hoàng đế nối nhau trị vì.

[2] Tất cả những vấn đề này chúng tôi đã trình bày trong hai công trình: Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam (5 tập, Nxb. Giáo dục. Sách đã tái bản nhiều lần và được trao Giải thưởng Sách Việt Nam), Tiến trình văn hóa Việt Nam, từ khởi thủy đến thế kỷ XIX.

[3] Ngày nay, các cơ sở đào tạo chính quy của nhà Phật tuy cũng có thu học phí nhưng mức thu thấp hơn hẳn các trường công lập và ngoài công lập. Điều đáng nói là các khoản phụ thu hầu như không đặt ra.

[4] TS. Nguyễn Khắc Thuần: Thần tích đền Nhật Chiêu (Nhật Chiêu thần tích) ở làng Nhật Chiêu (quê quán của Nàng A) nay thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài liệu giới thiệu trong "Danh tướng Việt Nam" (Tập 4), Nxb. Giáo dục.

[5] TS. Nguyễn Khắc Thuần: Thần tích đình Hoàng Xá (Hoàng Xá thần tích). Đình Hoàng Xá (quê của Nàng Nước) nay thuộc xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Tài liệu giới thiệu trong "Danh tướng Việt Nam" (Tập 4), Nxb. Giáo dục.

[6] TS. Nguyễn Khắc Thuần: Thần tích đền Hiền Quan (Hiền Quan thần tích). Đền Hiền Quan nay thuộc xã Hiền Quan huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ (quê Thiệu Hoa Công chúa). Tài liệu giới thiệu trong "Danh tướng Việt Nam" (Tập 4), Nxb. Giáo dục.

[7] Có sách viết Đại Đức, có lẽ do mặt chữ Thiên (天) với mặt chữ Đại (大) chỉ khác nhau một gạch ngang ở phía trên. In mộc bản rất dễ bị mất nét nên chữ Thiên thành chữ Đại.

[8] Nay là chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội.

[9] Tên nhân vật này cũng có người đọc là Mão, có lẽ do trong Hán tự, mặt chữ Mão (卯) và mặt chữ Ngang (𠂇) gần giống nhau.



Hướng đến kỷ niệm

40 NĂM

THÀNH LẬP GHPGVN

GIAI ĐOẠN 1 CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM (1981-1987) KỶ 6





HT. Thích Huệ Thông*

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng các bài viết thuộc tác phẩm Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hình thành và phát triển của Hòa thượng Thích Huệ Thông. Các bài viết được sắp xếp và biên tập để cung cấp cho độc giả gần xa biết về những khó khăn, thách thức và nỗ lực không ngừng nghỉ của bao thế hệ chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong suốt nhiều năm, nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Cách nay 40 năm, Đại hội Thống nhất Phật giáo toàn quốc thành công mỹ mãn và sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trở thành sự kiện lịch sử trọng đại của Phật giáo Việt Nam, ghi đậm nét son vàng trên trang sử Phật giáo nước nhà thời hiện đại, điều này thể hiện trọn vẹn sứ mạng thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước quy về một mối, trở thành một tổ chức Giáo hội Phật giáo duy nhất tại Việt Nam sau hơn một ngàn năm phân tán và hoạt động rời rạc. Sự kiện này đánh dấu bước khởi đầu công cuộc xây dựng và củng cố cơ sở Giáo hội, kể từ đây Giáo hội Phật giáo Việt Nam dưới sự lãnh đạo của chư Tôn túc Trưởng lão Hội đồng Chứng minh và được sự điều hành của chư Tôn giáo phẩm Hội đồng Trị sự, thực sự trở thành chiếc la bàn dẫn đường đưa Phật giáo Việt Nam từng bước vượt qua những gập ghềnh trắc trở, là kim chỉ nam giúp cho toàn thể Phật giáo đồ vững bước trên con đường đạo pháp, đóng góp công sức vì lợi ích dân tộc.

Nhìn lại quá trình hình thành, ổn định và phát triển của Phật giáo Việt Nam trong suốt 40 năm qua, trên tinh thần hòa hợp, đoàn kết, vận dụng trí tuệ tập thể, phát huy tính sáng tạo, chúng ta dễ dàng nhận thấy Phật giáo Việt Nam thật sự lớn mạnh trên nhiều phương diện, đạt được kết quả khả quan trong hầu hết các lĩnh vực Tăng sự, giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện xã hội, thông tin truyền thông, quan hệ quốc tế...; đời sống sinh hoạt tu học của Tăng, Ni, Phật tử ngày càng được nâng cao; cơ sở thờ tự và hệ thống giáo dục Phật giáo ngày càng được xây dựng khang trang, hiện đại; Tăng, Ni, Phật tử được tạo điều kiện ra nước ngoài học tập hay thuyết giảng; các đạo tràng tu học Phật pháp được tổ chức quy củ, phát triển rộng khắp mọi miền đất nước; chất lượng tu học của Tăng, Ni, Phật tử và hoằng pháp lợi sanh ngày càng được nâng cao; công tác từ thiện đóng góp thiết thực vào đời sống an sinh xã hội nhất là trên mặt hoạt động đối ngoại, thông qua các hội nghị, hội thảo quốc tế đã không ngừng nâng cao vị thế Phật giáo trong lòng dân

HT.Thích Trí Thủ, Chủ tịch HĐTS GHPGVN khóa I, trao tặng cụ Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBTV MTTQVN bức tranh ghép gỗ ảnh chùa Một Cột - biểu tượng văn hóa dân tộc - tại buổi tiếp Đoàn Đại biểu Hội nghị



tộc, trên trường quốc tế. Những thành tựu vượt bậc này là nền móng cho sự phát triển bền vững của Giáo hội, đồng thời là cơ sở vững chắc để tăng cường niềm tin đạo pháp của Tăng, Ni và Phật giáo đồ trong và ngoài nước. Tính từ ngày thành lập đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua 8 nhiệm kỳ, với ba giai đoạn lịch sử gánh vác trọng trách lãnh đạo điều hành của Hội đồng Trị sự. Theo dòng thời gian, sự ổn định và phát triển của Giáo hội ngày càng vững chắc, thể hiện qua những thành tựu Phật sự trong mỗi nhiệm kỳ. Điều này minh chứng cho chủ trương đúng đắn của Giáo hội, tinh thần hòa hợp đoàn kết của chư Tôn đức Tăng, Ni và tinh thần phát huy sáng tạo, sâu sát thực tiễn và đổi mới phù hợp trong điều hành Phật sự của chư Tôn đức lãnh đạo Hội đồng Trị sự qua từng nhiệm kỳ và qua từng giai đoạn lịch sử.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG GIAI ĐOẠN THỨ I (1981-1987)

Giai đoạn thứ nhất trên chặng đường 40 năm hình thành, ổn định và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gói gọn trong nhiệm kỳ I ((1981-1987).

Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam và sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981 đã chính thức quy tụ tất cả Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước về một mối thống nhất,

hoạt động dưới sự lãnh đạo tối cao của chư Tôn đức Trưởng lão trong Hội đồng Chứng minh và dưới sự điều hành của chư Tôn đức trong Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trên cơ sở phương châm hành động từ bản Hiến chương đầu tiên của Giáo hội.

Lời nói đầu của Hiến chương đã khẳng định: “Sự thống nhất này xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức. Tuy nhiên, các truyền thống hệ phái cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chánh pháp đều được tôn trọng, duy trì... Lý tưởng giác ngộ chân lý hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc và nhân loại chúng sinh là lập trường và mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam... Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước... Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Có thể nói rằng, từ nền tảng ban đầu này, Hiến chương Giáo hội đã vạch ra đường lối, phương châm hành động một cách nhất quán xuyên suốt quá trình 40 năm hình thành, ổn định và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Dù qua mỗi nhiệm kỳ,



(Nguồn: phatgiaio.org.vn)

Hiến chương có những bổ sung cần thiết nhằm phù hợp với yêu cầu thời đại, nhưng bản chất của Hiến chương vẫn không hề thay đổi. Tại Đại hội Đại biểu thống nhất Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất (1981), chư Tôn đức lãnh đạo các tổ chức hệ phái cùng toàn thể Đại biểu đã cung nghinh, suy tôn Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và cung thỉnh, suy cử Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đức Pháp chủ Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận là bậc cao Tăng uy đức, khả kính của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Khi Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được thành lập tại miền Bắc (3/1958), Ngài được chư Tôn đức giáo phẩm cung thỉnh, suy tôn làm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam và đảm nhiệm ngôi vị này liên tục qua bốn kỳ đại hội, cho tới năm 1979. Cũng trong năm 1979, khi Hòa thượng Thích Trí Độ - Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam viên tịch, Ngài được chư Tôn đức giáo phẩm cung nghinh, suy tôn làm Quyền Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam cho đến năm 1981, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập. Đặc biệt vào năm 1980, khi Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam ra đời, chư Tôn đức các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái tín nhiệm cung thỉnh Ngài làm

Chứng minh Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, trong thời gian này, Ngài đã vào lưu trú tại chùa Vĩnh Nghiêm (TP.HCM) trong suốt một năm để cùng Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đi thăm hỏi, trao đổi, bàn bạc với lãnh đạo các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo tại các tỉnh phía Nam để thực hiện việc thống nhất Phật giáo. Cho đến tháng 11 năm 1981, tại Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra tại chùa Quán sứ, Hà Nội để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài được toàn thể Đại hội cung nghinh, suy tôn vào ngôi vị Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đức Pháp chủ Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận là bậc chân tu phạm hạnh, giới đức uy nghiêm, Ngài thuộc đời pháp thứ 44 Tông Tào Động, bình sinh Ngài thường dạy đệ tử: "...Con đường tiến đến giải thoát chỉ có giới - định - tuệ; đầu tiên, giới đã không đầy đủ thì định, tuệ không phát được. Giới có bốn khoa: Giới pháp, giới thể, giới hành và giới tướng. Giới pháp là Phật xem căn cơ của chúng sinh có lỗi lầm gì thì chế ra giới ấy để trị. Giới thể là thầy trò theo giới pháp ấy mà truyền thụ cho nhau, giới hành là thụ giới xong y theo đó mà tu hành, giới tướng là những tướng riêng biệt, như ngũ giới thì sát, đạo, dâm, vọng, và ẩm tửu, mỗi thứ có tướng riêng. Bây giờ, các Hòa thượng trong các đàn truyền giới nên

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

để ý nghiên cứu kỹ, không khéo thành ra giáo lý cao siêu như thế, hay như thế mà kết quả không được mấy vì mình làm không đúng, vì mình không nhận được chân tâm” [1]. Ngài một đời chuyên tâm dụng công theo pháp thiền “Phản văn, văn tự tính” [2] của Bồ tát Quán Thế Âm, từ thọ dụng công phu khai ngộ Phật tính, đến cuối đời Ngài có làm bài kệ: “Một niềm xoay lại đối tính nghe/ Muôn sự buông xuôi chỉ lắng nghe/ Nghe lắng cho sâu không nghe cảnh/ Cảnh rồi, văn tính chính Tính nghe” [3].

Chúng tôi trình bày về công hạnh của Ngài để tất cả Phật giáo đồ Việt Nam chúng ta cùng cảm nhận niềm vinh dự, phần khởi và tự hào vì chúng ta có được một Đức Pháp chủ chân tu, trang nghiêm vẹn toàn giới đức và trí tuệ trong thời kỳ đầu hình thành ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận giữ ngôi vị Pháp chủ từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập cho đến khi Ngài viên tịch (thọ 84 tuổi) vào năm 1993... Qua đây, chúng tôi mạo muội cho rằng, Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận trên cương vị Pháp chủ, Ngài chính là linh hồn của Giáo hội trong thời kỳ đầu Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa mới thành lập.

Trong nhiệm kỳ I (1981-1987), Đại hội đã suy tôn Hội đồng Chứng minh và suy cử Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thành phần nhân sự lãnh đạo Trung ương Giáo hội tại nhiệm kỳ I (1981-1987) tóm lược như sau: Về Hội đồng Chứng Minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 50 vị Hòa thượng, Trưởng lão tiêu biểu của các Giáo hội và hệ phái, trong đó đứng đầu Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ và các vị Phó Pháp chủ, trong đó Trưởng lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu làm Phó Pháp chủ kiêm Giám luật...

Về Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 49 vị Hòa thượng, Trưởng lão tiêu biểu của các Giáo hội và hệ phái, trong đó đứng đầu Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch; cùng với 9 vị Phó Chủ tịch; trong đó nhị vị Hòa thượng Thích Thế Long và Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Phó Chủ tịch Thường trực... Về cơ cấu tổ chức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nhiệm kỳ I (1981-1987), trong giai đoạn đầu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chỉ có 6 Ban chuyên ngành gồm có Ban Tăng sự Trung ương;



Trụ sở Giáo hội được đặt tại chùa Quán Sứ, số 73 phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội. (Nguồn: Boya)

Ban Giáo dục Tăng Ni; Ban Hướng dẫn Nam nữ cư sĩ Phật tử; Ban Hoằng pháp; Ban Nghi lễ và Ban Văn hóa; cùng với 2 bộ phận trực thuộc là bộ phận Tài Chính (Thủ quỹ) và bộ phận Kiểm soát.

Trụ sở Giáo hội đặt tại chùa Quán Sứ, số 73 phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội. Về cơ cấu tổ chức hành chánh văn phòng, Giáo hội có hai văn phòng: Văn phòng 1 đặt tại chùa Quán Sứ, số 73, phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội; Văn phòng 2 đặt tại chùa Xá Lợi, đường Bà Huyện Thanh Quan, thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1992 dời về Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong nhiệm kỳ I (1981-1987) Hòa thượng Thích Minh Châu là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Thượng tọa Thích Thanh Tứ làm Phó Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng 1; Thượng tọa Thích Từ Hạnh làm Phó Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng 2 [4]. Nói về vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta, Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ (1909-1984) là bậc cao Tăng của Phật giáo Việt Nam, Ngài có công lớn trong công cuộc chấn hưng Phật giáo, thống nhất Phật giáo Việt Nam, giáo dục đào tạo Tăng tài, hoằng dương chánh pháp, sinh thời Hòa thượng từng nói: “Những gì tôi làm cho đạo pháp tức là làm cho dân tộc, những gì tôi làm cho dân tộc, tức là làm cho đạo pháp”.



Lịch sử Phật giáo Việt Nam ghi nhận, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời, Ngài được cử vào Ban dự thảo Hiến chương (của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất) và Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp, kiêm Tổng vụ Tài chánh; năm 1964, Ngài làm Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học (tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh). Trong Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất kỳ 5 và kỳ 6, Ngài đảm trách nhiệm vụ Viện trưởng Viện Hóa Đạo để thay thế Hòa thượng Thích Thiện Hoa vừa viên tịch, đây là giai đoạn khó khăn nhất của đất nước cũng như Giáo hội, nhưng bằng nghị lực kiên cường và sáng suốt, Ngài đã lãnh đạo lèo lái con thuyền Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vượt qua bao thử thách trong những giai đoạn khó khăn; đến năm 1975, Ngài đảm nhận một trọng trách nặng nề nữa, đó là xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống. Cho đến khi đất nước hòa bình, thống nhất, Nam Bắc một nhà, nhận thức trước yêu cầu thời đại, việc thống nhất Phật giáo hai miền là cần thiết, với tư cách là Viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Ngài đã đưa ra thông bạch nêu lên nguyện vọng thống nhất Phật giáo cả nước quy về một mối và yêu cầu Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần đạo pháp và truyền thống dân tộc.

Ngược dòng lịch sử, bối cảnh Phật giáo miền Nam sau ngày đất nước vừa mới giải phóng thời bấy giờ còn tồn tại những khó khăn nhất định. Trong giai đoạn này, nội bộ sinh hoạt của Phật giáo miền Nam vẫn còn nhiều vấn đề nan giải bởi tâm lý e dè, tư tưởng thiếu nhất quán của một bộ phận chư Tăng của các Giáo hội, tổ chức Hội; nhất là về sự đa dạng bởi sự hiện hữu của nhiều Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo còn sinh hoạt độc lập, rời rạc. Đặc biệt là Sự thiếu một tổ chức có tiếng nói để vận động, liên thông, liên kết lại nhằm thực hiện ước mơ hoài bão bao đời của Tăng Ni tín đồ Phật giáo Việt Nam, đó là thống nhất Phật giáo cả nước thành một tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện chung cho các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo tại Việt Nam.

Với tư cách Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đồng thời là xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống, Ngài có uy tín lớn lao đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và Tăng Ni, Phật tử tại miền Nam thời bấy giờ. Chính vì vậy, khi được chư Tôn đức giáo phẩm các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước công

cử Ngài làm Trưởng ban Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam vào ngày 12 tháng 2 năm 1980, cùng với sự quan tâm hỗ trợ nhiệt thành của Đảng và Nhà nước về một tương lai tươi sáng của Phật giáo Việt Nam, Ngài đã đem hết tâm huyết, trí tuệ đóng góp công sức to lớn vào công cuộc vận động trong suốt hai năm liền, mang đến những thành tựu viên mãn, làm tiền đề quan trọng tiến tới Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc. Có thể nói rằng, Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ là bậc cao Tăng quan trọng trong hàng giáo phẩm đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng nên ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Thế nhưng, thật đáng tiếc, vào giữa nhiệm kỳ I (tháng 4 năm 1984), Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ viên tịch, sự ra đi của Ngài là một mất mát to lớn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn đầu Phật giáo nước nhà vừa thống nhất. Dù đảm nhận trọng trách lãnh đạo điều hành Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự chưa hết nhiệm kỳ I (1981-1984), trong giai đoạn đất nước tồn tại nhiều khó khăn, Ngài đã uyển chuyển vận dụng từ bi, trí tuệ một cách linh hoạt, diệu dụng để ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam từng bước đi vào hoạt động hanh thông trôi chảy. Đây được xem là giai đoạn khởi đầu thành công nhất trong công cuộc xây dựng hình thành ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là bước đầu hình thành bộ máy hành chánh của Trung ương Giáo hội và Ban Trị sự các tỉnh thành diễn ra suôn sẻ, êm đẹp.

Trong bối cảnh Phật giáo thời bấy giờ thì sự hợp nhất của các tổ chức, hệ phái Phật giáo trên tinh thần nhất quán vì lợi ích đạo pháp và dân tộc, và sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực sự là nguyện vọng, là nhu cầu cấp thiết của toàn thể Phật giáo đồ hướng đến một tương lai tươi sáng sau bao biến cố thăng trầm thịnh suy cùng dân tộc. Thành tựu lớn lao nhất trong giai đoạn này là Phật giáo Việt Nam tập trung được tiếng nói chung của Phật giáo cả nước, hình thành bộ máy hành chánh Giáo hội với cơ cấu nhân sự đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Có thể nói, Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ là bậc giáo phẩm vẹn toàn uy tín và trí đức, đã có công rất lớn trong việc đặt một nền móng rất vững chắc cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, trên cơ sở này, đã làm tiền đề cho các thế hệ kế thừa sau này ổn định và phát triển. Xuyên suốt chiều dài lịch sử và hành trạng của Ngài, nói đến Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ là nói đến sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam giữa các hệ phái, từng giai đoạn lịch sử từ trước 1954 cho đến sau 1975

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN



Văn phòng 2 của Giáo Hội đặt tại chùa Xá Lợi, đường Bà Huyện Thanh Quan, thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1992 dời về Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguồn: vi.wikipedia.org)

và cho đến khi hoàn thành bản nguyện. Ngài chính là thuyền Bát Nhã đưa Phật giáo Việt Nam bước qua lịch sử và làm nên lịch sử, ngày nay Ngài đã đi về miền đất Phật, nhưng lịch sử Phật giáo Việt Nam vẫn mãi mãi lưu lại công hạnh và hình bóng Ngài trong lòng bao thế hệ kế thừa.

ĐÔI LỜI NHẬN XÉT

Trong giai đoạn thứ nhất, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ra đời trên tinh thần hợp nhất 9 Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước thành một Giáo hội Phật giáo duy nhất, trong điều kiện thuận lợi được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng đã vượt qua những khó khăn nhất định để Đại hội thống nhất Phật giáo toàn quốc thành tựu viên mãn, đáp ứng nguyện vọng của Tăng Ni tín đồ Phật giáo Việt Nam. Giai đoạn này được xem là giai đoạn đoàn kết hòa hợp của Phật giáo Việt Nam, nhất là trong bối cảnh Phật giáo vẫn còn rời rạc hoạt động riêng lẻ cùng với những tồn tại sau ngày đất nước hòa bình thống nhất. Sự hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã làm nền tảng cho Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành trong cả nước lần lượt tiến hành thành công các Đại hội Đại biểu Phật giáo tại các địa phương, từ đó hoạt động của Giáo hội từ Trung ương đến từng địa phương nhanh chóng đi vào nề nếp, tạo sự ổn định vững chắc trong giai đoạn đầu hình thành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều rất ấn tượng là ngay trong giai đoạn đầu, ngay sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa ra đời, công tác giáo dục đào tạo Tăng tài đã được chư Tôn đức lãnh đạo tối cao của Giáo hội đặt lên hàng đầu, trong ba nguyện vọng của Phật giáo, có nguyện vọng Giáo hội Phật giáo Việt Nam được mở mang

Trường Đại học Phật giáo ở 3 thành phố lớn: Hà Nội, Huế và TP.HCM, cũng như các tỉnh thành được mở lớp gia giáo và trường Phật học để đào tạo Tăng tài, được Đức Pháp chủ - Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận nêu lên trong buổi tiếp xúc với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng, ngay trong giai đoạn đầu đã trở thành hiện thực. Cụ thể, chỉ sau một năm ra đời, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã hình thành một hệ thống Đại học Phật giáo (trường Cao cấp Phật học), năm 1982 Trường Cao cấp Phật học tại Hà Nội được thành lập và tuyển sinh khóa đầu; đến năm 1983, Trường Cao cấp Phật học tại TP.HCM được thành lập và năm 1984 tuyển sinh khóa đầu... Có thể nói rằng, đây chính là một trong những dấu ấn sinh động của sự nghiệp giáo dục đào tạo của Phật giáo nước nhà trong thời kỳ đầu hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

(Còn tiếp kỳ 7: Giai đoạn thứ II của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1987-2017))

Chú thích:

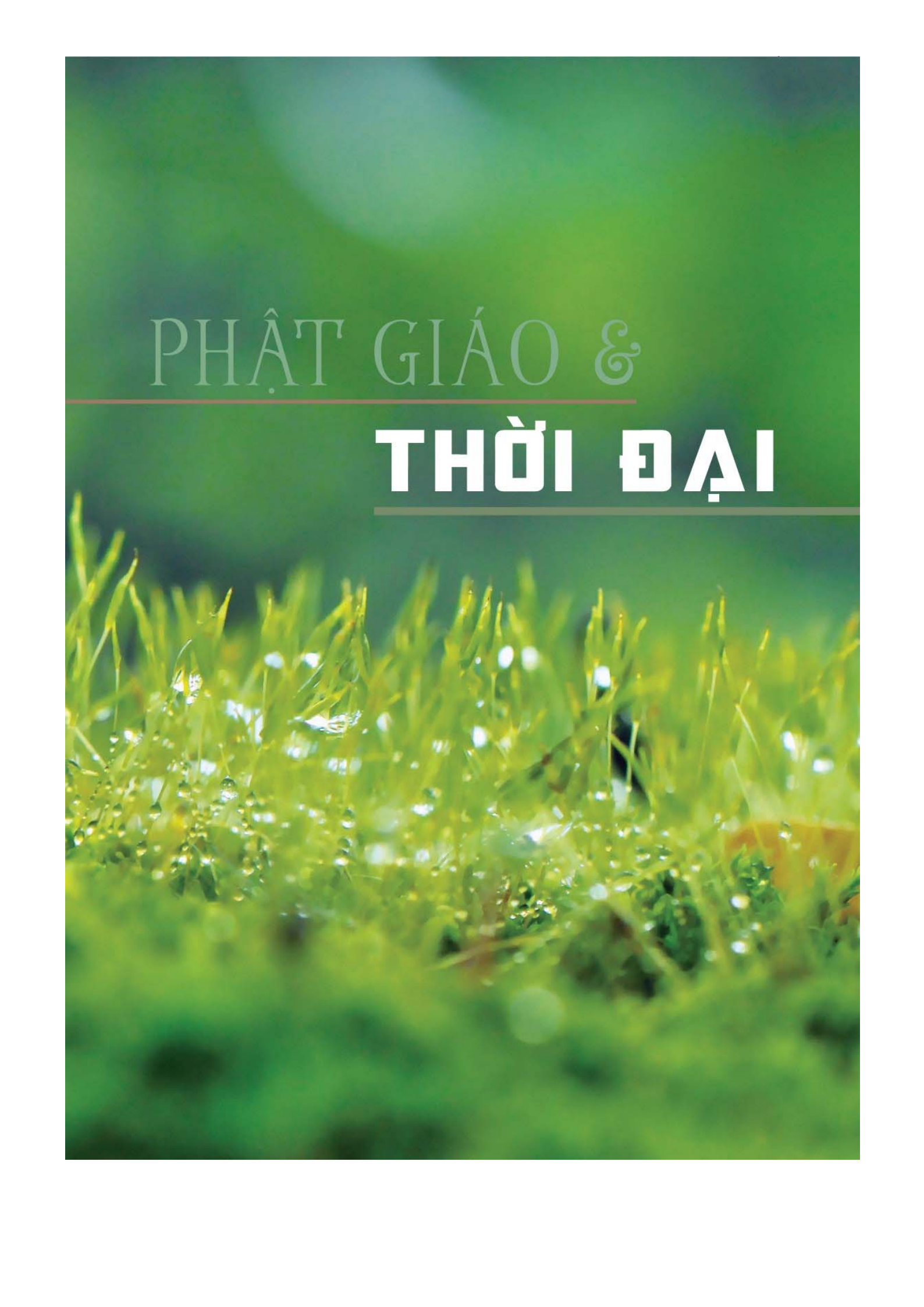
* HT. Thích Huệ Thông - Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Kỷ yếu tường niệm Đức Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận.

[2] Chương Quán Thế Âm Bồ tát Nhĩ Căn Viên Thông, Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

[3] Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, vị Pháp chủ đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[4] Về thành phần lãnh đạo tối cao của Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự, về cơ cấu tổ chức hành chánh văn phòng, cũng như danh sách các Ban và bộ phận trực thuộc Hội đồng Trị sự, chúng tôi đã nêu cụ thể trong bài “Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam và sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981” nên trong nội dung này chúng tôi tóm lược chứ không lặp lại một cách chi tiết.



PHẬT GIÁO &

THỜI ĐẠI



PHẬT GIÁO TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 (Kỳ 2)

TT. Thích Minh Nhẫn*

Những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay - Cơ hội thách thức và giải pháp để phát huy vai trò Tăng Ni trong xây dựng Giáo hội trang nghiêm và khối Đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh.



(Nguồn: vietnamplus.vn)

GIẢI PHÁP NÀO KHẢ THI ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ TĂNG NI TRONG XÂY DỰNG GIÁO HỘI TRANG NGHIÊM VÀ KHÔI ĐẠY ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VỮNG MẠNH

Công tác tuyên truyền - tập huấn ứng dụng công nghệ số - đẩy lùi các thông tin mạng tính xuyên tạc với ý đồ làm tổn hại uy tín của Phật giáo và Giáo hội.

- Tổ chức Tọa đàm, Hội thảo chuyên đề đặc biệt là tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu mang tính đào tạo nhân sự mạng tâm chiến lược lâu dài chuyên về công tác “**Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Quản trị và Hoằng pháp**”, tổ chức nhiều khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn để tất cả Tăng Ni có đủ kỹ năng

sử dụng công nghệ số. Đặc biệt, truyền thông số - Mạng xã hội để từ đó đủ bản lĩnh ứng xử và tiếp nhận thông tin có chọn lọc, hạn chế đăng tải hình ảnh và nội dung một cách tùy tiện thiếu chuẩn mực làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của Tăng đoàn và Giáo hội, cần phát huy tính tích cực để mỗi Tăng Ni, tín đồ Phật tử đều là một Hoằng pháp viên trên cộng đồng mạng, giúp tuyên truyền những giá trị tư tưởng đạo đức tốt đẹp của Phật giáo đến rộng khắp tha nhân với tinh thần sử dụng mạng xã hội có chánh niệm, hướng đến tịnh hóa công dân mạng góp phần tạo nên không gian mạng an toàn. Ứng dụng công nghệ số nhằm đạt hiệu quả tác nghiệp nhanh, chính xác đúng sự thật và có năng lực sử dụng các ứng dụng liên quan đến mạng xã hội, Website để kịp thời chuyển tải nội dung của xã

hội đến cộng đồng mạng, định hướng dư luận và công tác phản biện. “*Một trong những việc làm này là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để tránh được sự phá hoại bằng cách kích động, gây chia rẽ giữa Nhà nước và Phật giáo... Chúng ta cũng phải bác bỏ những luận điệu của các thế lực xấu, tránh việc bị bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của chư Tăng, Ni nói riêng và của Tăng đoàn nói chung. Làm được như thế, chúng ta sẽ giữ vững được lòng tin của mọi người với Tam Bảo*” (11).

- Xây dựng phim trường ảo để thu hình, sản xuất tiền kỳ và hậu kỳ, làm bản tin, điểm tin hoạt động Phật sự, làm ký sự, phóng sự, phim tài liệu... kịp thời chuyển tải hoạt động Phật sự của Giáo hội đến Xã hội và cộng đồng mạng nhanh nhất nhằm nêu cao



(Nguồn: phatgiao.org.vn)

giá trị Từ bi - Trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của Tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước. Đồng thời, cũng là phương tiện truyền thông kịp thời chuyển tải phát ngôn chính thức của Giáo hội bằng video kỹ thuật số, truyền tải phát trực tiếp trên các trang mạng xã hội để xử lý các vấn đề khủng hoảng truyền thông liên quan đến Phật giáo, định hướng dư luận và phản biện xã hội.

- Kịp thời cập nhật, đăng tải các hoạt động Phật sự và thuyết giảng theo các từ khóa định hướng tại các công cụ tìm kiếm nhằm kịp thời đẩy lùi những thông tin xuyên tạc, có ý đồ làm tổn hại uy tín Tăng đoàn và Giáo hội theo phương châm “ân ác dương thiện, trồng hoa thơm lấn dần cỏ dại, ánh sáng đến đâu, bóng đêm

bị đẩy lùi đến đó”.

- Thường xuyên tuyên truyền đến Tăng, Ni, và Phật tử nên giữ gìn oai nghi người con Phật thận trọng khi sử dụng mạng xã hội khi đăng tải hình ảnh, không nên tùy tiện đăng tải hình ảnh mang tính giải trí, tự sướng (selfie), vui đùa thiếu oai nghi, đạo hạnh. Các hình ảnh này rất dễ bị kẻ xấu khai thác, lấy làm cơ sở để xuyên tạc đời sống phạm hạnh của Tăng đoàn và làm phương hại đến uy tín của Giáo hội.

XÂY DỰNG, ĐÀO TẠO MỖI PHẬT TỬ TRỞ THÀNH MỘT HOÀNG PHÁP VIÊN SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO NHƯ MỘT KÊNH HOÀNG PHÁP

- Xây dựng ứng dụng xem hoạt động Phật sự, xem, nghe thuyết

giảng trên thiết bị điện thoại di động thông minh và thiết bị nghe nhìn khác. Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương kết hợp với Ban Hoàng pháp và Ban Hướng dẫn Phật tử triển khai đến chư vị giảng sư có ý thức tuyên truyền, vận động tích cực lồng ghép tại các buổi thuyết giảng. Từ đó, tín đồ Phật tử có ý thức sử dụng các ứng dụng xem và nghe các chương trình về hoạt động Phật sự, thuyết giảng trên các thiết bị nghe nhìn hiện đại và điện thoại thông minh, có ý thức thường xuyên cập nhật chia sẻ về trang fanpage - Facebook cá nhân để giới thiệu với bạn bè và cộng đồng mạng.

Trong thời đại mà truyền thông chiếm ngự hầu hết các hoạt động trong đời sống xã hội, mỗi Tăng Ni, Phật tử chúng ta cần ý thức rõ và sử dụng hiệu quả các phương



Phật Sự
OnlineTV

LÃNH ĐẠO TẬP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO KÊNH THÔNG TIN TỔNG HỢP PHẬT SỰ ONLINE THĂM, CHÚC TẾT CHƯ TÔN ĐỨC TRONG BAN BẢO TRỢ

tiện truyền thông để hỗ trợ cho công cuộc Hoàng pháp lợi sanh, góp phần xây dựng và phát triển bản thân theo chiều hướng tích cực, chủ động nhất để cùng nhau chung tay hoàng truyền chánh pháp. Hiện nay, có rất nhiều vấn nạn trong xã hội: tham nhũng, tư duy tiêu cực, lợi ích nhóm, vô trách nhiệm, vô cảm, bạo hành, tai nạn giao thông, bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em,... Xã hội đang rất cần sự chia sẻ, lành mạnh, bình an, những nét đẹp như: Từ - Bi - Hỷ - Xả và tâm lành hướng thiện của người con Phật cần được lan tỏa sâu rộng. Không ai khác ngoài chúng ta - những Sứ giả Như Lai, những tình nguyện viên, Hoàng pháp viên Tăng Ni, Tín đồ Phật tử đều có thể giải quyết được những vấn đề này. Đó không chỉ là trách nhiệm mà còn là lương tri, là sứ mệnh thiêng liêng của

các Sứ giả Như Lai khi cái ác, cái xấu vẫn còn len lỏi hàng ngày như cỏ dại sau mưa.

TÌNH THỨC VÀ KHÔNG NGỪNG HỌC HỎI, SẴN SÀNG TIẾP NHẬN ĐÓN ĐẦU THỜI CƠ VÀ VẬN HỘI MỚI. ƯỚM MÀM NHÂN TỎ TRẺ NGAY LÚC NÀY. BẮT ĐẦU TỪ HÔM NAY!

Phật giáo phát triển và sẵn sàng hòa chung vào dòng chảy của nền Tri thức khoa học trong thời đại phát triển Cách mạng công nghiệp 4.0. Công tác Thông tin Truyền thông và Hoàng pháp được cập nhật công nghệ số hóa sẽ mở ra cánh cửa rộng, khai phá tầm nhìn chiến lược nhằm phát huy “Vai trò tích cực của chư Tăng Ni trong sứ mệnh cao cả của người Hành giả nhập thế có lý tưởng sống “Tốt Đạo - Đẹp Đời” góp phần xây dựng Giáo hội trang

ng nghiêm và khối Đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh.

Bắt đầu từ con người, con người là vốn quý của xã hội. “Thế hệ trẻ là những nhân tố tiềm năng” trong tương lai gần. Phải định hướng giáo dục cho lớp trẻ với giải pháp như thế nào là khả thi nhất? Khơi gợi cho con trẻ niềm vui và ý tưởng tìm tòi, hiểu học ngay từ trong gia đình, nhà trường, xã hội và ngôi nhà chung là các ngôi tự viện với Thầy Cô là quý Tăng Ni hiền hòa, bao dung và năng động hòa nhập cùng đại chúng, ươm mầm yêu thương cho trái tim Từ Bi trẻ thơ luôn phát triển thiện lành. Một khi các bạn trẻ có điểm tựa tinh thần và lòng tin, trái tim biết thao thức trăn trở với cuộc đời thực, các em sẽ yêu thích, ngưỡng mộ trước cái hay cái đẹp của chư Tôn đức Tăng Ni về hạnh nguyện vị tha,

khả kính và Từ Bi. Từ đó, các em sẽ ngưỡng mộ và bắt đầu hành trình tìm hiểu, khám phá, học hỏi và sử dụng thành thạo công nghệ số, internet. Từ đây, sứ mệnh “Trồng cây, Trồng Người”, ươm mầm xanh thiện lành của cha mẹ, thầy cô và chư Tăng Ni sẽ nảy nở, góp phần không nhỏ vào sự chuyển mình, đổi mới cho công tác Hoằng pháp trong thế giới phẳng hôm nay. Thời gian gần đây, các hoạt động đội nhóm trẻ trong Phật giáo như sinh hoạt Gia đình Phật tử, các Khóa tu mùa hè, Hội trại truyền thống, các khóa học và tập huấn về giá trị sống theo tư tưởng đạo đức Phật giáo như hành thiền chuyên biệt cho sinh viên, giới trí thức, người lao động trẻ, đặc biệt là các chương trình hiến máu nhân đạo, cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, các chuyến đi thiện nguyện và hoạt động an sinh xã hội đã và đang có giá trị tích cực, hiệu quả tốt, hiệu ứng nhanh và lan tỏa mạnh trong cộng đồng, góp phần chung tay xây dựng niềm tin về một lối sống đẹp biết chia sẻ và cho đi, biết sống và nghĩ cho mọi người trên tinh thần Từ Bi của người con Phật.

Có thể khẳng định: “Niềm tin và sự tự tin nội lực sẽ khơi dậy tinh thần dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh và sức bật tinh thần để Phật giáo vững vàng vượt qua mọi thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. Cùng với nhiệm vụ then chốt lúc này không gì khác hơn

chính là “Phát huy tích cực vai trò của chư Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh” trong “Thời điểm vàng” của “Kỷ nguyên Công nghệ số”.

Qua đó, có thể nói việc ứng dụng Công nghệ số vào công tác truyền thông là yêu cầu cấp bách để Phật giáo hòa nhập trong thời kỳ phát triển thần tốc của cuộc cách mạng 4.0. Công nghệ số đã lan tỏa đưa lời kinh ý Phật vươn xa. Thông qua các phương tiện truyền thông rộng khắp mà giáo lý và văn hóa Phật giáo được lan truyền một cách nhanh chóng đến với Phật tử và mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội đặc biệt là những ai có tâm thiện lành yêu mến Đạo Phật, Phật giáo thông qua các phương thức ứng dụng công nghệ số để nhanh chóng tiếp cận với cuộc sống đời thường, tích cực đóng góp cho các Chương trình An sinh xã hội phục vụ cộng đồng với hiệu ứng lan tỏa rộng khắp. Đồng thời tiếp nhận các đường lối, chính sách, quan điểm mới kể cả những luồng dư luận thông tin thuận chiều hay trái chiều từ xã hội để có thể khẳng định quan điểm và chánh kiến của mình, từ đó có thể chủ động định hướng dư luận hay phản biện trước những tin tức chưa chính xác, thiếu thiện chí, điều mà trước đây chúng ta khó có thể làm được.

Bên cạnh đó, là công tác giáo dục được đặc biệt chú trọng trên hết. Với cương vị Phó Chủ tịch Hội

đồng Trị sự, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm đã có bài phát biểu định hướng giáo dục tại Hội nghị Tăng sự Phật giáo Toàn quốc năm 2020: **“Mạng xã hội với những thách thức trong công tác quản lý, giáo dục Tăng Ni trẻ và công tác Hoằng pháp hiện nay”**. Bài viết được chọn đăng trên chuyên trang Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 351: “Tăng cường giáo dục giúp Tăng Ni trẻ có nền tảng đạo đức, làm chủ bản thân, sử dụng mạng xã hội (MXH) theo tinh thần chánh niệm, góp phần quan trọng trong công tác hoằng pháp lợi sinh của thời đại công nghiệp 4.0 và tạo nên không gian mạng an toàn. Đây có lẽ là giải pháp khả thi nhất, tuy nhiên đòi hỏi phải có sự kiên trì bền bỉ trong thực hiện, tránh tình trạng “đánh trống bỏ dùi”, làm chiếu lệ, làm cho có hình thức. Nếu giải pháp này được thực hiện đầy đủ sẽ mang lại kết quả lâu dài, bền vững hơn là cấm đoán hoặc hạn chế sử dụng MXH. Thực tế cho thấy có nhiều vị giáo phẩm đạo cao đức trọng hiện vẫn thường xuyên sử dụng MXH nhưng các vị ấy đâu có bị những tiêu cực của MXH tác động, ngược lại còn phát huy tính tích cực trong công tác Quản lý - Hoằng pháp một cách hiệu quả và đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực về nội dung hoằng pháp trong thời đại mới. Tuy nhiên, MXH giống như con dao hai lưỡi, tùy người sử dụng mà đem lại lợi ích hay tác hại. Cũng vậy, từ đó



Hoàng Pháp Online

THUYẾT PHÁP VỚI CHỦ ĐỀ
“DI SẢN VĂN HOÁ PHẬT GIÁO
TRONG CÁC TỰ VIỆN”

TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP TRÊN

Phật Sự Online | VÀO LÚC: 20H30 - NGÀY 18/03/2020 (25/02 ÂL)
 TRÊN YOUTUBE, FACEBOOK: PHẬT SỰ ONLINE

Thượng tọa THÍCH TIẾN ĐẠT
 Trụ trì chùa ĐẠI TỬ AN
 (H. Đan Phượng - TP. Hà Nội)

hiều được hai mặt lợi và hại của MXH, nếu Tăng Ni trẻ làm chủ được bản thân, có nền tảng đạo đức vững vàng do tiếp thu từ nền giáo dục của thầy tổ, các trường Phật học nên việc sử dụng MXH sẽ đem lại lợi ích thiết thực.

KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0, THỦ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG PHÂN TÂM ĐÁNH GIÁ:

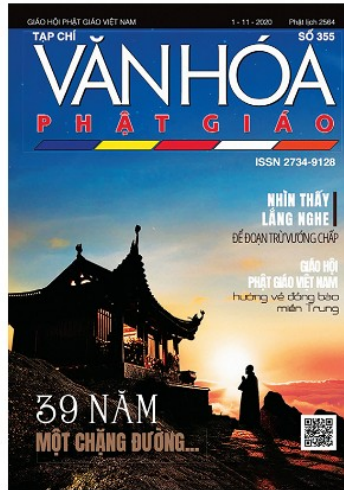
Với vai trò là một tôn giáo lớn của đất nước, những giá trị tốt đẹp của Phật giáo còn góp phần xây dựng niềm tin và sự tự tin của con người, dân tộc Việt Nam trong việc xây dựng một đất nước hùng cường. Niềm tin và sự tự tin sẽ khơi dậy tinh thần của dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh vượt qua thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mặt khác khi đất nước thịnh vượng thì tôn

giáo cũng sẽ có điều kiện phát triển. Những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ góp phần hỗ trợ Phật giáo trong hoạt động tổ chức, quản lý và hoằng pháp, góp phần đưa Phật giáo tới gần hơn nữa sinh hoạt, đời sống người dân” (11).

“Lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam đã minh chứng về một nền Phật giáo nhập thế. Trong giai đoạn lịch sử Việt Nam giành được nền độc lập tự chủ vào đầu Thế kỷ thứ X, trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo đã trở thành nền tảng tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, là bộ phận chủ yếu góp phần tạo nên bản lĩnh, bản sắc văn hoá tinh thần của dân tộc Việt Nam” (12).

Trong xu thế vận hành đổi mới và hội nhập toàn cầu hiện nay, Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển, góp phần vào sự phát

triển chung của Phật giáo thế giới. Phật giáo Việt Nam không ngừng hòa nhập, từng bước hoàn thiện khẳng định mình để nâng tầm phát triển, xứng đáng với vị thế là Tôn giáo lớn của cả nước. Làn sóng truyền thông của Phật giáo với sứ mệnh cao cả “Hoằng Pháp lợi sanh” không chỉ đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng của đồng bào Phật giáo, cho đến các vị nhân sĩ trí thức mà cộng đồng lương giáo cũng luôn dành một sự quan tâm thiện ý đặc biệt cho Đạo Phật. Làm sao để đón đầu cơ hội và bước qua thách thức. Từ đó, góp phần phát huy tích cực vai trò của chư Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh trong “Thời điểm vàng” của Kỷ nguyên công nghệ số. “Điều quan trọng nhất của người làm truyền thông Phật giáo, người Phật tử khi sử dụng mạng xã hội là luôn phải Tỉnh Thức!”.



(Nguồn: sưu tầm)

Đặc biệt, chư Tăng, Ni cần tăng cường khai thác sức mạnh của mạng xã hội hướng tới giới trẻ, giúp họ hiểu hơn về Đạo Phật, từ đó, thu hút giới trẻ đến với Phật giáo chính thống, hướng tới sự tự giác rèn luyện tinh tấn tu tập nhằm xây dựng một đời sống lành mạnh, tích cực, năng động, thiện lành trong lớp trẻ hôm nay. Thời đại công dân mạng, truyền thông số, ai ai cũng có thể làm truyền thông. Nhưng để truyền thông có hiệu quả, cần sự chung tay góp sức của cả cộng đồng và hơn ai hết cần một sự liên kết thực sự hiệu quả, có tổ chức bài bản, chuyên nghiệp mới là điều mà cộng đồng Phật tử mong chờ. Bằng cách nào để những giá trị tốt đẹp, tinh hoa văn hóa của Phật giáo sẽ góp phần xây dựng, củng cố niềm tin và sự tự tin cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong công cuộc bảo vệ và xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, văn minh, thân thiện, phát triển, đổi mới và hội nhập. Những giá trị Nhân văn và giá trị Văn hóa của Phật giáo đã có ảnh hưởng tích cực đến quan niệm,

tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân ta từ hàng nghìn năm nay. Lịch sử Việt Nam ghi nhận thời nào Phật giáo cũng có những đóng góp xứng đáng cho việc bảo vệ và xây dựng đất nước, luôn đồng hành gắn bó cùng dân tộc với sứ mệnh thiêng liêng là **“Hộ Quốc An Dân”**.

Chúng ta muốn phát triển vươn tới những tầm cao mới vẫn phải giữ cái gốc là đạo đức xã hội, triết lý nhân văn, hướng thiện, nền tảng văn hoá và tinh thần dân tộc. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đưa chúng ta đi rất xa, nhưng hành trình này chỉ có ý nghĩa khi đích đến là một xã hội ổn định, một thế giới hoà bình, người dân hạnh phúc. Vì vậy, các giá trị thật của Phật giáo được bảo vệ và phát triển sẽ tiếp tục phát huy hữu ích để chúng ta vững vàng tiến bước trên hành trình này” (13). Bước khởi đầu, để có thể phát huy hiệu quả vai trò tích cực của Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh thì chính niềm tin và sự tự tin nội

lực sẽ khơi dậy tinh thần dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh và sức bật tinh thần để Phật giáo vững vàng vượt qua mọi thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong sự nghiệp Hoằng pháp lợi sanh của thời đại kỷ nguyên số

Chú thích

* TT.TS. Thích Minh Nhãn.

(11) “Truyền thông Phật giáo Việt Nam sẽ làm gì?” Tác giả: Minh Thiện <https://chuathanhlangson.com/Chuyen-Dao-Doi/Truyen-thong-Phat-giao-Viet-Nam-se-lam-gi-7400.html>.

(12) “Đưa Phật giáo gần hơn với người dân qua công nghệ 4.0” - HẢI NHI - 17:23 13/05/2019. <http://daidoanket.vn/dua-phat-giao-gan-hon-voi-nguoi-dan-qua-cong-nghe-40-436766.html>.

(13) Thông điệp của Đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã gửi tới Đại Lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2019: <https://vietnamnet.vn/vn/giai-tri/di-san-my-thuat-san-khau/thong-diep-cua-hoa-thuong-thich-pho-tue-toi-vesak-2019-530814.html>.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI



THÔNG BÁO
TUYỂN SINH KHÓA X (2022 - 2025)

Kính gửi: - Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni
Trụ Trì các Tự Viện trên toàn quốc.

Ban Giám Hiệu Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai

Trân trọng Thông báo đến quý vị Bôn sư của Tăng Ni sinh muốn theo học nội trú tại Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai khóa X (2022 - 2025), thi liên hệ trực tiếp với nhà trường để Nhận hồ sơ đăng ký nhập học.

- **Tăng sinh:** liên hệ nhận và nộp hồ sơ tại cơ sở Tăng, chùa Phật Hiện, phường Phước Tân - thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: **0399490093 - 0903613366**.

- **Ni sinh:** liên hệ nhận và nộp hồ sơ tại Cơ sở Ni, chùa Huệ Giác, xã Long Phước - huyện Long Thành. Điện thoại: **02513558626 - 0918852846**.

- **Thiền sinh** (Tăng, Ni) thuộc Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam, liên hệ nhận và nộp hồ sơ tại Thiền Viện Thường Chiếu, xã Phước Thái, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: **0913176162 - 0933812830**.

- **Ni sinh** thuộc Hệ Phái Khất Sĩ Việt Nam liên hệ nhận và nộp hồ sơ tại Tịnh xá Ngọc Uyên, phường Bửu Hòa, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại **0906722787 - 0344456217**.

Lưu Ý: - Phát và nhận hồ sơ kể từ ngày ra Thông báo này.

- Ngày Thi tuyển sinh **09/10/2021 (04/09 Tân Sửu)**

- Khai Giảng sẽ được tổ chức vào ngày **25/01 Nhâm Dần - 2022**.

- Tu Học nội trú 100% tại trường theo hệ Trung Cấp 3 năm, mọi chi phí nhà trường chu cấp.

- Lý lịch tốt, sức khỏe tốt và đã ở chùa tu học trên 3 năm

- Trình độ văn hóa đã Tốt nghiệp lớp 12 trở lên, tuổi đời từ 18 đến 35.

Nay Thông báo.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2021

Hiệu Trưởng

Người trích sao kế hoạch
Hiệu Phó Thường Trực kiêm Chánh Thư ký

Hòa Thượng Thích Phước Tú
(Tỳ Tôn Tự)



Hòa Thượng Thích Nhật Quang
(Thường Chiếu Thiền Viện)

Một số đóng góp của Phật giáo đối với cơ quan dân cử

Lê Tô Nam*



Bầu cử là việc chọn ra người tài đức, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, gánh vác trách nhiệm to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tăng Ni, Phật tử là công dân Việt Nam, đều hằng hái tham gia vào ngày hội toàn dân, đóng góp công sức cho cuộc bầu cử thành công trọn vẹn. Bài viết xin đề cập đến vấn đề phát huy vai trò của Tăng Ni đối với bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.



Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Lê Duẩn bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa VI tại hòm phiếu số 30, khu vực 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội, tháng 4/1976.
(Nguồn: media.quochoi)

Từ “Bầu cử” hiểu một cách đơn giản là “lựa chọn” hoặc “quyết định” - một quyết định chọn người đại diện cho mình trong cơ quan lập pháp. Theo triết gia khai sáng Montesquieu: trong bầu cử, cử tri thay đổi vị trí từ người bị cai trị thành người cai trị, tức là thông qua hành vi bầu cử, người dân thực hiện chủ quyền của mình với tư cách là người chủ để lựa chọn ra chính quyền của mình.

Ở nước ta, Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định cụ thể các tiêu chuẩn đối với Đại biểu. Trong Phật giáo, người ứng cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp phải là người có uy tín, có mối quan hệ với các cấp chính quyền, được suy cử từ tổ chức Giáo hội các cấp, làm đại diện cho nguyện vọng của đông đảo Tăng Ni và Phật tử.

THAM GIA BẦU CỬ LÀ THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Là người tu hành, sinh hoạt trong một tôn giáo có chiều dài lịch sử cống hiến cho đất nước bằng tinh thần “cứu nhân độ thế”, Tăng Ni qua các thế hệ đã thực hiện nghĩa vụ của mình trước vận mệnh đất



Đây cũng là lần đầu tiên hoạt động tôn giáo được luật hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2016 Quốc hội đã thông qua Luật số 02/2016/QH14 về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

nước, góp công góp sức để đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng hơn, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn. Một trong những việc làm thiết thực là tham gia bầu chọn ra những người có tâm có đức, đủ điều kiện tham gia vào bộ máy lập pháp của nước ta, trong đó có những vị đang ứng cử đại diện cho nguyện vọng của hàng Tăng Ni, Phật tử khắp cả nước. Tăng Ni từ thành thị cho đến nông thôn, từ miền núi cho đến hải đảo xa xôi đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, đóng góp ý kiến để những người ứng cử ai cũng đều đủ tiêu chuẩn và đức hạnh khi được trúng cử, làm nhiệm vụ đại diện tiếng nói cho cử tri đã bầu mình. Đây cũng là việc thể hiện trách nhiệm trước đất nước trong giai đoạn mới.

ĐỘNG VIÊN ĐẠI CHÚNG THAM GIA VÀO CUỘC BẦU CỬ

Người con Phật còn nhớ lời dạy của Đức Phật: "..., các Tỷ kheo, đem sự tốt đẹp lại cho nhiều người, đem hạnh phúc đến nhiều người, vì lòng từ bi, hãy đem sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc lại cho chư Thiên và nhân loại... hãy hoằng dương Giáo pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo trong cả hai, tinh thần và vấn

tự... Hãy phát lên ngọn cờ của bậc Thiện trí. Hãy truyền dạy Giáo pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác" [1]. Tiếp bước con đường này, hàng Tăng Ni đang tiếp tục lan tỏa lời chân truyền ra khắp nơi. Năm 2019, thống kê cả nước có 3.243 đạo tràng cư sĩ 209.705 Phật tử, 1.061 gia đình Phật tử 69.429 đoàn sinh [2], tín đồ quy y Tam bảo và người thờ cúng tổ tiên tin theo Phật giáo "khoảng 60%/93.000.000 dân số" [3]. Con số này cho thấy người có niềm tin vào Đạo Phật chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số Việt Nam. Như vậy, nhiệm vụ vận động Phật tử và nhân dân tham gia vào cuộc bầu cử đối với hàng Tăng Ni là khá quan trọng.

Tăng Ni đã thông qua các hình thức khóa tu, thuyết pháp, đối thoại, trò chuyện để thông tin công tác bầu cử đến đại chúng, giải thích và trả lời những quy định về bầu cử, trách nhiệm của người con Phật, người theo Phật phải nghiêm túc tham gia bầu cử đầy đủ để bầu chọn người ứng cử có trọng tâm, tập trung cao. Nhiều vị trụ trì đã tổ chức các hoạt động nêu gương, những ngày diễn ra bầu cử cho dừng các hoạt động tu tập vào sáng sớm để tạo thuận lợi cho Tăng Ni và Phật tử đi bầu cử.



Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. (Ảnh: Báo CA TPHCM)

Để thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội, các vị cư sĩ, Phật tử tham gia động viên gia đình, hàng xóm tích cực tham gia vào các quy trình nhằm bầu những người có đức có tài đứng ra đại diện tiếng nói cho nhân dân, đề trình những nguyện vọng, kiến nghị đến cơ quan lập pháp, giúp giải quyết những vấn đề còn tồn tại, thúc đẩy xã hội tiến bộ hơn.

Theo mong muốn của nhiều vị trụ trì và đa số Tăng Ni, Gia đình Phật tử đã thông qua sinh hoạt để tuyên truyền về ý nghĩa bầu cử và nói về trách nhiệm của công dân trong ngôi nhà chung Phật pháp đối với các cuộc bầu cử. Từ đó, các em đủ tuổi bầu cử trở lên đã tích cực, năng nổ tham gia đi bầu cử.

Từ những hoạt động trên đây, Phật giáo đã thể hiện rõ nét thái độ “hộ quốc” của mình trong vận động công dân tham gia vào bầu cử, góp phần vào thành công của các cuộc bầu cử, nhất là giúp đạt tỷ lệ người đi bỏ phiếu.

PHẬT GIÁO NÊU CAO VAI TRÒ TẠI CÁC KỲ QUỐC HỘI

Qua các khóa hoạt động, từ tổ chức Quốc hội cho đến Hội đồng nhân dân cấp xã, có nhiều Tăng Ni và Phật tử Phật giáo tham gia ứng cử và trúng cử, phục vụ đắc lực trong các cơ quan lập pháp ở các cấp chính quyền, có nhiều vị được tin nhiệm tái cử nhiều khóa liên tục. Đối với Quốc hội, qua 14 khóa

hoạt động đã xuất hiện nhiều vị Tăng Ni tích cực.

Khi Chính phủ Lâm thời tổ chức tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946, Phật giáo có Thiền sư Thích Mật Thể, thế danh Nguyễn Hữu Kê, sinh năm 1912 tại làng Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Thiền sư xuất gia tại Trúc Lâm tự với Thiền sư Giác Tiên, lúc đầu có pháp danh là Tâm Nhất. Thiền sư là một bậc Tăng tài học cao hiểu rộng, từng làm giảng sư ở nhiều giảng đường trong nước, có nhiều tác phẩm lịch sử Phật giáo lưu truyền hậu thế. Với sức trẻ, sự thông minh và chí khí của người con đất miền Trung, Ngài là người đầu tiên trong ngôi nhà Phật giáo ra ứng cử và trúng cử làm Đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, là vị Tăng đầu tiên trực tiếp tham gia vào nghị trường đất nước.

Cũng trong năm này, Thiền sư được mời giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban Phật giáo cứu quốc tỉnh Thừa Thiên. Thiền sư viên tịch tại Nghệ An, lúc 49 tuổi [4].

Tại Quốc hội khóa I đã bầu lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước đầu tiên, thông qua Hiến pháp lần thứ nhất (Hiến pháp 1946) ngày 9/11/1946 (điều thứ 10 khẳng định: “...*công dân Việt Nam có quyền - Tự do tín ngưỡng...*”), thông qua Hiến pháp sửa đổi (Hiến pháp 1959) ngày 31/12/1959; ban hành 16 luật, trong đó có phê chuẩn Hiệp định Genève (khôi phục hòa bình ở Đông Dương).



Tổng thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Văn Cường phát biểu tại buổi họp báo công bố danh sách chính thức những người ứng cử Đại biểu QH khóa XV. (Nguồn: nhandan.com.vn)

Quốc hội khóa II bầu cử ngày 8/5/1960, gồm 453 Đại biểu, trong 8 kỳ họp đã thông qua 6 luật, 9 pháp lệnh và phê chuẩn 4 hiệp ước và hiệp định song phương, khóa này kết thúc vào tháng 4/1964. Giai đoạn này Phật giáo ở phía Bắc cử những vị có uy tín tham gia vào Quốc hội. Ở miền Trung và miền Nam Phật giáo gặp đại nạn, nhiều vị Tăng Ni tự thiêu phản đối sự đàn áp của chế độ ngụy quyền Sài Gòn, thúc đẩy làn sóng đấu tranh dâng cao.

Quốc hội khóa III bầu cử ngày 26/4/1964, gồm 453 Đại biểu, sau 7 kỳ họp thông qua 1 luật, 5 pháp lệnh và phê chuẩn 4 hiệp định song phương. Đây là giai đoạn khó khăn chung của đất nước, Tăng Ni và Phật tử đồng lòng tham gia kháng chiến và hỗ trợ kháng chiến. Ở miền Bắc, với chủ trương “Vi miền Nam ruột thịt” Tăng gia sản xuất và vận động đóng góp tài vật gởi chính quyền chi viện cho miền Nam. Ở miền Trung và miền Nam, Tăng Ni và Phật tử động viên nhau ra trận hoặc nuôi chứa cán bộ hoạt động trong lòng địch, chờ thời cơ nổi dậy. Quốc hội khóa IV, V hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình khi đất nước được hòa bình thống nhất.

Quốc hội khóa VI bầu cử ngày 25/4/1976, gồm có 492 Đại biểu. Quốc hội đã quyết định đổi tên nước thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua Hiến pháp 1980, tại Điều 68 Hiến Pháp

quy định: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”. Khóa này thông qua 1 luật, 4 pháp lệnh và phê chuẩn 12 hiệp ước và hiệp định song phương. Trong 13 vị đại diện tôn giáo, Hòa thượng Thích Thiện Hào lần đầu tiên là đại diện Phật giáo giữ chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đây là cơ quan thường trực cao nhất trong Quốc hội.

Quốc hội khóa VII bầu cử ngày 26/4/1981, gồm 496 Đại biểu, khóa này đã thông qua 10 bộ luật và luật, 15 pháp lệnh, phê chuẩn 19 hiệp định, hiệp ước, công ước song phương và quốc tế. Đây là thời kỳ khởi sắc của Phật giáo Việt Nam, với sự ra đời Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất các tổ chức hệ phái trong cả nước vào một ngôi nhà chung. Để có được sự thống nhất ý chí đi đến thành công của Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc tháng 11/1981, trước đó đã có sự hội ý vào tháng 2/1980, phiên hội ý này có sự hiện diện của ông Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh, ông Trần Bạch Đằng là Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương và ông Phạm Quang Hiệu ở Ban Tôn giáo Chính phủ, cùng các vị niên cao lập trường đại diện cho 09 hệ phái Phật giáo, cùng nhiều nhân sĩ, trí thức, cư sĩ, Phật tử về dự. Tại phiên hội ý, ông Nguyễn Văn

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Linh đã dành nhiều thời gian nói về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Phật giáo và nhiệm vụ của Phật giáo đối với dân tộc [5].

Quốc hội khóa VIII bầu cử ngày 19/4/1987, gồm 496 Đại biểu, sau 11 kỳ họp đã thông qua Hiến pháp 1992, 31 bộ luật và luật, 42 pháp lệnh và phê chuẩn 1 hiệp định quốc tế. Hòa thượng Thích Minh Châu - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo lần đầu tiên là đại diện Phật giáo được bầu vào Hội đồng bầu cử ở Trung ương, làm công tác chuẩn bị cho cuộc bầu cử khóa IX.

Quốc hội khóa IX bầu cử ngày 19/7/1992, gồm 395 Đại biểu, đã thông qua 39 bộ luật và luật, 41 pháp lệnh, phê chuẩn 3 hiệp định, công ước song phương và quốc tế. Tại Điều 70 Hiến pháp lần này tiếp tục khẳng định:

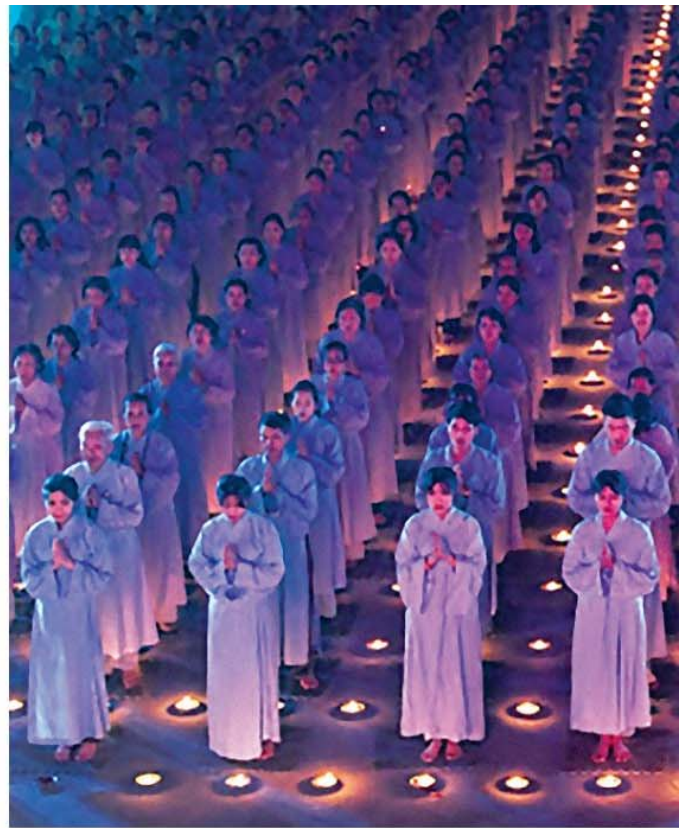
“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Quốc hội khóa X bầu cử ngày 20/7/1997, gồm 450 Đại biểu, đã thông qua Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp (ban hành ngày 7/1/2002), thông qua 31 bộ luật và luật, 36 pháp lệnh, phê chuẩn Hiệp ước biên giới đất liền với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hiệp định thương mại với Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Kể từ khóa này, sự đi lại, học tập và giao lưu quốc tế Phật giáo được rộng mở, bắt đầu mở ra một chương mới cho Phật giáo vươn ra thế giới và ngược lại, tạo hình ảnh đẹp và thân thiện trong lòng các tông phái và tôn giáo trên toàn cầu.

Quốc hội khóa XI bầu cử ngày 19/5/2002, gồm 498 Đại biểu, đã thông qua 84 bộ luật và luật, 34 pháp lệnh, phê chuẩn 3 hiệp ước, hiệp định song phương và quốc tế, nổi bật là phê chuẩn Nghị định Thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Đặc biệt, đây là lần đầu tiên Pháp lệnh về tín ngưỡng và tôn giáo được thông qua vào ngày 18/6/2004. Kể từ đây, Phật giáo và một số tôn giáo



khác đã tiếp cận các hoạt động “nhập thế thời hội nhập”, đẩy mạnh cải thiện chất lượng hoạt động các tự viện, nhiều tự viện mới bắt đầu xuất hiện. Chỉ riêng ở Kiên Giang, từ năm 2002 đến 2016 xuất hiện hơn 35 ngôi tự viện, nâng tổng số các tự viện lên 206 ngôi. Sự xuất hiện rõ lên các ngôi tự viện này thể hiện sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chính sách mở của Nhà nước và sự tạo thuận lợi của các cấp chính quyền địa phương, đã đồng hành cùng Phật giáo phát triển bền vững trong thời đại mới.

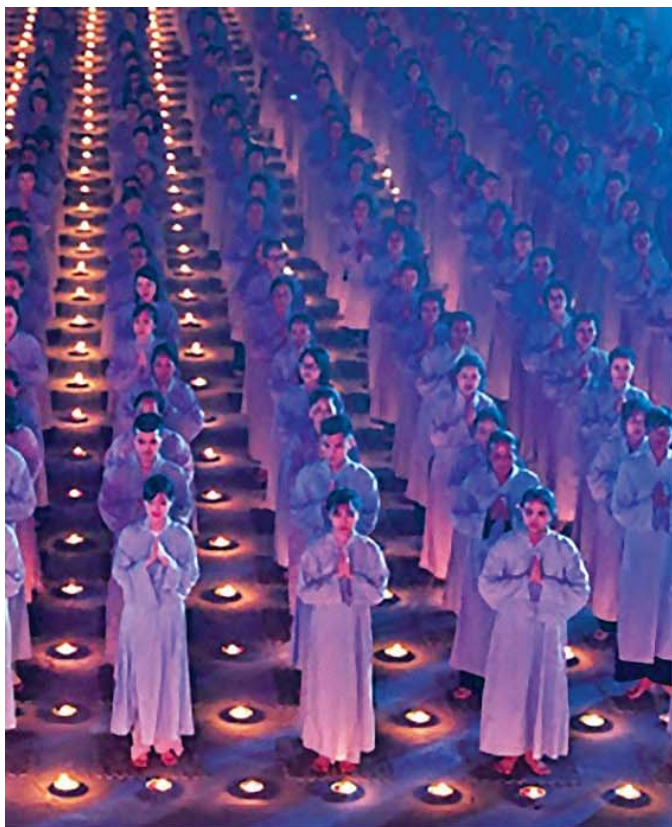
Quốc hội khóa XII bầu cử ngày 20/5/2007, gồm 493 Đại biểu, khóa này rút ngắn thời gian hoạt động để tiến hành bầu cử Quốc hội khóa XIII cho cùng thời gian với cuộc bầu cử Đại biểu HĐND các cấp năm 2011.

Quốc hội khóa XIII bầu cử ngày 22/5/2011, gồm 500 Đại biểu, đã thông qua Hiến pháp năm 2013, tiếp tục khẳng định đến tín ngưỡng, tôn giáo ở Điều 24:

“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn



Người có niềm tin vào Đạo Phật chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số Việt Nam. Như vậy, nhiệm vụ vận động Phật tử và nhân dân tham gia vào cuộc bầu cử đối với hàng Tăng Ni là khá quan trọng. (Ảnh: Trần Tuấn Việt)

giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

Phật giáo có sự đại diện của cả ba miền, Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm đoàn thành phố Hà Nội, Thượng tọa Thích Thanh Quyết đoàn Quảng Ninh và Hòa thượng Thạch Huân đoàn Sóc Trăng. Khóa XIII hoạt động đến tháng 5/2016 kết thúc.

Quốc hội khóa XIV bầu cử ngày 22/5/2016, gồm 496 Đại biểu. Đây là khóa đầu tiên thực hiện quy định tuyên thệ khi nhậm chức 04 vị trí cấp cao Nhà nước, là nhiệm kỳ thành công về mặt ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA), với 3 hiệp định đa phương quan trọng là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP). Ngoài ra, còn có Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam - Vương Quốc Anh (UKVFTA) và Hiệp định thương mại tự do song phương ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc) (AHKFTA). Đây cũng là lần đầu tiên hoạt

NGÀY HỘI NON SÔNG

động tôn giáo được luật hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2016 Quốc hội đã thông qua Luật số 02/2016/QH14 về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện Luật này, hàng Tăng Ni và Phật tử phấn khởi với sự thông thoáng và cởi mở, giúp tham gia sâu rộng vào các mặt đời sống xã hội, khẳng định hoạt động tôn giáo tiếp tục được thừa nhận và đồng hành cùng dân tộc [6].

Đã nhiều năm nay, các cuộc bầu cử đều có lời kêu gọi, định hướng tham gia bầu cử của hàng lãnh đạo Giáo hội đến các tự viện. Tiếp nối truyền thống đó, chuẩn bị cho bầu cử Quốc hội khóa XV sắp tới, ngày 19/4/2021 Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thay mặt Ban Thường trực ký công văn số 82/HĐTS-VP1 về việc vận động Tăng, Ni, Phật tử tích cực tham gia cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026[7]. Tiếp tục khẳng định Phật giáo luôn đồng hành cùng chính quyền trong thực hiện nghĩa vụ công dân, phục vụ hoàng dương chánh pháp.

Những ngày này, Phật giáo cùng cả nước hướng về ngày bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Chúng ta cùng gửi gắm niềm tin vào những vị ứng cử để có được kết quả tốt nhất trong cuộc bầu cử này. Hy vọng rằng, những người ưu tú trúng cử sẽ là những đại diện xứng đáng cho chúng ta trên nghị trường lập pháp các cấp thời gian tới.

Chú thích:

* Lê Tô Nam: Thạc sĩ Tôn giáo học.

- [1] Nārada Mahā Thera (2020), *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, Nxb. Tôn giáo, tr.119.
- [2] Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2019), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2019*, mục 3, khoản 1 và 2.
- [3] Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2019), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2019*, mục II, khoản 1.
- [4] Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, toàn tập, Cty Sách Thời Đại và Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr.903-907.
- [5] Thích Huệ Thông (2020), *39 năm một chặng đường*, Văn hóa Phật giáo (355), tr.10-11.
- [6] Quốc hội các khóa, trích từ dự thảo sách *Lịch sử Quốc hội*.
- [7] Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2021), *Vận động Tăng, Ni, Phật tử tích cực tham gia cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026*, công văn số 82/HĐTS-VP1, Hà Nội.

Vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực tư tưởng và đạo đức xã hội

Vũ Ngọc Định*



Phật giáo du nhập vào nước ta đến nay đã hơn 2000 năm. Trong quá trình ấy, đất nước dù lúc thịnh lúc suy nhưng trong thời đại nào, hoàn cảnh nào Phật giáo cũng nêu cao tinh thần hộ quốc an dân. Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, Phật giáo giữ vai trò hộ quốc, trong xây dựng đất nước Phật giáo là cầu nối về tư tưởng giúp đoàn kết dân tộc và là chỗ dựa tinh thần giúp người dân an lạc trong đời sống. Vì vậy, tinh thần “hộ quốc an dân” chính là hành động “nhập thế hành đạo” và trở thành truyền thống của Phật giáo Việt Nam.

TRUYỀN THỐNG HỘ QUỐC AN DÂN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Ngay trong giai đoạn đầu của thời kỳ tự chủ, các Tăng sĩ Việt Nam đã chứng tỏ khả năng thích ứng của mình, lấy trí tuệ làm phương tiện nhập thế hành đạo. Phật giáo tham gia và góp sức trong mọi hoạt động chính yếu của quốc gia như: chính trị, ngoại giao, giáo dục, văn hóa tư tưởng. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lập nên



nhà Đinh. Ngay khi lập quốc, vua nghĩ ngay đến vai trò của Phật giáo trong việc hộ quốc an dân nên ban phong phẩm trật cho các Tăng sĩ lỗi lạc và mời tham dự quốc chính. Ban chức Tăng thống cho Khuông Việt đại sư Ngô Chân Lưu; ban chức Tăng lục cho Pháp sư Trương Ma Ly và ban chức Sùng Chấn Uy nghi cho Thiền sư Huyền Quang. Nhà Tiền Lê kế nghiệp, tiếp tục trọng dụng các Tăng sĩ, vua Lê Đại

Hành đã mời Khuông Việt đại sư làm cố vấn về chính sự, Thiền sư Pháp Thuận lo việc ngoại giao. Đến thời nhà Lý, vua Lý Thái Tổ đã kế thừa tổ chức Tăng quan. Các Tăng sĩ có đạo hạnh và học vấn uyên thâm được các vua Lý hết sức trọng dụng, nhiều vị trở thành Quốc sư và tham dự triều chính như: Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Thông Biện, Viên Thông, Không Lộ,... có vấn đặc lực giúp vua các vấn đề về chính trị, ngoại giao, văn hóa.

Thời Trần, là giai đoạn Phật giáo Việt Nam chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, mà đỉnh cao là sự khai sáng dòng thiền Trúc Lâm, đứng đầu là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Tinh thần nhập thế hành đạo của Phật giáo thời Trần đã góp phần xây dựng một xã hội thịnh trị về chính trị, tư tưởng và văn hóa. Các vị vua đầu thời Trần đã biết vận dụng hết công năng của Đạo Phật, khiến Phật giáo trở thành một lực lượng kinh hỷ cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Thời nhà Hậu Lê, vai trò của Phật giáo có phần phai nhạt, bắt nguồn từ sự phát triển của hệ tư tưởng Nho giáo, đặc biệt là từ khi vua Lê Thánh Tông nổi ngôi suy Không giáo làm quốc học, lấy Nho học làm nền tảng xã hội và là cơ sở để tuyển chọn quan lại.

Kể từ chúa Nguyễn Hoàng đến các chúa Nguyễn tiếp nối đều coi trọng Phật giáo, có thể thấy tâm ý các vua chúa nhà Nguyễn muốn lấy Đạo Phật làm chỗ dựa tinh thần cho công cuộc định quốc của dòng họ Nguyễn. Tinh thần xuất thế kết hợp với nhập thế của Phật giáo được phát huy mạnh mẽ. Sau thời đại Đinh - Tiền Lê, Lý - Trần, thời chúa Nguyễn có thể coi là giai đoạn phát triển thịnh vượng thứ ba của Phật giáo Việt Nam.

Thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước bị ngoại xâm chia cắt. Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Nước có độc lập thì Đạo Phật mới dễ mở mang” [1], truyền thống nhập thế phụng sự dân tộc, phụng sự tổ quốc lại một lần nữa được phát huy mạnh mẽ. Ở miền Bắc, nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng, nhiều Tăng Ni đã *cởi áo cà sa khoác chiến bào* tòng quân cứu nước. Tại miền Nam, trong thời Mỹ - Diệm, cuộc biểu dương lực lượng đấu tranh chống lại chế độ tài Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của Mỹ năm 1963 là một minh chứng đỉnh cao cho tinh thần và hành động nhập thế của Tăng Ni, Phật tử miền Nam. Sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 10/6/1963; sự kiện tự thiêu tập thể của 6 Phật tử; vụ Phật tử Nhất Chi Mai tự thiêu năm 1967 đều có mục tiêu đòi hòa bình, độc lập cho quê hương, đòi cuộc sống

an lạc cho nhân dân và yêu cầu chấm dứt sự tham gia của chính quyền Mỹ - Ngụy tại Việt Nam đã thể hiện cho tinh thần xả thân vì đạo pháp, vì dân tộc của các thế hệ Tăng Ni và Phật tử Việt Nam [2]. Hình ảnh nhà sư trong vai trò nhà chính trị, mưu sĩ, chiến sĩ trong quá khứ là biểu trưng cho hình ảnh và tinh thần nhập thế hộ quốc an dân của Đạo Phật.

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA XÃ HỘI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phương châm hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam

Phật giáo vốn không chủ trương về chính trị, chủ trương chủ đạo của Phật giáo là hướng đến giải thoát cho kiếp nhân sinh, hướng đến đến sự bình an và hạnh phúc của chúng sinh. Vì thế mà Đức Phật luôn giáo huấn: “*Người lãnh đạo quốc gia phải là người biết đặt quyền lợi của nhân dân và đất nước lên trên lợi ích cá nhân của mình, không được lợi dụng địa vị, quyền lực của mình để lo cho mọi sự hưởng thụ*”. Trong kinh Tăng Nhất A Hàm và trong bộ chú giải Jātaka I (Chuyện tiền thân), có ghi mười tiêu chuẩn xây dựng đạo đức của người đứng đầu đất nước. Đó là quan điểm trị nước bằng đức trị của Đức Phật [3].

Ngay từ Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam lần thứ 1 (tháng 11/1981), Giáo hội Phật giáo Việt Nam lựa chọn phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”

để định hướng cho mọi hoạt động của mình. Điều này có nghĩa rằng, Phật giáo luôn luôn gắn bó, đồng hành với đất nước và con người Việt Nam. Đó là sự kết hợp gắn bó giữa sự phát triển của Phật giáo với lợi ích của nhân dân, lợi ích của dân tộc, chung tay góp sức cùng nhân dân cả nước xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, trong giai đoạn đất nước độc lập hòa bình, Phật giáo Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng phát triển đất nước. Tiếp nối truyền thống hộ quốc an dân, Phật giáo đã tham gia giải quyết nhiều vấn đề của xã hội đương đại như: Giáo dục đạo đức và lối sống xã hội; an sinh xã hội; tài nguyên và môi trường; xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người yếu thế; xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng khối đoàn kết khu dân cư; tham gia bảo vệ an ninh xã hội; y tế cộng đồng; từ thiện, nhân đạo, cứu trợ xã hội,...

Vai trò của Phật giáo với định hướng tư tưởng

Trong cuốn *Những điều Đức Phật đã dạy* [4], Hòa thượng Tiến sĩ W. Rahula đã viết: “*Những ai cho rằng Phật giáo chỉ quan tâm đến những ý tưởng cao vời, đến tư tưởng triết học và luân lý cao siêu mà quên đi lợi ích kinh tế và xã hội của con người là sai lầm. Đức Phật luôn quan tâm đến hạnh phúc của con người. Đối với Ngài, hạnh phúc không thể đạt được nếu không có đời sống thanh tịnh dựa*

trên những nguyên tắc luân lý và tâm linh”. Sự hành trì, hướng đi của Đạo Phật không phải là sự cầu nguyện, tụng niệm, cầu khẩn một sự cứu rỗi của một lực lượng siêu nhiên, của đấng quyền năng tối cao, mà đó là quá trình tu dưỡng và trau dồi một đời sống tinh thần thức tỉnh, an định. Hành trì giáo pháp của Đức Phật là phương tiện để cứu cánh cho đời sống tâm linh, tín ngưỡng của con người.

Trong xã hội hiện đại ngày nay, sự du nhập của một số văn hóa ngoại lai, đặc biệt là trào lưu tâm linh, tín ngưỡng không lành mạnh đã lôi kéo và tạo nên một số cá nhân, trong đó chủ yếu là giới trẻ có lối sống và tư tưởng lệch lạc, chìm đắm trong tham dục vật chất, cực đoan vị kỷ. Trong bối cảnh như vậy, tư tưởng Phật giáo đã từng bước đóng vai trò quan trọng đến sự định hướng tư tưởng xã hội. Khi tín đồ Phật tử đến chùa học tập, tiếp thu giáo lý và thực hiện các nghi thức tôn giáo, họ giác ngộ được rằng: Giáo pháp của Đức Phật có thể giúp cho thân tâm của họ được thanh thản, được giải thoát khỏi tham - sân - si. Những triết lý của Đạo Phật có thể giúp cho họ có những định hướng đúng đắn trong tư tưởng, đó là lấy việc hành thiện, tu nhân làm tôn chỉ trong hành động và suy nghĩ hàng ngày. Trong quá trình hành trì, tu tập Đạo Phật cũng chỉ ra rằng, sự giải thoát của con người nói chung là sự tự thân giải thoát, cho nên rất nhiều hoạt động xã hội gắn với đạo pháp đã được các cấp Giáo



hội tổ chức, nhằm mục đích thông qua các hoạt động này góp phần giáo hóa, giác ngộ tín đồ Phật tử hướng họ đến với cuộc sống an lạc, tốt đời đẹp đạo.

Vai trò của Phật giáo với đời sống tín ngưỡng dân tộc

Đặc điểm trong tín ngưỡng truyền thống của người Việt là thờ cúng tổ tiên, thần linh hay một thế lực siêu nhiên nào đó. Bên cạnh những mặt tích cực, còn tồn tại một số hành vi thực hành tín ngưỡng mang màu sắc mê tín, dị đoan. Phật giáo với đặc điểm là một tôn giáo gần gũi và dễ hòa hợp với tín ngưỡng dân gian người Việt đã và đang góp phần điều chỉnh, nâng cao nhận

thức trong hành vi tín ngưỡng để giúp cuộc sống tốt đẹp hơn.

Vì vậy, hiện nay, thực hành tín ngưỡng dân gian dựa theo nền tảng văn hóa Phật giáo đang có những đóng góp hết sức hữu ích làm thay đổi nhận thức trong các hoạt động tín ngưỡng thường ngày. Đơn cử việc đi chùa lễ Phật, cúng dường Tam bảo, ngày nay nhờ sự ảnh hưởng và sức lan tỏa của Phật giáo, ngoài việc đi đến chùa thực hành nghi thức tôn giáo, một bộ phận người dân đã thực hành nghi thức Phật giáo tại gia. Cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và thần linh tại gia, truyền thống thờ Phật, thực hành tâm linh theo văn hóa Phật giáo đang ảnh

hưởng mạnh mẽ đến đời sống tâm linh của người Việt. Các nghi thức gia đình như tang ma, cưới hỏi diễn ra dưới sự dẫn dắt của chư Tăng; các hủ tục như đốt vàng mã dần dần thay đổi, thay vì đốt nhiều tiền vàng, người dân đã tích cực phát tâm bố thí, cúng dường Tam bảo, phóng sinh,... Văn hóa Phật giáo đã giữ vai trò định hướng và cải thiện những điều cần cải thiện trong hành vi tâm linh, tín ngưỡng của người dân.

Vai trò của Phật giáo với giáo dục đạo đức, lối sống

Phật giáo từ chỗ là tôn giáo ngoại sinh đã nhanh chóng lan tỏa, ảnh hưởng và tạo lập được nền tảng vững chắc trong cộng đồng. Từ



tướng đạo đức Phật giáo hoàn toàn tương đồng với tư tưởng đạo đức truyền thống của người Việt. Trải theo lịch sử dân tộc, rất nhiều giá trị đạo đức của dân tộc và tư tưởng Phật giáo đã hòa quyện cùng nhau để trở thành các giá trị đạo đức cao cả như: tinh thần yêu nước, lòng thương người, tinh thần đoàn kết, tinh thần lao động,... Trong các giá trị đó nổi bật nhất là tinh thần yêu nước - chuẩn mực đạo đức cao nhất. Tinh thần yêu nước của người Việt thể hiện ở tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm, diệt trừ cường hào ác bá. Nhưng tinh thần yêu nước ấy lại thấm nhuần đạo Đức Phật giáo đó là lòng vị tha, nhân hậu và sẵn sàng tha thứ cho những kẻ dù đã mang tội lỗi nhưng biết quay đầu hối cải, sửa chữa sai lầm [5].

Trong xu thế toàn cầu hóa, bên cạnh những mặt tích cực về lợi ích kinh tế, kỹ thuật, khoa học

công nghệ và các tiện ích phục vụ cuộc sống, hàng loạt những hiện trạng suy thoái đạo đức đã hiện hữu, ví như sùng bái vật chất hay ích kỷ cá nhân... Trong hoàn cảnh như vậy, một bộ phận người Việt Nam tìm đến với Đạo Phật không chỉ vì cảm thấy thư thái an lạc nơi cửa Phật mà còn vì họ tiếp nhận được những giá trị đạo đức ẩn chứa trong đạo lý Phật giáo.

Hiện nay, để đáp ứng thực tiễn đời sống xã hội, trong đó nhiệm vụ giáo dục đạo đức lối sống được các cấp Giáo hội Phật giáo hết sức quan tâm, các hoạt động Phật sự như: Lớp bồi dưỡng giáo lý cho cư sĩ - Phật tử; Khóa tu an lạc; các buổi giảng pháp trong các dịp lễ lớn cho đến các hoạt động xã hội như: Nhân đạo từ thiện, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc người già neo đơn, xây nhà tình nghĩa, lớp học tình thương,... đã và đang là một kênh giáo dục về đạo, về

đời. Các hoạt động này giúp con người có định hướng đúng đắn về lý tưởng sống, biết tự tu dưỡng bản thân, hướng thiện, giữ gìn tam quy ngũ giới, hành thập thiện, làm những việc đem lại lợi ích cho mình và xã hội.

Có thể nói, để đánh giá một cách đầy đủ vai trò, ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống đương đại Việt Nam là một việc hết sức cần thiết, bởi trong giai đoạn hiện nay sự ảnh hưởng của tư tưởng, triết lý Phật giáo đã lan tỏa trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt của đời sống tinh thần cũng như đời sống vật chất của xã hội. Giá trị thực tiễn của đạo đức Phật giáo đã được bộc lộ rõ nét qua hành vi đạo đức, ứng xử đạo đức và suy nghĩ đạo đức của con người.

Chú thích:

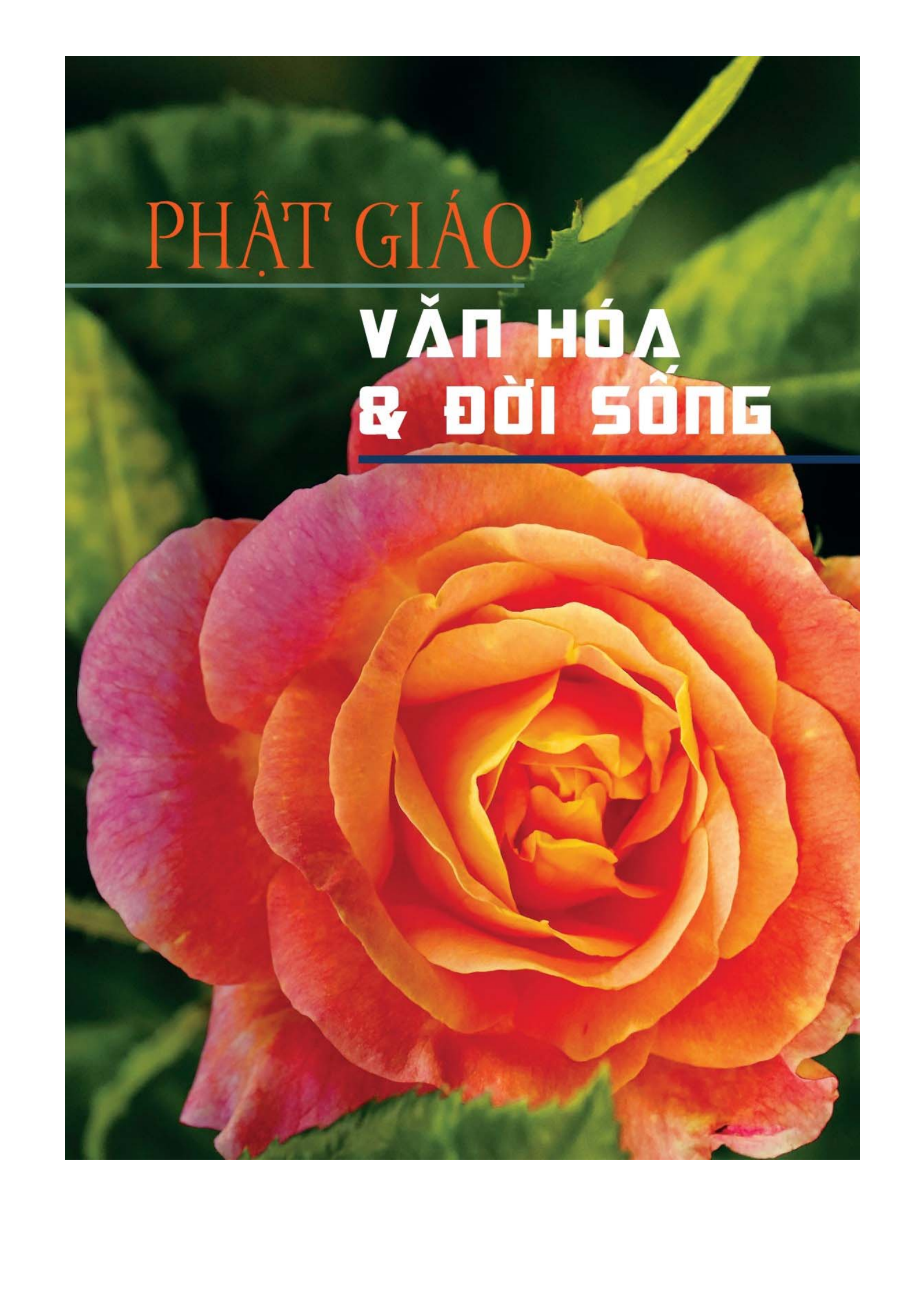
*Ths. Vũ Ngọc Định - Khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức.

[1] Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, tr.228.

[2], [3] Tham khảo thêm tại: Vũ Ngọc Định (2017), "Truyền thống nhập thế và vai trò của Phật giáo Việt Nam trong giải quyết các vấn đề xã hội", *Hội thảo Quốc tế Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb ĐHQG Hà Nội, tr.270-282.

[4] W. Rahula - Lê Kim Kha (dịch) (2011), *Những điều Đức Phật đã dạy*, Nxb Phương Đông.

[5] Tham khảo Vũ Ngọc Định (2019), "Giáo dục đạo Đức Phật giáo cho thanh thiếu niên trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay", *Hội thảo quốc tế Vesak 2019, Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb Tôn giáo.



PHẬT GIÁO

VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG

Tìm hiểu chính sách của vua Gia Long đối với Phật giáo

Đình Văn Viễn*



Năm 1802, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi vua đặt niên hiệu là Gia Long, triều Nguyễn được thành lập. Bối cảnh chính trị - xã hội phức tạp đã đặt ra cho nhà Nguyễn nhiều khó khăn, thách thức, song đây là triều đại đầu tiên làm chủ một lãnh thổ trải từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau. Để xây dựng một vương triều vững mạnh, triều Nguyễn đã lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống. Vì vậy, Nho giáo rất được đề cao. Tuy nhiên, Phật giáo vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống của các tầng lớp nhân dân, bởi đây vừa là một tôn giáo truyền thống của dân tộc, vừa có những đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ đất nước, phục hưng xã hội. Thực tế ấy đòi hỏi nhà Nguyễn, nhất là dưới triều vua Gia Long phải thực thi chính sách riêng với Phật giáo.

NHÂN DUYÊN GIỮA CHÚA NGUYỄN ÁNH VÀ PHẬT GIÁO

Từ cuối thế kỷ XVIII, do chiến tranh giữa Nguyễn Ánh với Tây Sơn nên việc truyền bá Phật giáo ở vùng phía Nam Đại Việt bị đình trệ. Sau khi đánh lui quân Tây Sơn và ổn định Gia Định, chúa Nguyễn Ánh vẫn tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển, nhất là ở vùng Gia Định mà sử liệu cho biết Phật giáo nơi đây phồn thịnh. Ông cho phép nhân dân sửa chữa, xây mới các chùa, gia tăng ảnh hưởng của Phật giáo trong xã hội. Có lẽ thiện cảm của Nguyễn Ánh với Phật giáo có nguyên nhân từ thời kỳ đầu chiến tranh Nguyễn Ánh - Tây Sơn. Bấy giờ, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh, phải chạy nhiều nơi ở Nam Bộ, ông đã được nhiều chùa, Tăng Ni, Phật tử ủng hộ, giúp đỡ. Theo sách *Định Tường xưa*, khoảng năm Ất Tỵ (1775), chúa Nguyễn Ánh chạy vào Nam, xuống tới Định Tường. Náu mình trong bộ y phục dân dã, Nguyễn Ánh cùng với năm sáu vị quan theo hầu đến xin tá túc nơi chùa Long Tuyền. Mặc dù không rõ thân phận đoàn khách lạ, nhưng Hòa thượng trụ trì vẫn sẵn lòng thương cảm bao dung, vì cửa chùa vốn chẳng hẹp ai. Gặp khi chúa Nguyễn đau yếu, Hòa thượng cũng tự tay chẩn mạch hốt thuốc điều trị rất tận tình. Một đêm có chim linh bay vùn vụt quanh chùa, kêu la inh ỏi mãi, dường như báo điềm gì. Thấy lạ, Hòa thượng đánh tay xem điều hung kiết thế nào. Đoán biết sẽ có sự chẳng lành cho khách lạ phương xa, Hòa thượng ngậm ngùi báo chúa Nguyễn: *Quý khách nên xa lánh chốn này, ở lâu ắt có chuyện chẳng lành xảy ra.* Vua nghe theo, nhờ đó thoát



Vua Gia Long (1762 - 1820)
(Ảnh: tư liệu)



Bức ảnh duy nhất còn lưu giữ được của chùa Khải Tường xưa. (Nguồn: Emile Gsell)

được sự truy lùng của quân Tây Sơn. Sau khi lên ngôi Hoàng đế, vua Gia Long nhớ công ơn Hòa thượng chùa Long Tuyền, nên năm Gia Long thứ 10 (1811) nhà vua cho tu bổ chùa và phong cho chùa hiệu là: Sắc tứ Linh Thửu cổ tự, phong cho trụ trì chùa là Mãn Huệ Thiền Sư Đại lão Hòa thượng [1].

Đại Nam nhất thống chí chép về ngôi chùa Linh Thửu như sau: “Ở thôn Thịnh Phú, huyện Kiến Hưng, chùa rất cổ, cũng là nơi danh thắng, năm Gia Long thứ 10 ban biển ngạch đề “Long Tuyền tự”, năm thứ 11 sư chùa mộ 10 người dân ngoại tịch đặt làm phu chùa, được miễn binh, năm Thiệu Trị thứ 1, đổi tên hiện nay” [2].

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA CHÚA NGUYỄN ÁNH - VUA GIA LONG ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO

Siết chặt chính sách quản lý Tăng đoàn

Dù có thiện cảm ban đầu, nhưng sau này chúa Nguyễn Ánh (vua Gia Long) dần khắt khe với Phật giáo, một phần do sự tha hóa phẩm hạnh của một số tu sĩ vua bắt gặp.

Năm 1798, có một sư tăng họ Cao phạm tội, nhà vua đã rất muốn khép tử tội vị này. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “*Gia Định, có nhà sư họ Cao phạm tội, vua muốn giết ngay, có kẻ nói sư là người chân tu, vua nói: “có chân tu nữa thì ích gì cho nước?”*” [3].

Song song với việc cho phép xây dựng, tu bổ các chùa, Nguyễn Ánh yêu cầu tăng cường việc quản lý số tăng đoàn, buộc người tu sĩ phải tham gia vào các việc công ích. Nguyễn Ánh yêu cầu tất cả các dinh thần xét hết những chùa trong hạt, từ Hòa thượng cho đến đạo đồng phải ghi hết số người vào sổ để dâng, rồi sai Lại bộ truyền bảo rằng: “*Phàm tăng đồ tuổi từ 50 trở lên thì vẫn miễn lao dịch, chưa đến 50 thì phải chịu lao dịch như dân, kẻ nào dám trốn tránh thì bắt tội*” [4]. Nghĩa là những người theo Phật giáo dưới 50 tuổi cũng phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế, thực hiện chế độ binh dịch cho Nhà nước. Biện pháp này nhằm hạn chế cư dân “trốn đời” đi theo Phật giáo.

Vào năm 1815, vua Gia Long ban sắc chỉ trùng tu chùa Thiên Mụ, cho tu sửa chùa Thiên Mụ, đúc tượng Phật.
(Nguồn: canhdep.net)



Thái độ của quan lại đương thời cũng không thiện cảm với Phật giáo khi họ tỏ ra ủng hộ việc bài Phật giáo của chúa Nguyễn Ánh. Năm 1798, Lê bộ Ngô Tùng Chu nói với Đồng Cung Cảnh rằng: “Nhà vua bài trừ Phật làm việc rất hay, bấy tôi không biết tán thành lại còn rườm lời. Tôi sợ việc này mà nửa chừng bỏ thì kẻ kia lại ngông cuồng hơn trước. Tôi không ghét riêng gì nhà sư. Nhưng mối hại của Phật lão còn quá hơn Dương Mặc, không thể không nói được”. Đồng cung nói: “Phải đấy”. Tông Chu bèn dâng sớ, chỉ trích cái bậy của nhà sư, vua bèn quyết ý” [5].

Sau khi thành lập vương triều chính thức ở Huế năm 1802, vua Gia Long tiếp tục thực hiện chính sách hạn chế Phật giáo. Phần nào của chính sách này được thể hiện ở việc vua Gia Long phê phán sự sùng bái Phật giáo trong quần chúng nhân dân. Chính sử nhà Nguyễn chép rằng: “... Thờ cha mẹ chẳng ra gì, tuy hằng ngày

ăn chay niệm Phật cũng vô ích. Trung với vua mà đến thế, dầu không cùng Phật cũng không sao. Như thế người có duyên cần gì phải Phật độ mà người không duyên thì Phật độ làm sao được? Thử xem những tổ đã thành Phật như là Mục Liên mà cũng không đỗ được mẹ, chuộng Phật giáo như Tiêu Diễn mà cũng không giữ được thân, huống chi những bọn bất trung bất hiếu, không biết quân vương là Phật hiện thời, bỏ cả cha mẹ là Phật sinh thành, mà đi cầu Phật vô hình xa ngoài muôn dặm, để mong phúc may chưa đến, có lẽ ấy được chăng?” [6]. Từ nội dung này có thể thấy, vua Gia Long nghi ngờ, phê phán giáo lý Phật giáo, nhất là thuyết nhân quả báo ứng, từ đó xem thuyết này như một sự mê tín, xa rời thực tế, không thực hiện được.

Đối với Phật sự, vua Gia Long còn thực hiện chính sách quản lý chặt chẽ. Ông ban chỉ dụ nghiêm cấm Tăng đoàn và dân chúng xây dựng các chùa to, hoặc làm đàn

chay, ai vi phạm không phân biệt Tăng Ni hay dân thường đều bị xử phạt. Theo lệ định năm Gia Long thứ nhất (1802) thì “dân xã bị bọn tăng ni mê hoặc, làm chùa quán to lớn, làm lễ khánh thành, làm đàn chay,... phải phạt kẻ đứng hầu 100 trượng, bắt bồi thường lại tiền phí tổn ấy; Tăng Ni phạt 60 trượng. Quan địa phương không biết kiểm soát, hoặc hòa theo che dấu, phải giao cho bộ bàn xét luận tội” [7]. Không những vậy, đối với các Tăng Ni trong chùa mà có những hành vi truyền bá mê tín, dị đoan; hoặc những người dung túng cho Tăng Ni có những hành vi đó đều bị xử tội bất sung quân.

Đặc biệt, khi ban Điều lệ Hương đảng cho các xã dân ở Bắc Hà vào năm 1804, vua Gia Long đã dành hẳn điều thứ 5 để nghiêm cấm việc xây dựng dựng chùa mới ở các địa phương. Nhà vua chỉ cho phép sửa chữa những ngôi chùa đã được xây dựng trước đó, chỉ những ngôi chùa đã đổ nát mới

được phép phục dựng lại. “*Từ nay về sau, chùa quán có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới và tô tượng, đúc chuông, đàn chay, hội chùa, hết thấy đều cấm*” [8]. Sau này, dưới triều vua Tự Đức, nhà vua cũng cho ban hành nhiều sắc chỉ giống như Gia Long để chấn chỉnh Tăng, Ni,...

Cho phép tu bổ một số ngôi chùa
Mặc dù quản lý khắt khe Phật giáo nhưng Hoàng đế Gia Long dành sự quan tâm đến một số ngôi chùa, cho phép tu sửa, hoặc xây mới số ít chùa. Chẳng hạn vào năm 1812, khi sửa chùa Kim Chương, vua Gia Long đã ban cho 1 vạn quan tiền [9], thậm chí có những ngôi chùa được làm lại có quy mô lớn như chùa Thiên Mụ. Theo ghi chép của chính sử, vào năm 1804, vua Gia Long cho gọi sư Mật Hoằng về kinh, cấp chức Tăng Cang sau đó sắc về làm trụ trì chùa Quốc Ân. Vào năm 1815, vua Gia Long ban sắc chỉ trùng tu chùa Thiên Mụ, cho tu sửa chùa Thiên Mụ, đúc tượng Phật. Vua trực tiếp đến xem, nhân bảo Trịnh Hoài Đức rằng: “*Chùa này đất có linh khí, từ khi hoàng tổ ta là Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế, năm 23 Giáp Ngọ (1714) tu tạo đại quy mô đến nay đã được 101 năm rồi, nay nhân chùa cũ mà sửa lại để truyền thắng tích. Đồng thời thưởng cho binh và thợ hơn 1800 quan tiền*” [10]. Quy mô sửa chùa rất lớn, trong đó cho dựng lại các điện gồm: điện Đại Hùng 3 gian 2 chái, 5 gian tiền đường, hợp làm một, bốn chung quanh mái cong. Điện Di Lặc 3 gian, đều 2 chái, 1 bếp, 1 kho, một phòng sư ở bên tả, một phòng sư bên hữu, đều 3 gian 2 chái; một lầu chuông, một lầu trống, hai đình bia 6 góc, một đình chuông

6 góc, 1 cửa nghi môn ba gian, bốn chung quanh tường gạch, cao 5 trượng, mặt tả mặt hữu và mặt sau đều mở một cửa [11].

Một số ngôi chùa được trùng tu như chùa Phúc Kiều ở Quảng Tùng (thờ Phật Bà bằng đá), chùa Kim Phong trên núi Thần Đinh (thuộc Quảng Bình) từ lợp bằng tranh, đến triều vua Minh Mạng 10 (1829) được làm bằng ngói; chùa Cảnh Tiên ở ấp Tráng Tiệp, huyện Phong Lộc do Nguyễn Hữu Dật dựng. Hoặc chùa Linh Quang ở Bồ Trạch, chùa Đại Phúc thuộc hai xã Đại Phúc và Tuy Lộc, huyện Lệ Thủy được dựng thời chúa Nguyễn, đến triều Nguyễn được trùng tu, tôn tạo thành chùa lớn trong vùng. Đặc biệt, chùa Khai Tường ở thôn Hột Loạt, huyện Bình Dương được Gia Long cho trùng tu để kỷ niệm nơi sinh Hoàng tử Đam. Theo *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, “*chùa Khai Tường ở thôn Hột Loạt, huyện Bình Dương được xây cất năm Tân Hợi (1791)... do Nguyễn Vương Phúc Ánh kiến tạo để kỷ niệm nơi sinh Hoàng tử Đờm (hay Đam)*” [12]. Vương Hồng Sển trong quyển *Sài Gòn năm xưa*: “*... chùa Khai Tường... Chùa này có đặt sử chính hoàng tử Đam (sau lên ngôi là đức Minh Mạng) sanh nơi hậu liêu vào năm Tân Hợi (1791) giữa cơn tị nạn Bình Tây Sơn. Qua năm 1804, Cao Hoàng nhớ tích cũ, để tạ ơn Phật dày công che chở mấy năm bốn tẩu nên gởi tặng chùa một cốt Phật Thích Ca thật lớn bằng gỗ mít, thép vàng tuyệt kỹ*” [13].

Cũng có một số chùa được dựng mới hoàn toàn, trong đó có chùa Hoa Tiên dựng năm 1811; chùa

Thiên Đức (Bình Tây, Ninh Hải, Khánh Hòa) dựng năm 1820.

Coi trọng giá trị nhân văn của Phật giáo

Một số giá trị nhân văn của Phật giáo ít nhiều được vua Gia Long đề cao, coi trọng và vận dụng vào việc an dân. Năm 1802, khi bàn cùng với các quan viên về việc trị dân, nói tới giáo hóa và hình phạt, vua Gia Long chỉ dụ: “*Đạo trị dân giáo hóa vẫn nên làm trước. Nhưng nay dân mới trải qua thời loạn, nhiễm thói xấu đã lâu, chưa tin giáo hóa mới, trong phép trị mỗi loạn, hình phạt không thể dùng được. Cần phải lấy lòng kính thương mà làm thân thể nào đó thôi*” [14]. Ít nhiều có thể thấy vua muốn ban lòng từ đến nhân dân. Trong buổi đầu cai trị, nhằm ổn định cuộc sống của người dân sau thời gian dài chiến tranh, nhiều lần vua Gia Long cho thực hiện việc giảm tô thuế ruộng cho người nông dân, hoặc sai quan phát chẩn cứu đói những nơi người dân bị bão lũ, đời sống khó khăn. Như năm Quý Hợi (1803), triều đình cho giảm thuế tô ruộng cho người dân vùng Nghệ An ra Bắc, theo đó Nghệ An, Thanh Hóa nội ngoại và năm nội trấn Bắc Thành, thóc tô mỗi mẫu bớt 5 bát, còn sáu ngoại trấn thì giảm một nửa [15]. Hạ chiếu tha 4 phần 10 thuế điền năm này cho Quảng Ngãi, hoãn thu 5 phần 10 cho Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình. Thuế vụ chiếm ở các trấn Bắc Thành thì nộp thay một nửa bằng tiền do gạo kém, nhân dân thiếu ăn [16]. Cũng trong năm này, trấn Bắc Thành bị ngập lụt do đê vỡ, lúa ruộng bị ngập, nhà dân bị trôi mất nhiều, vua Gia Long hạ cho quan trong trấn thành vận chở tiền gạo



Khuôn viên bên trong chùa Sắc Tứ Linh Thứu. (Nguồn: godidigo.com)

đi chân cấp cho dân [17]. Qua một số việc làm trên cho thấy, vua Gia Long không coi thường Phật giáo, vẫn dựa tư tưởng từ bi của Phật giáo để cai trị đất nước.

Mặc dù triều đình Gia Long thực hiện chính sách quản lý chặt chẽ đối với chùa chiền, Tăng, Ni, hoạt động của Phật giáo nhưng trong đời sống tín ngưỡng người dân nơi làng xã, Phật giáo vẫn có sức sống “trường tồn”. Khi ở chốn hương thôn, người dân vẫn tin vào giáo lý, vào sự vi diệu của Phật giáo. Họ vẫn cứ đến chùa lễ Phật, dâng hương và xem việc đóng góp tiền bạc, của cải cho nhà chùa như là một nghĩa vụ mang tính tự giác cao. Nhiều ngôi chùa được tu sửa hoặc xây dựng không chỉ ở vùng đất quanh Kinh thành Huế mà ngay cả những vùng đất mới khai khẩn ở miền Nam. Vì thế, Quốc sử quán triều Nguyễn phải thừa nhận: “*Tục ở Gia Định sùng Phật*” [18].

Như vậy, qua một số cứ liệu lịch sử ghi chép về cách hành xử của vua Gia Long đối với Phật giáo trong thời gian ông trị vì, có thể thấy ngay từ khi còn ở Gia Định cho đến khi thành lập vương triều

và lên ngôi Hoàng đế tại Huế, vua Gia Long đã có những chính sách đối với Phật giáo. Mặc dù được sự ủng hộ của nhiều Tăng, Ni trong quá trình chiến tranh với nhà Tây Sơn, nhưng vua Gia Long đã có những chính sách quản lý chặt chẽ đối với Phật giáo.

Tuy nhiên, vua Gia Long không gạt bỏ hoàn toàn Phật giáo. Điều đó được thể hiện rất rõ trong việc vua Gia Long vận dụng tinh thần từ bi của Phật giáo để ổn định và chăm lo cuộc sống người dân, giảm thuế, tha thuế, phát chẩn, cứu đói cho dân... Và trong thực tế, tuy vua Gia Long ban các đạo dụ nghiêm cấm hành vi của Tăng Ni, cấm nhân dân xây dựng chùa mới nhưng Ông vẫn quan tâm đến việc tu sửa chùa cũ, đồng nghĩa với việc vẫn đảm bảo quyền tín ngưỡng của đại bộ phận quần chúng nhân dân. Trong một xã hội có sự tồn tại đan xen cùng một lúc nhiều tôn giáo khác nhau, nhất là sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Kitô giáo luôn gắn liền với ý đồ chính trị của các Giáo sĩ phương Tây, thì việc quản lý chặt chẽ Phật giáo hoặc ngăn cấm Công giáo để tăng cường, củng cố Nho giáo là một biện pháp chính trị của vua

Gia Long trong bối cảnh xã hội đương thời. Dù hạn chế hay bị phê phán học thuyết, nhưng Phật giáo vẫn luôn là một tôn giáo có vị trí nhất định trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam thời bấy giờ.

Chú thích:

* TS. Đinh Văn Viễn, Giảng viên chính, Đại học Hoa Lư.

- [1] Huỳnh Minh (2001), *Định Tường (Mỹ Tho) xưa*, Nxb Thanh niên, tr.133, 134, 135.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5), bản dịch Viện sử học, Nxb Thuận Hoá, tr.132.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục* (tập 1), Nxb Giáo dục, tr.371.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.371.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.371.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.586.
- [7] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (tập VI), Nxb Thuận Hóa, tr.237.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.586.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.850.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.612.
- [11] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (tập VII), Nxb Thuận Hóa, tr.72.
- [12] Văn Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, Huệ Quang xuất bản, tr.177.
- [13] Vương Hồng Sển (2004), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, tr.198.
- [14] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.518.
- [15] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.550.
- [16] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.560.
- [17] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.567.
- [18] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.371.

Tài liệu tham khảo:

1. Huỳnh Minh, *Định Tường (Mỹ Tho) xưa*, Nxb Thanh niên, 2001.
2. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập VI, VII, bản dịch của Viện sử học, Nxb Thuận Hóa, 2005.
3. Vương Hồng Sển, *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Tổng hợp, Đồng Nai, 2004.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, bản dịch Viện sử học, Nxb Giáo dục, 2002.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, bản dịch của Viện sử học, Nxb Thuận Hóa, 2006.
6. Văn Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, Huệ Quang xuất bản, Phật lịch 2518.

GỐM THẮNG

PIỀM TỰ HÀO



Gạch mang hoa văn
lá đề và hình tượng
rồng lượn đặc trưng
của triều Lý.

LONG GỐM VIỆT

Dương Thụy*



Hình tượng rồng
trong gốm thời Lý



Năm 1999, khi khai quật tàu đắm Cù Lao Chàm, nhân công bất ngờ phát hiện bên trong một âu (thố) gốm men xanh trắng, có chứa những chén gốm mỏng vô trùng được chồng lên nhau và xếp thành vòng tròn. Đó là những chén men trắng hoa văn in chìm rất mỏng, có thể nhìn “thấu quang”. Vài ngày sau, cũng trong một âu gốm tìm thấy gốm mỏng vô trùng, nhưng lần này là những chén mỏng vô trùng men xanh trắng với hoa văn không khác với các đồ gốm men xanh trắng Việt Nam,... Những nhà khảo cổ học tin rằng, đây là gốm mỏng vô trùng của Việt Nam, nhưng vấn đề đặt ra là loại gốm này được sản xuất ở đâu.



Bát sứ thấu quang
trang trí rồng 5
móng, đồ ngự dụng
thời Lê

NHỮNG GHI NHẬN BAN ĐẦU

Ở khu vực thành Đại La (Hà Nội) trong thập niên 30 của thế kỷ XX, Clement Hue thu thập được những phế phẩm lò và con kê - có những chồng bát men xanh trắng dính nhau, chồng bát men nâu dính nhau còn thấy vết ve lòng, những con kê hình đĩa bốn chân, hình vành khăn bốn chân - được bảo quản ở Bảo tàng Nghệ thuật và Lịch sử Hoàng gia Bỉ ghi dấu tích lò ở Đại La vào thế kỷ XIV [1]. Năm 1978, ở khu vực Quận Ngựa nay là khu vực Cung Thiếu Nhi (Hà Nội) các nhà khảo cổ học đã tìm thấy một giếng nước mà thành giếng là những bao nung gốm, có sáu lớp, mỗi lớp có mười hai bao nung quây tròn. Ở đây còn tìm được những mảnh gốm chảy dính vào nhau và rất nhiều bao nung gốm, chứng tỏ Quận Ngựa là một khu vực lò nung thuộc cuối Trần - đầu Lê [2].

Năm 1980, ở di tích Cậy, Hợp Lễ (Hải Dương) đã phát hiện được hiện vật gốm mỏng vỏ trứng với các loại hình như bát, đĩa, chén... trang trí vân in hình rồng, phượng, hoa cúc dây và mây nước, trong lòng có in nổi chữ “Quan” (官) và hoa mai 6 cánh. Ở Lam Kinh (Thanh Hóa) cũng tìm được gốm mỏng vỏ trứng với các loại hình bát, đĩa, chén nhỏ, nắp dĩa... trang trí hoa văn hình rồng chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối, phượng và văn sóng nước chiếm số lượng rất ít, trong lòng bát, đĩa đều có in chữ “Quan” (官) nổi. Có loại gốm men trắng mỏng vỏ trứng vẫn in có viết chữ bằng men xanh như “Quan”, “Lam”, “Tiêu”, “Kính”... đề trực tiếp lên chữ “Quan” in nổi. Điểm đáng chú ý là xương gốm mỏng vỏ trứng tìm được ở Lam Kinh cực kỳ mỏng, có chiếc chỉ dày 0,05 cm. Trong khi đó, ở tàu đắm Cù Lao Chàm, gốm mỏng tìm được gồm gốm trắng vân in, gốm men xanh trắng, gốm men nhiều màu như bát to, bát trung bình, bát nhỏ... với hoa văn trang trí hình “long truy” (hai con rồng đuôi nhau) dạng hình yên ngựa, có 5 móng; hình phượng và mây, hoa cúc dây và hoa lá [3].

XÁC ĐỊNH GỐM THĂNG LONG

Việc khai quật Hoàng thành Thăng Long không những tìm được nhiều tài liệu “minh họa” mà đặc biệt hơn là tìm được nhiều tư liệu “bổ cứu”. Riêng về gốm sứ, có thể ghi nhận 3 loại hiện vật chứng tỏ Thăng Long là một khu vực sản xuất gốm - Một “lò quan”/ “quan điều” của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam.

Công cụ sản xuất gốm

Đã phát hiện được hàng nghìn mảnh bao nung gốm, cùng nhiều loại con kê, dụng cụ thử men; tìm được mảnh khuôn in hoa cúc dây. Hoa văn trên khuôn in này có phong cách như hoa văn trên đĩa men ngọc tìm thấy trong lòng giếng thời Lý và cả hai đều phản ánh sự ảnh hưởng khá đậm phong cách trang trí hoa cúc dây của gốm Tống [5]; tìm được loại khuôn trong bằng gốm để in trong lòng bát tạo hoa văn cho các loại bát có hoa văn hình tổ ong thuộc thời Trần (1225-1400), khuôn trong tạo hình hoa cúc dây thuộc thời Lê sơ (thế kỷ XV). Loại



Đầu phụng thời Lý khai quật ở Di tích Hoàng thành Thăng Long.

khuôn in hoa văn bên trong này đã tìm thấy ở Chu Đậu (Hải Dương) và cũng khá giống với loại khuôn trong thuộc thời Tống của Trung Quốc. Đã tìm được khuôn làm gạch bằng đá, trên đó khắc rồng hình yên ngựa, có 5 móng thuộc thời Lê; tìm được con kê như loại con kê hình vành khăn có 5 mấu như loại con kê tìm được ở Chu Đậu và loại con kê hình ống có 5 mấu được nung cứng như sành...

Phế phẩm gốm

Trong đồ sứ thời Lý tìm được ở Hoàng thành có những loại bát, đĩa, nắp hộp, đài sen... bị méo hoặc cháy do quá lửa, cho thấy đó là những hiện vật được sản xuất tại chỗ [6]. Những chông bát men ngọc, men nâu hay hoa nâu bị méo dưới đế có con kê 5 mấu, dính vào nhau; những hiện vật hũ, bình chậu bị méo...

Sản phẩm gốm

Rất nhiều sản phẩm là đồ sành có từ thời Đại La cho đến thời Lê như nồi, ấm, hũ, vò chậu, đĩa.... Điều quan trọng là, những đồ sành rất phong phú tìm được ở Hoàng thành Thăng Long có thể giúp xây dựng một niên biểu về đồ sành ở Việt Nam từ thế kỷ VII cho đến thế kỷ XVIII [7]; đồ đất nung như gạch hình chữ nhật với số lượng cực kỳ phong phú, có thể nói là chiếm số lượng nhiều nhất, từ gạch thời Đại La cho đến gạch vỏ thời Lê. Trong số đó có những



Ngôi lợp có hình tượng uyên ương được chế tác chi tiết cực kỳ tinh xảo.



Phụng cuốn trong lá đề, một mẫu trang trí gốm kiến trúc có sự pha trộn văn hóa và tín ngưỡng Phật giáo.

viên gạch có ký hiệu riêng về các đội sản xuất; có gạch có ghi nơi sản xuất (Giang Tây quân - 江西軍); Quân chuyên xây thành của Đại Việt (Đại Việt quốc quân thành chuyên - 大越国軍城磚) hay ghi niên đại (Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo 1057 - 李家第三帝龍睡太平四年造).

Những vật trang trí như rồng, phụng, lá đề, có cả lá đề trang trí hình hai con phụng uốn cong mỏ kề nhau theo đề tài “Loan phụng hòa minh” (con phụng trống và con phụng mái cùng hót - đề tài hạnh phúc). Những đầu ngói ống thời Đại La (mặt hể), thời Lý, Trần (hình rồng, hoa sen, hoa cúc); và cũng có viên gạch, ngói có men ngọc, thanh lưu ly, hoàng lưu ly; đồ sứ có bình, bát, đĩa, âu, liễn... gốm men ngọc, gốm men trắng, gốm men lục, gốm men vàng, gốm men nâu, gốm hoa nâu, gốm men xanh trắng. Đồ sứ thời Lý như những mảnh bệ tháp sứ trắng trang trí hình rồng, trang trí hình tiên nữ đang nhảy múa mang đậm phong cách nghệ thuật Champa; nhóm bát đĩa men ngọc trang trí vân in hoa cúc dây như kiểu gốm Tống (Trung Quốc) hay trang trí vân khắc chìm hình hoa sen mang phong cách Việt Nam; chiếc nắp hộp men xanh lục trang trí hình rồng ngậm ngọc, uốn 18 khúc kiểu “viên long” (rồng cuộn tròn) xung quanh là dải văn mây hình nắm linh chi, diềm ngoài cùng là dải văn chấm tròn nhỏ kiểu nhũ đỉnh...

Nhiều loại nắp hộp hay bát, đĩa trang trí rồng, hoa sen dây theo lối “nền tô men nâu, hoa văn men trắng” với đường nét chạm khắc uốn lượn mềm mại, tinh xảo [8]. Đồ sứ thời Trần ngoài chiếc đầu gốm men nâu mà một số người gọi không đúng là tước gốm (đầu là hiện vật có 1 chân cao dùng trong tế lễ, còn tước là hiện vật có 3 chân dùng để uống rượu) có dáng khá đặc biệt... ở Hoàng thành Thăng Long gần như không có sự phân tách rạch ròi giữa gốm hoa nâu ngự dụng với gốm ở những nơi khác [9]. Gốm sứ thời Lê ở Hoàng thành nổi bật với gốm mỏng vỏ trắng và gốm men xanh trắng... hoa văn rồng 5 móng theo kiểu “viên long”, “long truy” (hai con rồng đuổi nhau), trong lòng có in chữ “quan” được hiểu là “quan điều” (lò quan).

ĐẶC ĐIỂM GỐM THĂNG LONG

Gốm Thăng Long thuộc loại “lò quan” (Quan điều). Trước nay, khi nói đến “lò quan” (lò gốm của nhà nước do các quan điều hành việc sản xuất), những nhà khoa học thường chỉ đề cập đến lò quan thuộc thời Trần sản xuất ở phủ Thiên Trường (Nam Định). Sau đó, còn biết thêm “lò quan” do Gia Long cho xây dựng. Năm Đinh Mão, Gia Long năm thứ 6 (1807), Gia Long cho “Lập hai sở lò gạch ngói, lấy 300 người dân Quảng Bình và 600 người dân ở Quảng Nam làm việc, hàng tháng cấp cho tiền gạo”



Chậu gốm hoa nâu thời Trần



Gạch lá đề phủ men lục trang trí
diềm mái cung điện.

[10]. Năm Kỷ Ty (1809), Gia Long cho “Đặt 25 lò gạch ngói, lấy dân Quảng Đức hơn 700 người để ứng dịch, mỗi tháng cấp cho tiền gạo” [11]. Năm Canh Ngọ (1810), Gia Long cho “Lập 20 sở lò nung gạch ngói, sai Chương cơ tri Đồ gia Phan Tiến Cẩn, Cai bạ Quảng Đức là Lý Gia Du giám đốc công việc” [12].

Những lò này hình thành một hệ thống lò kéo dài 5 - 6km dọc đôi bờ sông Hương. Các sản phẩm của khu “lò quan” này như gạch ngói, gạch tráng men, ngói “thanh lưu ly”, “hoàng lưu ly”, ngói âm dương, gạch hoa khoét lỗ, tượng thú trang trí như lân, nghê, sư tử, voi... để xây dựng và trang trí kinh thành Huế. Những hiện vật này, ngày nay còn có thể nhìn thấy ở các lăng tẩm, cung điện, đền đài ở Huế [13].

Nhưng nay, các nhà khoa học đã tìm ra một lò quan trong Hoàng thành Thăng Long sản xuất gốm ở Hoàng thành Thăng Long kéo dài từ thời Lý, qua thời Trần đến thời Lê. Một số vật chứng như bao nung gốm, khuôn làm gạch, nhiều hiện vật phế phẩm bị méo hay bị dính... Có thể nói, lò quan sản xuất gốm ở Hoàng thành Thăng Long và có thể gọi là gốm Thăng Long, từ thời Lý (1010-1225) cho đến thời Lê (1427-1788). Gốm Thăng Long sản xuất để xây dựng kinh thành. Kinh thành Thăng Long không phải chỉ sử dụng vào

thời Lý mà còn kéo dài đến thời Trần, thời Lê, nên thời gian hoạt động của lò quan ở Thăng Long cũng kéo dài đến đó.

Bên cạnh gạch ngói xây dựng còn phải kể đến gạch trang trí như đã tìm thấy gạch hình rồng, đầu ngói ống dùng trang trí trên nóc, trên bờ nóc, gạch hoa văn nổi hình hoa sen, hoa cúc được lót nền, đường đi theo kiểu trải thảm ở những công trình kiến trúc quan trọng... Điều cần chú ý là những đầu ngói ống hết sức độc đáo của gốm Thăng Long. Phần tròn bên dưới của đầu ngói ống trang trí “viên long” (rồng cuộn tròn), hoa sen, hoa cúc; phần bên trên hình lá đề, bên trong trang trí “lưỡng long tranh châu” (hai con rồng tranh nhau một hạt ngọc quý). Thời Lý Trần là thời kỳ có sự kết hợp rất chặt chẽ tư tưởng Phật giáo và Nho giáo, có Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1279-1293) ... Vì thế, có sự phối hợp rất độc đáo thể hiện rồng (Nho) và lá đề, hoa sen (Phật) trên đầu ngói ống trang trí kinh thành thuộc loại đầu ngói ống độc nhất vô nhị trên thế giới.

Ở Hoàng thành Thăng Long còn tìm được gạch, đặc biệt là đầu rồng, đầu phụng có kích thước to để trang trí kiến trúc thời Lý - Trần. Nếu như những viên gạch của thời kỳ Đại La (thế kỷ VII-IX) hay gạch xây dựng trong Khu di tích thành nhà



Bát gốm Thăng Long thời Lý

Hồ (1400-1407) (Thanh Hóa) sau này, chủ yếu có màu xám, màu đỏ đậm với độ nung khá cao, cứng và khó chạm khắc, thì những hiện vật này đại bộ phận có màu đỏ tươi, chất liệu mịn, độ nung không cao, dễ gọt cắt, chạm khắc và không bị rong rêu, rất giống với gạch xây tháp và vật trang trí bằng đất nung trong các tháp Champa. Ở Hoàng thành Thăng Long còn tìm được một viên gạch có viết những dòng chữ Chăm trên cả hai mặt, lúc gạch còn ở dạng mộc... Điều đó chứng tỏ, kỹ thuật làm gạch và vật trang trí bằng đất nung ở Thăng Long đã ảnh hưởng kỹ thuật Champa. Có thể khẳng định sự có mặt của người thợ Champa trên Hoàng thành Thăng Long, không chỉ là thợ xây mà còn là người làm gạch ngói xây dựng thành Thăng Long [14].

Gốm Thăng Long sản xuất đồ ngự dụng và đồ sử dụng trong kinh thành. Khai quật Hoàng thành Thăng Long tìm được bát, đĩa gốm men xanh trắng vẽ rồng có 5 móng. Đó là một sự kiện quan trọng, bởi đây là lần đầu tiên tìm được gốm ngự dụng sản xuất trong Hoàng thành. Một số hiện vật gốm dưới đế có viết chữ “quan” (官) bằng màu nâu, hay trong lòng bát đĩa gốm men xanh trắng có viết chữ bằng men xanh “quan” thì nên hiểu đó là gốm lò quan (quan diêu), do triều đình sản xuất, chứ không phải là do các quan sử dụng vì trong xã hội phong kiến

người ta chỉ nói đến đồ ngự dụng. Một số loại sản phẩm chất lượng rất cao hay khá đặc biệt như “loại gốm men trắng, men ngọc đẹp và tinh xảo như đồ sứ thời Tống”, ấm/rượu quý tạo dáng hình nữ thần chim tiên, tháp gốm men nâu trắng to, gốm móng vô trùng,...có nhiều khả năng là đồ gốm ngự dụng sản xuất ở lò quan Thăng Long. Một số đồ gốm có viết bằng mực Tàu hay viết bằng men xanh chữ Hán “Trường Lạc” (長樂), “Trường Lạc khố” (長樂庫), “Trường Lạc cung” (長樂宮) thì đó là những loại gốm chuyên sử dụng ở cung Trường Lạc... Đó là loại gốm chỉ sử dụng trong kinh thành.

Gốm Thăng Long sản xuất đồ xuất khẩu

Trong những hiện vật gốm sứ được coi là độc bản tìm được ở tàu đắm Cù Lao Chàm (thế kỷ XV), có một chiếc đĩa đặc biệt nhất, loại gốm men xanh trắng, có miệng loe ngang, thành vát, lòng phẳng, đế thấp và rộng, đường kính miệng 37,7cm. Thành ngoài vẽ hình cánh sen kép [15]. Trong lòng, chính giữa vẽ rồng 4 móng trong vòng tròn kiểu “viên long”, vòng gần miệng vẽ đề tài “long vân” (rồng và mây) gồm hai rồng có 4 móng đuôi nhau kiểu “long truy”. Chiếc đĩa này rất giống với những chiếc đĩa, bát gốm men xanh trắng tìm được ở Hoàng thành Thăng Long, chỉ có khác là hình rồng tìm được trên đĩa, bát ở Thăng Long có 5 móng trong khi hình



Một viên ngói nơi điểm mái trang trí đề tài uyên ương.



Mẫu ngói rồng với hai lõi phủ men đặc trưng (màu lục) được khai quật ở di tích Hoàng thành Thăng Long.



Bát gốm
trang trí
chim phượng
thời Lê



Đĩa gốm
trang trí
chim phượng
thời Lê

rồng tìm được trên đĩa ở Cù Lao Chàm có 4 móng. Sự quý hiếm độc bản cùng với chất lượng vượt trội của loại hiện vật kiểu như thế này cho thấy, đây có thể là những món quà tặng của vua Đại Việt cho các thương nhân có mối bang giao rất mật thiết với Việt Nam chứ không phải là thứ hàng hóa thông thường. Ban tặng/thương cũng là một trong những chức năng của lò ngự dụng.

Gốm mỏng vỏ trứng men trắng và men xanh trắng, trước đây tìm được trên con tàu đắm Cù Lao Chàm và gần đây tìm được ở Hoàng thành Thăng Long, điển hình là chiếc bát men trắng in hoa văn rồng yên ngựa còn nguyên vẹn, là một trong những phát hiện quan trọng trong khai quật Hoàng thành Thăng Long, góp phần tạo nên những nhận thức mới về gốm Việt Nam. Trước đây, những nhà nghiên cứu thường cho rằng Việt Nam không thể làm gốm mỏng vỏ trứng mà

chỉ có ở Trung Quốc và vì thế người Trung Hoa rất tự hào gọi gốm loại này là “gốm mỏng vỏ trứng Trung Quốc”. Cái khó nhất để làm gốm mỏng vỏ trứng là phải có loại đất sét thật tốt để làm được xương gốm cực mỏng. Ở Trung Quốc có đất núi lửa Cao Lĩnh ở Cảnh Đức trấn (Giang Tây), loại đất cực tốt màu trắng, do núi lửa phun lên, chuyên dùng để sản xuất gốm. Ở Hoàng thành Thăng Long đã sản xuất gốm mỏng vỏ trứng, không chỉ sản xuất gốm ngự dụng mà còn cho xuất khẩu. Có thể những gốm mỏng vỏ trứng trên tàu đắm Cù Lao Chàm là một bằng chứng.

Có thể nói, gốm Thăng Long thuộc loại lò quan, sản xuất gốm ngự dụng và phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong triều đình, cho xây dựng kinh thành và cho xuất khẩu. Ngày nay, những nhà khoa học không chỉ biết gốm Bát Tràng mà còn biết đến gốm Chu Đậu và gốm Thăng Long, những dòng gốm



Nét sắc sảo, chi tiết của hoa văn lá đề trên diềm mái gốm kiến trúc thời Lý.



Đồ gốm
Hoàng cung
Thăng Long
thời Lê

mới tìm được trong dòng chảy của gốm Việt Nam. Trong đó nổi bật lên là gốm Thăng Long - đỉnh cao của gốm Việt Nam.

Ảnh: Nguyễn Đình

Chú thích:

*Th.S Nguyễn Thùy Dương - Khoa Công tác xã hội (ĐH Mở TP HCM).

[1] John S. Guy (1986), *Oriental trade ceramics in South - East Asia ninth to sixteenth centuries*, Singapore, OxfordUniversity press, p.106-108.

[2] Phạm Quốc Quân (1980), *Đào thám sát Quần Ngựa (Hà Nội) đợt II, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1979*, Viện Khảo cổ học - Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tr.227-229.

[3] Nguyễn Văn Đoàn, Đào Lê Quế Hương (2004), *Đồ gốm men trắng vân in ở tàu cổ Cù Lao Chàm lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Thông báo Khoa học , Hà Nội, tr.102-106.

[4] Bùi Minh Trí (2008), *Thử bàn về đồ gốm ngự dụng trong hoàng cung Thăng Long, Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng*

thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008) - Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế, Hà Nội, tr.150.

[5] Bùi Minh Trí (2008), *Sđđ*, tr.150.

[6] Bùi Minh Trí, Đỗ Đức Tuệ (2008), *Nhận thức mới về đồ sành tại di tích Hoàng thành Thăng Long, Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008)* - Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế, tr.159-165.

[7] Bùi Minh Trí (2008), *Sđđ*, tr.149-152.

[8] Bùi Minh Trí (2008), *Sđđ*, tr.152.

[9] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, tập một (tái bản lần thứ nhất)*, phiên dịch: Nguyễn Ngọc Tinh, hiệu đính: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, tr.687.

[10] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Sđđ*, tr.747.

[11] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Sđđ*, tr.781.

[12] Nguyễn Hữu Thông (1994), *Huế nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, Nxb. Thuận Hóa, tr.144-146.

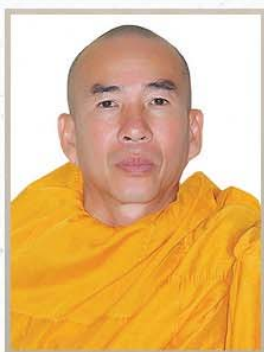
[13] Nguyễn Tiến Đông (2008), *Những yếu tố văn hóa Champa và vùng phụ cận, Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008)* - Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế, Hà Nội, tr.197.

[14] Nguyễn Đình Chiển (2000), *Sưu tập hiện vật độc bản tàu cổ Cù Lao Chàm (Quảng Nam)*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Thông báo Khoa học , Hà Nội, tr.33.

[15] Bùi Minh Trí (2008), *Sđđ*, tr.148.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hằng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn



PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**



Tư tưởng Phật tại tâm trong tác phẩm

“Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”

SC. Thích Nữ Diệu Tâm



Tư tưởng Phật tại tâm của Thiền phái Trúc Lâm gắn liền với hành trạng của vua Trần Thái Tông. Trải qua năm trăm năm sau, Thiền sư Hải Lượng tiếp nối và truyền thừa tư tưởng này trong tác phẩm “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”.

Tư tưởng Phật tại tâm được Thiền sư Hải Lượng cô đọng súc tích bằng những ví dụ thực tiễn và kế thừa tư tưởng Phật tại tâm từ kinh Hoa Nghiêm “Nhất thiết duy tâm tạo” [1], hay Thủ Lăng Nghiêm kinh trực chỉ đề cương “tội phúc do tâm, vui khổ do tâm, Niết bàn địa ngục do tâm” [2]. Như vậy tâm là căn bản, là cội nguồn của Bồ đề Niết bàn, đồng thời cũng là căn bản, là cội nguồn của luân hồi sanh tử. Vậy, tâm ở đâu trong mỗi con người? Đức Phật gạn hỏi tôn giả Anan về điều này và Ngài thưa rằng: “Tâm ở trong thân; tâm ở ngoài thân; tâm núp sau con mắt; nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong thân; sự suy nghĩ ở chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó; tâm ở chằng giữa; tâm là cái không dính dáng vào đâu cả” [3]. Sau hàng loạt câu trả lời về tâm của ngài Anan, trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng:

*“Tâm chẳng trụ nơi thân
Thân chẳng trụ nơi tâm” [4].*

Sau khi trình bày tư tưởng về tâm từ kinh Hoa Nghiêm cho đến kinh Thủ Lăng Nghiêm, Thiền sư Hải Huyền kết luận về cái tâm ở chương XIII Xu thanh: “Tâm là then chốt của muôn sự, có khép có mở, có thu lại, có buông ra” [5]. Mạnh Tử cho rằng “Tâm là phần chủ tể trong người ta” [6]. Hòa thượng Hải Âu nói “Tâm sinh thì ma sinh, tâm diệt thì ma diệt, đều từ cái tâm của con người tạo ra” [7]. Hòa thượng Hải Hòa viết “Phàm những người làm đồ đệ của Thích Ca thì thân theo giáo huấn của Phật là quan trọng hơn mặc theo y phục của Phật. Giáo huấn của Phật là gì? Xin nói rằng nó ở trong chữ Tâm” [8]. Vì thế tâm giác ngộ hay tâm vô minh đều nằm ở ngay chính tâm của con người chứ



Phần đông chúng sanh đều quen theo cách sống năng động, sôi nổi, đam mê vật chất, luôn chạy theo trần cảnh “hết thấy mọi người đều ở trong ngôi nhà cháy, vì bị khí ẩm câu thúc, bị vật dục che lấp, không bỏ được...”

không nằm ở đâu khác. Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm đã khẳng định “*Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch*” (Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm). Còn Thiền sư Hải Lượng cho rằng: “*Dĩ thị trang nghiêm cố, kỳ mục thậm thanh tịnh, phụ mẫu sở sinh nhân, tất kiến tam thiên giới, kỳ trung chư chúng sinh, nhất thiết giai tất kiến, tuy vị đắc thiên nhân, nhục nhân lực như thị*” [9] (Vì lấy đó trang nghiêm, nên mắt của ta rất thanh tịnh, mắt do cha mẹ sinh ra, nhìn rõ ba ngàn thế giới, tất cả các chúng sanh trong đó, đều nhìn thấy được hết thấy, dù chưa chứng được thiên nhân, mắt thường còn có năng lực như vậy). Như vậy, bản lai diện mục của ta đều thanh tịnh, sáng suốt, nhìn thấu mọi sự vật, vì bám bụi trần nên ta không nhìn được đó thôi.

Tư tưởng *Phật tại tâm* đã vượt qua chủ trương của Không Tử vì Nho giáo cho rằng “*Quân tử ư ý thiên*

mệnh” [10] (người quân tử sợ mệnh trời), tất cả mọi việc đều do trời. Thiền sư Hải Lượng đã khẳng định ý người là chủ đạo: “*Ý trời không chắc, ý người mới thật là chắc*” [11]. Trong lời tựa *Trúc Lâm đại chân viên giác thanh*, thiền sư đề cập giáo lý của Thích Ca, tuy nói “*hư không tịch diệt*”, “*nhưng điều cốt yếu nhất vẫn là làm sao trừ bỏ được mọi chướng lữ, hiểu rõ được chân như*” [12]. Theo Thiền sư, điều kiện đầu tiên để đạt hư không tịch diệt của Đức Phật, chúng sanh cần phải trừ bỏ mọi chướng lữ. Phần đông chúng sanh đều quen theo cách sống năng động, sôi nổi, đam mê vật chất, luôn chạy theo trần cảnh “*hết thấy mọi người đều ở trong ngôi nhà cháy, vì bị khí ẩm câu thúc, bị vật dục che lấp, không bỏ được tham lam, nên phần nhiều sa lầy trong tình ái trần ai*” [13]. Cho nên, dù rằng bị đánh, bị chửi họ cũng chưa chịu tỉnh dậy.



*“Dậy dậy dậy! Đánh mà chẳng dậy
Ngủ, ngủ, ngủ! Chửi mà vẫn ngủ” [14].*

Hay:

*“Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay
Lo lắng vội vàng, chẳng tỉnh chẳng ngộ” [15].*

Con người phàm lệ ai cũng ưa thích được sống tiện nghi, ăn ngon, mặc đẹp. Chính vì bị năm món dục quay cuồng, che mất tâm thanh tịnh nên chúng ta quên mất đường về. Đức Thế Tôn đã nói về điều này từ sớm *“Quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý tất cả hạnh là tịch tịnh”* [16]. Hòa thượng Hải Ấn cũng trích dẫn lời Kinh Thư để chứng minh bản tính của con người *“trời sinh ra con người đều có lòng ham muốn”*. Lại nói *“có ham muốn thì ham muốn tự lại cho”* như thế ham muốn vốn là tính tự nhiên, luôn luôn thể hiện ở hành động thường ngày, như đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống, không có không được [17]. Hòa thượng Hải Hòa: *“Con người ai cũng có cái lòng ấy, chỉ vì thả nó ra mà không biết thu nó*

về, buông nó ra mà không biết kìm nó lại. Do đó mà đi vào con đường xằng bậy, sa vào cái hố tội ác. Kẻ nào triền miên ân ái thì mãi mãi không tìm ra đường giải thoát; kẻ nào đắm đuối danh lợi thì đau đớn quần quai trong vòng nước sôi lửa bỏng, luôn sống trong cảnh phiền não âu lo, vô hình chung sa xuống địa ngục, vượt không khỏi, chạy không thoát” [18]. Chúng sanh tham lam, không hiểu biết đời là vô thường, đắm chìm trong danh lợi, dẫn đến hậu quả mãi trôi lăn trong vòng lục đạo không lối thoát.

Đức Phật nói với ngài Ananda rằng: *“Này Ananda, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu giáo lý Duyên khởi này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một tổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sinh tử”* [19]. Đức Phật đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến khổ đau cho nhân loại là tham dục, chấp ngã. Bởi thế muốn thoát ly mọi khổ đau, người ta cần diệt trừ tham dục, chấp ngã. Đức Phật dạy *“Này các Tỳ kheo! Hãy tu tập thiền định thì hiểu biết một cách như thật. Sắc tập khởi và sắc đoạn diệt, thọ tập khởi và thọ đoạn diệt, tưởng*



Thiền sư Hải Lượng đã khẳng định ý người là chủ đạo - “Ý trời không chắc, ý người mới thật là chắc”.

tập khởi và tướng đoạn diệt, hành tập khởi và hành đoạn diệt, thức tập khởi và thức đoạn diệt” [20]. Chỉ có thiền định mới phát sanh trí tuệ như kinh Pháp cú Đức Phật dạy:

*“Tu thiền trí huệ sanh
Bỏ thiền trí huệ diệt ...” [21].*

Khi trí huệ phát sanh, hành giả nhìn thấu được thực tướng vạn pháp. Khi đó chúng ta quán sát mọi sự vật, sự việc diễn ra một cách thuần túy khách quan, coi tiền tài, danh vọng, lão, bệnh, tử và hết thảy điều diễn ra một cách tự nhiên như nó đang là. Chúng ta không bám víu, không khổ đau, hãy để tâm đón nhận mọi sự việc diễn ra một cách tự nhiên không mong cầu, không tránh né, đừng cảm đối diện với những điều bất như ý. Có như thế thì tâm ta sẽ đạt đến cảnh giới an lành tự tại. Tất cả khổ, vui, mê, ngộ đều không nằm ngoài tâm, hết thảy đều do tâm chủ trì, trong kinh Pháp cú Đức Phật dạy:

*“Tâm dẫn đầu các pháp,
Tâm làm chủ, tâm tạo;
Nếu với tâm thanh tịnh,*

*Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình” [22].*

Do đây, ta cần phải nỗ lực cải tạo hành vi, quán tưởng mờ mang trí huệ, làm cho tâm trong sáng, gạt trừ mọi tư tưởng nhiễm ô, khi mắt thấy sắc đẹp không mê, tai nghe âm thanh êm dịu không đắm nhiễm, mũi nghe mùi thơm thức ăn hay mùi thơm từ những hương liệu không bị chi phối, lưỡi không đắm chìm trong món ăn ngon. Thân là da bọc xương, để duy trì sự sống không nên quá trau chuốt, ý không chạy theo cảnh trần. Điều này theo Thiền sư Hải Huyền thì rất khó buông bỏ được: *“Thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, cung thất đẹp, xe ngựa tốt, bề tôi giỏi, nô tỳ hay, là những thứ rất khó bỏ. Thường tình người ta đứng trước cảnh ấy chỉ sợ mất đi, hưởng hỏ lại đang tay mà bỏ đi hay sao? Thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, cuối cùng là những thứ vô vi, làm cho người ta mờ mắt, làm cho quay cuồng đủ mọi cách, tạo nên đủ loại hoàn cảnh, cho nên bỏ không được”.*

Để bỏ được những thứ ấy theo Hòa thượng Hải Âu thì chỉ có bậc Bồ Tát “đứng trước việc mà không bị

việc lôi kéo, đứng trước vật mà không bị vật khống chế, thì chỉ có các vị Bồ Tát “chân tính” mới có thể như thế được”. Thiền sư Hải Hòa cho chúng ta thấy chân dung một vị Bồ Tát người phàm, mắt thịt đã làm được điều mà thiên hạ hiếm ai làm được, đó là Điều Ngự Giác Hoàng: “Điều Ngự ở ngôi cao có vận cổ xe, hai bên chặt ních những phi tần, châu báu chất đầy trước mặt, rớt cuộc, lại coi lục cung như bụi bay, vứt bỏ thiên hạ như bỏ đôi giày nát, tuyệt nhiên không mảy may luyến tiếc”. Ngài là bậc trí tuệ, Ngài đã nắm bắt được của báu ngay chính tâm mình, với Ngài không gì quý hơn tâm tự tại, an nhàn “lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn cam” [26] (thanh nhàn hai chữ, đáng muôn đồng). Cho nên: “Bậc trí nhận biết giữ cái chân thật của mình. Cảnh sắc trí tuệ đã lắng xuống, tâm tư đã ổn định, cho nên, thấy tất cả việc đời, từ việc còn mắt đến việc hơn thua, mọi việc đều rạch ròi” [27].

Ngài là một tấm gương sáng điển hình ở nước ta, vị vua đã xem ngai vàng như đôi giày rách, vứt bỏ mà không thương tiếc trong khi đó ngai vàng biết bao người mơ ước, bao cuộc chiến tranh tàn khốc bị thương cũng vì nó. Tất cả đều nhờ áp dụng và thực hành giáo lý Phật đà cũng như sự tinh tấn tu tập mà vua Trần Nhân Tông đã hiển lộ giác ngộ giải thoát. Ngài là tượng trưng cho hoa sen, sống gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Cũng như sông Nhựt không cùng chảy về Đông như các sông khác, ngược lại chảy về Tây, hoa Cúc không cùng nở với trăm hoa vào mùa xuân mà lại nở vào mùa đông giá rét “Vạn thủy giai đông, Nhựt thủy tây; Cúc hoa bất dữ bách hoa tề” [28] (Vạn sông chảy về đông, riêng sông Nhựt chảy về tây; Hoa cúc không cùng với trăm hoa nở đây) hay hình ảnh Đức Phật “thả cái bát vàng xuống dòng sông, cái bát

chảy ngược dòng”. Tác giả mượn hình ảnh “sông Nhựt”, “hoa Cúc” nói lên hạnh của người xuất gia, người xuất gia luôn lợi ngược dòng nước, luôn đi ngược dòng đời, cần có sự nỗ lực phi thường để chống chọi lại những tập khí đời thường, đời sống ồn náo, người tu phải yên tĩnh, đời sống hường thụ, người tu sống “thiểu dục tri túc”. Mỗi ngày một chút, liên tục không gián đoạn, gột bỏ những tố chất nhiễm ô, có như vậy chúng ta mới tiến về chân như.

Để tâm đạt được trạng thái chân như, Thiền sư Hải Lượng đã lấy hai phạm trù “tịch diệt” (lặng lẽ) đối nghịch với “huyên” (ồn ào) ở chương X “Tịch nhiên vô thanh” để diễn tả tâm của chúng sanh. Thiền sư cho rằng tính ồn ào là con người thường hằng, chỉ cho tâm ở trạng thái tâm trạo cử. Còn tính trời là vắng bật mọi ý niệm, nghĩa là tâm chân như và điều kiện để đạt đến tịch diệt khi và chỉ khi con người ta làm chủ được tâm, nhiếp phục tâm luôn ở trạng thái chánh niệm. Có được như vậy thì bản thể chân như mới hiển bày: “Phật thuyết tịch diệt, phi phù tịch diệt chi vị dã. Tịch dữ huyên đối, diệt dữ khởi đối, năng diệt nhân chi tính, tiện khởi thiên chi tính. Đại đồ thiên tính tối nan khởi, nhân tính tối nan diệt. Diệt đắc nhân tính, tiện chi vạn cam câu tịch, nhất chân tự như” [29] (Phật nói “tịch diệt”, không

chỉ để nói về “tịch diệt” vậy. Tịch (lặng lẽ) đối lập với huyên (ồn ào), diệt (dập đi) đối lập với khởi (dậy lên). Nếu biết dập tính người, thì có thể khơi dậy tính trời. Đại phẩm tính trời rất khó khơi dậy, tính người rất khó dập đi. Dập được tính người thì muôn cảm đều lặng, chỉ còn một cái chân như). Như vậy, trong mỗi người vừa có cái tịch diệt vừa có cái ồn ào. Ôn ào là không thanh tịnh, trạng thái tâm lăng xăng, lao xao luôn chạy theo hoàn cảnh, chỉ tập khí phiền não, vô minh đưa



chúng sanh đi vào tính người, là nguyên nhân của luân hồi. Ngược lại phát triển tịch diệt đưa chúng sanh vào tính trời. “*Tịch*” là trạng thái chẳng khởi suy nghĩ lặng lẽ đến tột cùng, tâm an tịnh, theo vua Trần Thái Tông “*niệm tức là trần, chẳng dung một điểm*” [30] đó là tịch. Một khi tâm ta đạt đến trạng thái vắng lặng, mọi sự việc diễn ra quanh ta đều không bị giao động, chỉ còn cái tâm chân như cho dù “*Chung cổ tại tiền, nhi nhĩ bất vi loạn. Ý la tại tiền nhi mục bất vi huyễn. Thiên bình vạn mã tại tiền nhi tâm bất vi động. Phù thi chi vị tịch*” [31] (Chuông trống ở đằng trước mà tai không bị loạn, gắm vóc ở đằng trước mà mắt không bị lóa. Thiên bình vạn mã ở đằng trước mà tâm không bị động. Như vậy mới gọi là tịch). Người tu hành không phải là vô tri vô giác trước sự vật, sự việc. Vẫn thấy, vẫn nghe nhưng tâm không vướng mắc, các Thiền sư đời Lý - Trần là những vị cảm nhận cái đẹp sâu sắc nhất, tinh tế nhất, hòa nhập vào cái đẹp một cách tuyệt vời nhất. Nhưng quý Ngài chỉ mượn cảnh để giác ngộ, mượn đời để tu hành, dù rằng thân ở thành đô, nhưng tâm vẫn hướng về rừng núi: “*Mình ngồi thành thị, nét dựng sơn lâm*” [32].

Ngược lại nếu không có những chuông trống, hay gắm vóc đánh động vào tâm mỗi hành giả thì chúng ta đâu biết được tâm mình có được lặng yên chưa? “*không có chuông trống, không có gắm vóc, không có bình mã thì tại mắt tâm không hề cảm nhận được ... không loạn không lóa không dao động như thế thì không lặng lẽ vậy*”. Cũng giống như không có bóng tối thì sao biết được ánh sáng, không có ham muốn thì làm sao biết được buông bỏ, không đói làm sao biết được cảm giác no như thế nào.... Ở đây ý là muốn đạt được tính trời thì phải qua tính người. Giống như hoa sen chỉ ở trong bùn mới toát lên được vẻ thanh thoát của mình. Con người muốn thấy bản thể chân như của mình thì phải sống giữa cuộc đời bụi bặm, có va chạm thì con người mới biết tâm mình như thế nào. Vì vậy Giác Hoàng sai cung nữ thử Huyền Quang chẳng qua cũng để làm cho cái tịch của ngài Huyền Quang được nâng cao bởi chính ngài Huyền Quang đã đạt được “*Tịch nhiên vô thanh*”. Một Thiền sư trả lời thiền sinh câu hỏi “*đạo là gì?*” đó là phải lăn lộn trong đồng phân trâu thì mới hiểu thế nào là thanh tịnh pháp thân “*Nếu nước không ở trong dòng nước, hoa không ở trong khóm hoa, thì làm sao có thể trỗi lên khác hẳn với mọi vật?*” [33]. Và con người cũng vậy, muốn

tu thành Phật phải lăn lộn giữa cõi đời trần tục, đây là cách Thiền phái Trúc Lâm đã đề xướng và Thiền sư Hải Lượng tiếp nối.

Tóm lại, tư tưởng *Phật tại tâm* được Thiền sư Hải Lượng và các vị đạo hữu của mình đã lột tả hết những mấu chốt trọng yếu của người học Phật nằm ngay chính tâm mỗi người. Như vậy “*Tâm*” là chìa khóa vạn năng mở ra cho hành giả một chân trời mới, một chân trời cao rộng, đầy an lạc, đầy năng lượng, đầy lòng yêu thương đối với cuộc sống. Mỗi người tuy không chọn được nơi sinh ra nhưng hoàn toàn có thể chọn được cho mình một phương cách sống tốt đẹp nhất.

Chú thích:

- [1] HT Thích Trí Tịnh dịch (2007), *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* (tập 1), Nxb Tôn giáo, tr.662.
- [2] HT Thích Từ Thông, *Thủ Lăng nghiêm kinh trực chỉ đề cương* (tập 1), Lưu hành nội bộ, tr.20.
- [3] HT Thích Từ Thông, Sdd, tr.19-33.
- [4] HT Thích Trí Tịnh dịch (2007), Sdd, tr.662.
- [5] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), *Ngô Thi Nhậm toàn tập* (tập V), Nxb Khoa học xã hội, tr.281.
- [6] Trần Trọng Kim (2003), *Nho giáo*, Nxb Văn học, tr.185.
- [7] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.129.
- [8] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.321.
- [9] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.347.
- [10] Trần Trọng Kim (2003), Sdd, tr.59.
- [11] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.350.
- [12] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.37.
- [13] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.209.
- [14] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.126.
- [15] Thích Thanh Kiểm dịch (2003), *Khóa hư lục*, Nxb Tôn giáo, tr.13.
- [16] *Kinh Trường Bộ I, Kinh Đại Bản*, tr.484.
- [17] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.129.
- [18] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.213.
- [19] *Kinh Trường Bộ III, kinh Đại Duyên*, tr.56.
- [20] *Kinh Tương Ưng Bộ III*.
- [21] HT Thích Minh Châu, *Kinh Pháp cú*, kệ 282.
- [22] HT Thích Minh Châu, *Kinh pháp cú*, kệ 01.
- [23] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.259.
- [24], [25] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.129.
- [26] Viện văn học (1988), *Thơ văn Lý Trần* (tập 2), Nxb Khoa học xã hội, tr.535.
- [27] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.192.
- [28] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.125.
- [29] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.245.
- [30] Thích Thanh Kiểm dịch (2003), Sdd, tr.50.
- [31] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.245.
- [32] Viện văn học (1988), *Thơ văn Lý Trần* (tập 2), Nxb Khoa học xã hội, tr.505.
- [33] Viện nghiên cứu Hán Nôm (2003), Sdd, tr.128.



“Hạnh phúc sẽ tự nhiên đơm hoa kết trái
khi bạn biết sống vì người khác”.



Khi tình thương có mặt

ĐD. Thích Không Tú*

Đời sống con người trong xã hội hiện đại luôn đề cao giá trị vật chất và chạy theo sự thỏa mãn giác quan, thiếu sự gắn kết. Hậu quả của nó là sự suy thoái đạo đức. Con người trở nên vô cảm, thiếu niềm tin vào cuộc sống. Các giá trị chuẩn mực cũng trở nên mai một. Trong bối cảnh đó, để giữ cho xã hội cân bằng, phát triển bền vững thì không có câu trả lời nào khác ngoài con đường xây dựng các định chế xã hội như chủ trương, chính sách hợp thời, hợp lý, khơi dậy các giá trị đạo đức, nhân văn, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong bài này, chúng ta sẽ tập trung tìm hiểu về tình thương và giá trị của nó trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Sẽ có người bảo rằng, nhịp sống của xã hội rất nhanh, con người luôn quay cuồng với kim tiền, danh lợi, hơn thua, được mất ít ai nhớ nghĩ đến hai chữ “tình thương”. Thậm chí với một số người tình thương trong cuộc sống đang dần trở thành một món quà xa xỉ mà ít ai dám trao tặng cho người khác. Nhưng kỳ thật, sức mạnh của tình thương lại vượt lên trên sự suy lường của lí trí. Hãy sử dụng tình thương để

thấu hiểu bản thân mình, thấu hiểu những người xung quanh; từ đó có thể chia sẻ, tìm ra giải pháp là điều không gì tuyệt vời hơn, giúp cuộc sống nhẹ nhàng, an vui và hạnh phúc. Chúng tôi tin rằng, nếu phải lựa chọn, người ta sẽ chọn hạnh phúc đến từ tình thương hơn là hạnh phúc đến từ kim tiền, vật chất.

Biết thương yêu và được yêu thương, đó là điều mọi người luôn luôn mong muốn. Thật hạnh phúc khi chúng ta được đón nhận tình cảm yêu thương từ người khác. Và còn hạnh phúc hơn khi bản thân có thể san sẻ tình thương tới mọi người, “Cho đi là nhận lại”. Một cuộc hôn nhân, một mối quan hệ trong tổ chức, một sự gắn kết trong xã hội sẽ đổ vỡ, kém bền vững nếu thiếu đi tình thương. Nhờ tình thương mà thiết lập được niềm tin, nhận ra lẽ sống, nhìn thấy cái đẹp, cảm nhận những điều tích cực xung quanh, “Hạnh phúc sẽ tự nhiên đơm hoa kết trái khi bạn biết sống vì người khác”.

Tuy nhiên, tình thương không nằm ở lời nói suôn mà được biểu hiện ở hành động thiết thực. Tình thương vốn là tình cảm vô

PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

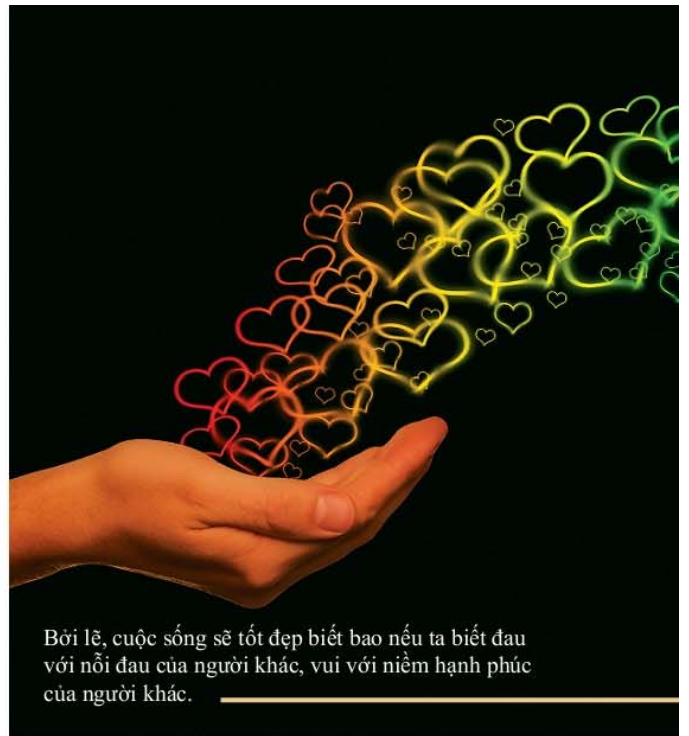
cùng đẹp đẽ của con người cả về hành động, lời nói lẫn tâm hồn. Nó được biểu hiện qua sự *đồng cảm, tin tưởng, giúp đỡ và gắn kết* giữa con người với nhau. Nói cách khác, khi ta thương ai đó là lúc ta không so đo, sân si, ganh ghét, ghen tị hay lên mặt tự cao, huênh hoang mà ngược lại mong muốn đem lại hạnh phúc cho họ. Tình yêu thương giúp con người trở nên khả ái, vui vẻ. Một con người biết yêu thương chính là người có nhân cách đẹp và luôn hướng đến những thứ thuần thiện, hoàn mỹ nhất.

KHI TÌNH THƯƠNG CÓ MẶT LÀ CÓ SỰ ĐỒNG CẢM

Sống trên đời, mỗi người đều có một hoàn cảnh, một số phận khác nhau nên tính cách và suy nghĩ cũng chẳng mấy khi tương đồng. Vậy mà, nhiều khi chúng ta lại cho rằng mình đúng, mình hơn người, dễ rồi chỉ trích, buông lời chê bai thay vì nói những lời tán dương, khen ngợi. Có thể điều đó sẽ giúp ta cảm thấy mình giỏi hơn người khác, ở vị trí cao hơn họ. Nhưng rồi theo thời gian, ta ngày càng trở nên ích kỷ, hẹp hòi và những người thân quen lần lượt xa lánh, bỏ đi, một cảm giác cô đơn, hiu quạnh.

Khoa học đã chứng minh, khi con người bị la mắng, trừng phạt hoặc gặp trường hợp nguy khốn bất ngờ, cơ thể ngay lập tức tiết ra hóc môn Adrenaline như một cơ chế phản vệ tự nhiên. Bên cạnh mặt tích cực, chúng còn khiến cảm xúc bị xáo trộn, dẫn đến sự bất bình và phản kháng trong nội tâm trở dậy. Nếu tình trạng này diễn ra thường xuyên và kéo dài, họ sẽ trở nên bất trị, chống đối và có xu hướng rời bỏ những ai đem lại cảm xúc tiêu cực cho mình.

Ngược lại, khi tình thương có mặt trong các mối quan hệ gia đình hay xã hội, thay vì trách mắng, chê bai, phán xét... chúng ta sẽ cư xử một cách thấu hiểu, đồng cảm. Đồng cảm, đặt mình vào hoàn cảnh người khác, cố gắng cảm nhận cảm xúc của họ, hãy vui với niềm vui và buồn cùng nỗi buồn của họ. “Hãy tự đặt mình vào hoàn cảnh của một ai đó” hoặc “hãy xem xét vấn đề dưới góc nhìn của người khác”... Nhờ có tình thương, chúng ta có sự đồng cảm và nhờ có đồng cảm chúng ta biết sống vì người khác, dễ dàng lắng nghe và thoải mái chia sẻ ý kiến, bày tỏ quan



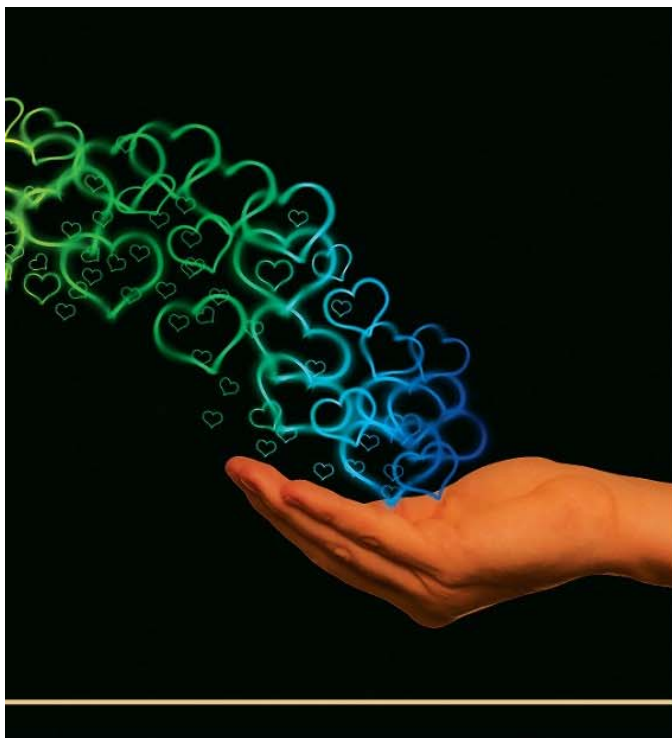
Bởi lẽ, cuộc sống sẽ tốt đẹp biết bao nếu ta biết đau với nỗi đau của người khác, vui với niềm hạnh phúc của người khác.

diêm với nhau. Có thể nói, nếu ai cũng biết học cách sống đồng cảm, trái đất này chính là “thiên đường” trần gian.

KHI TÌNH THƯƠNG CÓ MẶT LÀ CÓ SỰ TIN TƯỞNG

Trong mỗi quan hệ giữa người với người, chắc chắn người ta không thể sống, làm việc chung với nhau nếu không tin tưởng lẫn nhau. Tất cả đều phải dựa trên sự tin cậy để giao lưu, học hỏi, làm ăn, buôn bán, chung sống với nhau. Theo từ điển Oxford thì “trust” (lòng tin, sự tin tưởng) là *tin rằng người nào đó hay cái gì đó là tốt, thành thật, tử tế... và người đó hay cái gì đó sẽ không làm hại mình hay đánh lừa mình*. Điều này chỉ xuất hiện khi tình thương có mặt. Bởi chỉ khi xuất phát từ tình thương dành cho một ai đó hay một tập thể, một tổ chức thì con người ta mới dễ dàng vượt lên trên sự ích kỷ, lợi ích cá nhân để sống hết lòng vì nhau. Tình thương tạo sức mạnh tinh thần to lớn để chúng ta đánh bật những vị kỷ, hoài nghi, sợ hãi, tiếp tục hướng đến việc xây dựng, duy trì các mối quan hệ bền vững. Có thể nói, nếu tình thương là ngọn lửa giữ cho các mối quan hệ luôn ấm nóng thì sự tin tưởng chính là chất keo kết dính cho các mối quan hệ trên chặng đường đầy biến động.

Ngoài ra, dựa trên tình thương mạnh mẽ, con người ta có niềm tin để biến điều tưởng như không thể thành có thể, bình thường thành phi thường và ngược lại khi tình thương bị giới hạn,



KHI TÌNH THƯƠNG CÓ MẶT LÀ CÓ SỰ GẮN KẾT

Quá trình hội nhập, hiện đại hoá đất nước đang tạo ra những điều kiện, cơ hội thuận lợi để phát triển, đồng thời cũng tiềm ẩn những nguy cơ, sự xung đột ngoài ý muốn. Những tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, sự xuống cấp đạo đức, rạn nứt các mối quan hệ, đánh mất các truyền thống tốt đẹp, sự vô cảm của xã hội,... liên tục gióng lên hồi chuông cảnh báo. Thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 ta có thể kết nối được với cả thế giới nhưng dường như lại mất dần kết nối với chính những người thân bên cạnh mình. Vì thế, thắt chặt sự yêu thương gắn kết không chỉ trong gia đình mà trong toàn xã hội trở thành sự cấp thiết hơn bao giờ hết.

nó có thể hủy hoại tất cả mọi niềm tin ở con người ngay cả những người gần gũi với mình nhất. Thử nghĩ xem, phải chăng chúng ta quá dễ dàng để tin người mình yêu thương, nhưng nếu luôn trong tâm thế cho rằng đối phương sẽ lừa dối mình, liệu con người ta có chọn bắt đầu hoặc tiếp tục tình yêu thương với người ấy?

KHI TÌNH THƯƠNG CÓ MẶT LÀ CÓ SỰ CHIA SẺ, GIÚP ĐỠ

Không có hạnh phúc nào lớn hơn sự chia sẻ. Chia sẻ là cho đi, là quan tâm hay giúp đỡ người khác về vật chất hoặc tinh thần giúp họ vượt qua khó khăn, hoạn nạn. Dựa trên nền tảng chia sẻ, giúp đỡ mà mối quan hệ giữa người với người ngày càng thân thiện. Nếu không có tình thương, người ta rất khó có thể chia sẻ hay giúp đỡ người khác, khi trái tim tràn ngập tình thương, chúng ta sẽ có đầy đủ dũng khí để biến nó thành hành động thực tế một cách vô điều kiện. Đó là lý do tình thương thường song hành với sự chia sẻ, giúp đỡ. Món quà của tình thương không nhất thiết đề cao vật chất mà đôi khi chỉ đơn giản là lời động viên, là cái nhìn đầy thiện cảm, một lời cảm ơn chân thành... Bao nhiêu đó cũng đủ làm ấm lòng người nhận, thể hiện được sự đồng cảm, gắn bó và thấu hiểu nhau. Thế nên, nếu muốn trải rộng trái tim mình đến với mọi người để tình thương ngày càng bao dung, bạn hãy thử nhìn cuộc sống xung quanh, nghĩ về những hoàn cảnh khó khăn, những người yếu thế và tự hỏi mình có thể làm gì để giúp đỡ họ? Biết đâu khi trả lời câu hỏi ấy, bạn sẽ tìm được niềm vui chân thật cho chính mình.

Mức độ gắn kết giữa người với người tỷ lệ thuận với mức độ tình cảm mà họ dành cho nhau. Tình thương càng sâu mức độ gắn kết càng cao. Nếu không có sự gắn kết, con người chỉ đến với nhau chỉ vì lợi ích cá nhân và sẽ sớm rời đi khi nhu cầu không còn được đáp ứng. Vì thế, khi muốn gắn kết với ai đó, bạn hãy dùng ngay bày tỏ tình thương với họ bằng cách quan tâm, tôn trọng, khen ngợi và ghi nhận những đức tính tốt đẹp nơi họ. Hãy nhớ, sự thờ ơ sẽ nhanh chóng giết chết một mối quan hệ tốt đẹp trong thời gian ngắn nhất. Chỉ cần một nụ cười, một câu quan tâm, một sự tinh ý đều có thể tạo ra cảm xúc tích cực, khơi dậy tình thương nơi những người xung quanh, từ đó gắn kết mọi người lại với nhau, cũng như gắn kết cá nhân với tổ chức. Cũng cần lưu ý rằng, chỉ có thể qua thực tiễn giao tiếp và làm việc với nhau, cùng chia sẻ và có những trải nghiệm chung thì con người mới thực sự thấu hiểu, tin tưởng và gắn kết lẫn nhau.

Trên đây là 4 giá trị căn bản trong vô vàn giá trị tuyệt vời mà tình thương mang lại cho con người khi được khơi dậy và nuôi dưỡng. Cho dù bạn là ai, ở bất kỳ nơi đâu, làm bất kỳ việc gì, khi nhắc đến tình yêu thương bạn cũng đều cảm thấy hạnh phúc. Song, nếu dừng lại ở tình thương theo đối đãi thế gian thì vẫn còn nhiều hạn chế, bởi từ trong sâu thẳm của tâm thức xét ra vẫn bị chi phối bởi sự vị kỷ, có mục đích vì mình. Là người học Phật, chúng ta phải tiến thêm một bước nữa, đó là thực tập tình thương đặt trên nền tảng Từ bi.



Biết thương yêu và được yêu thương, đó là điều mọi người luôn luôn mong muốn. Thật hạnh phúc khi chúng ta được đón nhận tình cảm yêu thương từ người khác. Và còn hạnh phúc hơn khi bản thân có thể san sẻ tình thương tới mọi người. *Nguồn: phatgiao.org.vn*

Tình thương theo quan điểm Phật giáo là một thứ tình cảm vô điều kiện xuất phát từ tâm vì người mà mở rộng tấm lòng, được biểu hiện nhẹ nhàng qua sự quan tâm, triu mến, sự chăm sóc... sẵn sàng cho đi nhưng không đòi hỏi phải được nhận lại. Bằng chánh niệm, tình thức người ta luôn hiểu được giá trị của những người xung quanh, nhờ đó mà yêu thương và quan tâm hết lòng. Sở dĩ có được tình thương yêu to lớn như vậy vì tình thương này được đặt trên nền tảng tâm Từ bi của Đạo Phật.

Từ có nghĩa là ban cho sự vui, thể hiện lòng khoan dung độ lượng; *Bi* là cứu giúp cho hết khổ, thể hiện sự đồng cảm, thương xót. Như vậy, tình thương trong Đạo Phật không chỉ dừng lại ở việc đem niềm vui đến cho người, cho muôn loài mà còn chủ trương giải thoát con người, muôn loài ra khỏi đau khổ (tội hậu là cái khổ luân hồi). Tình thương ấy là kết tinh của ba nhân tố: *vị tha, bình đẳng, không phân biệt ân/oán hay thân/sơ*.

Bản chất của tình thương chân chính vốn không đối đãi, nghĩa là không phân biệt đối tượng mà ta ban trải tình thương, hề con tim rung động là tấm lòng liền rộng mở. Nó cao thượng, vị tha, không phân biệt thân sơ, không mong đền đáp. Tình thương cho đi chỉ sẽ được hân hoan khi nhìn thấy niềm vui hạnh phúc sáng ngời trong ánh mắt người nhận với ước mong cho họ mọi điều tốt lành. Đó chính là ý nghĩa của một tình thương vị tha và không

phân biệt thân sơ. Đức Phật chỉ ra rằng: “*Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính*” (tất cả chúng sinh đều có Phật tính) và “*Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn. Tình thương là sợi dây nối liền người với người*”. Điều này có nghĩa dùng tâm bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sinh, nuôi dưỡng và thể hiện tình thương là yêu cầu đầu tiên của những người sống và tu tập theo giáo lý của Đạo Phật.

Ngoài ra, trong Đạo Phật còn có một tình thương yêu vô bờ bến. Đó chính là mong muốn cứu khổ hết thảy chúng sanh, cũng là đức hạnh cao quý của những bậc giác ngộ đã thể hiện. Nếu đọc qua lịch sử Đức Phật, chúng ta sẽ bắt gặp tình thương của Ngài vô cùng bao la rộng lớn, Ngài đối xử bình đẳng với tất cả mọi người, không phân biệt thân sơ, thù bạn, từ vua chúa, vương phi đến người gánh phân, trẻ mục đồng. Ngay cả kẻ sát nhân Angulimala hay kỹ nữ Ambapali cũng được Ngài giáo hóa và thành tựu công hạnh như các đại đệ tử khác.

“*Hãy nghĩ đến người khác trước khi nghĩ đến mình, thì hết thảy khúc mắc trên đời đều được hoá giải bằng tình thương*”. Tình thương có thể là giải pháp tuyệt vời cho tất cả những khó khăn, bế tắc, trặc trặc và khổ đau của con người trong các mối quan hệ. Khi tình thương có mặt, chính bản thân chúng ta cảm thấy hạnh phúc và mọi người xung quanh cũng an vui, phấn khởi. Vì thế, hãy đối xử với mọi người như đối xử với chính mình và không ngừng chăm sóc hạt giống thương yêu trong tâm hồn mỗi ngày, làm nó lớn mạnh. Cuộc đời mỗi người là một hành trình để chúng ta có thể từng bước, từng bước chiêm nghiệm các giá trị, tạo lập hạnh phúc và lưu lại những “*di sản*”. Tình thương rất quan trọng, rất cần thiết cho sự sống mỗi người trên cuộc đời này. Đừng ngần ngại lan tỏa yêu thương khiến mỗi phút giây, mỗi hành động đều trở nên ý nghĩa. Đặc biệt là hàng Phật tử, bước theo dấu chân Phật, chúng ta hãy thể nghiệm giáo pháp *từ bi* nhằm tịnh hóa thân tâm; từ đó lưu xuất tình thương đến với mọi người trong gia đình, xã hội, rộng ra cho đến muôn loài chúng sanh, cống hiến cho đời niềm an vui, hạnh phúc, trên tinh thần tốt đạo đẹp đời.

* ĐĐ. TS Thích Không Tú.



Phật giáo Theravada Thái Lan.
(Nguồn: thuvienhoasen.org)

ĐẠO PHẬT TRÊN HÀNH TRÌNH lịch sử thế giới và dân tộc

Nguyễn Cẩn

ĐẠO PHẬT TRÊN HÀNH TRÌNH THẾ GIỚI

Người ta có nhiều cách phân kỳ lịch sử Phật giáo trên thế giới. Theo Edward Conze trong “A short history of Buddhism” thì có thể tạm chia lịch sử Phật giáo làm bốn giai đoạn: Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ Phật giáo nguyên thủy, phần lớn trùng khớp với giai đoạn sau này được gọi là Tiểu thừa (Hinayana); thời kỳ thứ hai đánh dấu bởi sự phát triển của giáo lý Đại thừa (Mahayana); thời kỳ thứ ba là sự phát triển của Mật tông (Tantra) và Thiền tông (Ch’an hay Zen), thời kỳ này kéo dài đến thế kỷ XI [1]. Khoảng 1000 năm gần đây có thể được xem là thời kỳ thứ tư.

Các học giả đã tranh luận về tính chất tâm lý, triết lý của từng thời kỳ. Ví dụ thời kỳ đầu tập trung nhiều vào tâm lý cá nhân, trong khi thời kỳ thứ hai đặt ra những vấn đề về bản chất sự hiện hữu và thời kỳ thứ ba là các vấn đề rộng hơn như mối tương quan với vũ trụ. Phương thức tu tập ban đầu là nhiếp phục tâm mình, phân tích tâm lý nhằm đạt đến sự chế ngự tâm. Thời kỳ thứ hai nghiên cứu về tự tánh, sự nhận thức của tâm về tự tánh của vạn hữu được xem là yếu tố quyết định để đạt đến sự giải thoát. Thời kỳ thứ ba là điều chỉnh tự thân cho hài hòa với vũ trụ, xem đó là đầu mối dẫn dắt đến giác ngộ.

Quan niệm đào luyện con người cũng khác biệt. Thời kỳ đầu lý tưởng là A-la-hán (Arhat), nghĩa là các bậc dứt trừ ái nhiễm, mọi dục vọng đều dứt sạch, không còn tái sinh trong cõi luân hồi. Thời kỳ thứ hai lý tưởng là Bồ-tát (Bodhisattva), người phát nguyện cứu độ toàn thể sinh linh và tin tưởng mình có thể trở thành một vị Phật. Thời kỳ thứ ba là Tất-đạt (Siddha), người đạt đến sự hòa hợp hoàn toàn với vũ trụ, không còn bất kỳ giới hạn nào và hoàn toàn tự tại trong việc vận dụng những năng lực vũ trụ trong tự thân cũng như đối với ngoại cảnh.

Về mặt địa lý, ban đầu Phật giáo chỉ phát triển ở Ấn Độ và một số nước Nam Á nhưng sau đó phát triển rực rỡ ở Trung Hoa, Nhật Bản, Tích Lan và cả Việt Nam. Chúng ta thường nghe một số người nói Phật giáo sẽ suy tàn sau 2500 năm, lại có người dự báo là ngọn lửa tâm linh sẽ lui dần đến chỗ tắt hẳn. Dù lịch sử Phật giáo có những pháp nạn lớn lao, như Đạo Phật bị ngoại tộc tàn sát, hủy diệt ở Ấn Độ, hay đối diện với những chính sách hà khắc, áp bức tôn giáo ở một số nơi nhưng Phật giáo vẫn tồn tại, sau mỗi trận phong ba lại mạnh hơn, phát triển nhanh hơn. Ngày nay, Phật giáo lan tỏa sang châu Âu, châu Mỹ, được tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ ủng hộ nhiệt thành. Khởi đầu với Schopenhauer, một triết gia Đức, người đã tạo ảnh hưởng lên Richard Wagner (nhà soạn nhạc), cả Henri Berson (triết gia Pháp). Sau đó rất nhiều tài năng sáng tạo khác ở phương Tây gần đây có Karl Jaspers (triết gia Đức), Ludwig Wittgenstein (Triết gia Anh gốc Áo) và phải kể Martin Heidegger (triết gia Đức)... các nghệ sĩ Mỹ như ngôi sao truyền hình Oprah Winfrey, nam tài tử Richard Gere hay cả một số chính trị gia ít nhiều đều tin theo triết lý Phật giáo, hoặc chịu ảnh hưởng của Phật giáo trong việc ăn chay, tọa thiền.

E. Conze viết: *"Từ đỉnh cao triết lý, thấp dần xuống triền núi học thuật và bây giờ chúng ta xuôi ngược miền đồng bằng với Phật giáo như một tôn giáo phổ cập cho mọi người. Các tổ chức Phật giáo đã hình thành 80 năm qua, chủ yếu là ở các nước theo Tin Lành. Ở đó họ thành lập một trong những chi phái nhỏ hơn không theo tôn giáo chính. Họ cố vượt qua lòng bác ái [...] với tâm từ bi của Phật vốn ôn hòa hơn"*. Xu thế nở rộ một thời nghiên cứu Zen với những ấn bản Thiền luận của Suzuki, hay gần đây là sách của thiền sư Nhất Hạnh được phổ biến rộng khắp châu Âu và Mỹ. Những tác phẩm như Buddha's Heart hay Anger trở thành best-seller một thời gian.

Phật giáo đã đi vào cuộc sống phương Tây. Một số tín đồ trở thành "double belonging" nghĩa là theo hai tôn giáo một lúc như ở châu Âu, hoặc trở thành "Phật tử tùy chọn" (buffet buddhist) như trên đất Mỹ. Họ tập trung học tập triết lý Phật giáo, chưa quy y, thậm chí chưa thờ Phật. Họ theo Phật pháp hành thiền, giải tỏa stress thay vì trị liệu rối loạn tâm thần bằng thuốc men. Từ đó họ thành lập các cộng đồng chuyên sâu tập thờ và học Phật pháp trên đất Mỹ từ thủ đô Washington DC đến bang Texas...



Bức ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu của PV Malcolm Browne đã giành Giải thưởng Ảnh báo chí thế giới năm 1963 - Ngọn lửa Hòa Thượng Thích Quảng Đức thắp lên sáng mãi trong Phật giáo nước ta.

Theo Thượng tọa Nyanatiloka Maha Thera [2] ở Tích Lan (Sri Lanka), khoảng vài ba mươi năm trước đây, người ta còn xem Đạo Phật như một tôn giáo đầy màu sắc thần bí lẫn mê tín dị đoan và không ai tin rằng Phật giáo sẽ có thể đóng một vai trò quan trọng trong sự hướng dẫn đời sống tinh thần cho các dân tộc phương Tây như hiện nay. Thật chưa có tôn giáo nào xác nhận tinh thần là động lực chính giúp con người vươn đến cõi toàn thiện và trái lại giải đãi (biếng nhác) là nguyên nhân khiến con người phải sa đọa khổ đau như Đức Phật đã dạy: *“Tinh tấn là đường dẫn đến Niết Bàn, giải đãi và trì hoãn là đường về sanh tử”*. Có thể nói, bằng ngôn

ngữ và trí huệ của mình Đức Phật đã hoàng dương chánh pháp suốt 25 thế kỷ.

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG DÒNG LỊCH SỬ

Phật giáo Việt Nam không đứng ngoài con đường của Người khi giáo pháp ban đầu đã đến các nền văn minh lúa nước. Việt Nam tiếp thu cả hai dòng chảy của Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa. Theo Thiền Uyển Tập Anh thì Phật giáo được truyền vào nước ta trực tiếp từ Ấn Độ, trước cả Trung Quốc.

Giáo sư Lê Mạnh Thát nhận định trong Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1, rằng Chử Đồng Tử là người Phật tử Việt Nam đầu tiên liên hệ

và học Phật pháp trực tiếp qua người thầy Ấn Độ là nhà sư Phật Quang tại núi Quỳnh Viên (Cửa Sốt, Hà Tĩnh ngày nay). Niên đại của Chử Đồng Tử khoảng thế kỷ II-III TCN. Dù là bắt nguồn hay bắt đầu từ đâu đi nữa, Phật giáo Việt Nam đã tự tạo cho mình một chỗ đứng, một địa vị thù thắng trong lịch sử giữ nước và dựng nước, luôn sáng ngời trong lòng dân tộc. Phật giáo không chỉ đồng hành cùng dân tộc trong suốt chặng đường mà còn in bóng trong những câu ca dao lưu truyền ngàn đời, những câu truyện cổ, sắc thái Phật giáo bằng bạc thấm đẫm mang tính nhân quả:

*“Ở hiền thì lại gặp lành
Ở ác gặp dữ tan tành ra tro”*.

Trong những truyện kể dân gian như: Tấm Cám, Quan Âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Truyền Kỳ Mạn Lục... ông Bụt vẫn ẩn khuất đâu đó như một phép màu trong đời sống đảm bảo công bình xã hội, tượng trưng cho thiên lý cao vợi [3]. Nếu công nhận Chử Đồng Tử là người Phật tử đầu tiên, thì Đạo Phật mà Chử Đồng Tử và Tiên Dung tiếp nhận từ nhà sư Phật Quang còn mang nặng tính chất Ấn Độ. Đến những thế hệ Phật tử Việt Nam tiếp sau, như Man Nương (người trở thành Phật Mẫu trong tín ngưỡng của Phật giáo Việt Nam sau này, được thờ tại chùa Phúc Nghiêm, làng Mãn Xá, gần Luy Lâu), đặc biệt là sự ra đời của tín ngưỡng Phật điện (Tứ pháp) mà tiêu biểu là Phật Pháp Vân, đã thể hiện sự hòa nhập của Phật giáo vào văn hóa vốn có của bản địa.

Những tín ngưỡng đặc thù cổ xưa vẫn hiện diện, được Phật giáo đón nhận và dung hợp, trở thành sự tiếp biến văn hóa Phật giáo. Phật giáo đã trở thành một hệ tư tưởng bảo vệ dân tộc, đối kháng âm mưu đồng hóa và nô dịch về văn hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc ngay từ những ngày đầu. Dù Đạo Phật đã vào Việt Nam ngay thời kỳ Bắc thuộc đến thời nhà Lý mới bắt đầu phát triển rực rỡ. Công lao to lớn thuộc về Thiền sư Vạn Hạnh, người mà vua Lý Thái Tổ không tiếc lời ca ngợi như một



Chúng ta vững tin tín chúng vẫn hướng về Chánh pháp với tất cả tâm thành và chúng ta hãy cùng nhau ôn lại ý nghĩa ngày Thành đạo – Ngày mà Đức Phật mở ra một chân trời mới cho nhân loại. (daibaothapmandalataythien.org)

bậc thầy cao cả đã giúp xây dựng sự nghiệp của vương triều và cơ đồ cho cả dân tộc. Ông đã viết về thầy mình:

*Vạn Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm thi
Hương quan danh cổ pháp
Trụ tích trấn vương kỳ.*

GS Nguyễn Đăng Thục trong “Tư tưởng Việt Nam” [4] giải thích “dung tam tế” là ba cõi

giáp với nhau. Đây là danh từ Phật học chỉ ba cõi thời gian phân chia giả tạm là quá khứ, hiện tại, vị lai. Chính tinh thần thiền của Vạn Hạnh nối liền ba cõi, hợp nhất nhân thân và vũ trụ, điều lý ngoại giới với nội giới. Cái ý thức nhậm vận ấy không chấp vào đâu nên thông suốt, vô niệm, liên tục, quân bình, thông hiểu lòng người khác, biết việc sắp tới, thốt ra lời là phù sấm tiên

tri, làm lợi khí cho hành động ích quốc lợi dân. Vua Trần Nhân Tông đã ca tụng cái tư tưởng ấy là tư tưởng bảo vệ quốc gia.

Tạm dịch:

*Vạn Hạnh thông ba cõi
Sấm ký ẩn thơ xưa
Cổ pháp vang danh gọi
Chống trượng trấn thành vua.*

Hòa thượng Đức Nhuận khi nhận định về Phật giáo triều Lý có viết: “Nhiều người tin rằng triều đại nhà Lý là triều đại của Phật giáo. Điều đó đúng, nhưng Phật giáo không giữ độc quyền thao túng văn hóa, rồi hất hủi, không nâng đỡ các đạo giáo khác, như Khổng giáo và Lão giáo, để các đạo này không có cơ hội phát triển” [5]. Các hệ tư tưởng khác cùng tồn tại hòa bình với Phật giáo thời Lý. Sự trọng vọng của triều đình đối với Phật giáo không phải chỉ đến thời Lý mới có: “Không phải chỉ bắt đầu từ đời nhà Lý, Phật giáo mới cổ vũ chỉ đạo guồng máy chính quyền. Phật giáo đã làm việc này từ đời nhà Đinh. Phật giáo không ngửa tay xin việc hoặc quy lụy luồn cúi quyền môn để xin ân huệ nhằm thỏa mãn ý định riêng tư, để lấn trên ép dúc các đạo khác. Phật giáo bao giờ cũng đứng ngoài chính quyền. Các Thiền sư có đời sống riêng tại các tu viện, để tu đạo hành đạo. Lịch sử Việt Nam chưa từng ghi một vị Thiền sư nào đang tinh tiến tu hành mà cởi bỏ pháp phục để nhận phẩm phục triều đình và nhập cung điện an cư bao giờ”.

Thấm nhuần tinh thần nhà Phật nên Lý Thánh Tông ngồi xử kiện, chỉ vào công chúa Đông Thiên đứng kế bên mà phán rằng: “Ta yêu con ta thế nào thì các bậc cha mẹ trong thiên hạ cũng yêu con cái họ như thế. Trẫm họ vì không hiểu luật pháp nên phạm tội, ta rất thương xót, vậy từ nay về sau ta muốn rằng các tội dù nặng hay nhẹ cũng được xử một cách khoan hồng”. Hình luật nhà Lý vì thế mang nặng tính giáo hóa hơn trừng trị. Tinh thần Phật giáo còn thấm nhuần trong triều đại nhà Trần sau này, khi vua Trần Thái Tông vào núi tìm Phật được Trúc Lâm thiền sư dạy rằng: “Trong núi không có Phật, Phật ở trong tâm ta”. Ngài đã về lắng nghe tâm mình, nghe ý kiến muôn dân lấy làm ý chí của mình, tiếp tục lãnh đạo vương triều, xây nên thịnh thế.

Tinh thần nhập thế của Phật giáo là điểm sáng từ thời nhà Lý mà GS Nguyễn Đăng Thục nhận định: “Đây là biện chứng khai phóng ý thức đến trực giác toàn diện, không còn đối tượng, vượt lên trên cả “có” và “không” của ý thức danh lý (conscience rationelle) đến chỗ thể hiện Phật tính. Đây là biện chứng đem đạo vào đời, trong đời thấy đạo, là biện pháp thích ứng vào thời mạt pháp của Mật giáo vậy. Thế nên, Ngài mới nói với đệ tử: “Ta không lấy chỗ có trụ để mà trụ, không nương vào chỗ không có trụ để trụ” [6].

Đến thời hiện đại, Phật giáo càng tỏ rõ sự đồng hành cùng dân tộc. Biến cố Phật giáo năm 1963 ở miền nam Việt Nam đã ghi dấu ấn trong lịch sử dân tộc. Ngọn lửa Bồ tát Thích Quảng Đức thấp lên sáng mãi trong Phật giáo nước ta. Hình ảnh một hoà thượng trong ngọn lửa bốc cao vẫn ngồi kiết già im lặng tay chấp trước ngực đã gây xúc động lớn trong nước và trên thế giới, là hiện thân cao tột của tinh thần Vô úy. Cho đến hôm nay, Đạo Phật vẫn uy nghi và vững vàng trong dòng sử Việt, bất chấp những dị nghị thể gian, hoài nghi về phẩm hạnh một vài Tăng chúng. Chúng ta vững tin tín chúng vẫn hướng về Chánh pháp với tất cả tâm thành và chúng ta hãy cùng nhau ôn lại ý nghĩa ngày Thành đạo - Ngày mà Đức Phật mở ra một chân trời mới cho nhân loại thoát ly khổ để trên con đường thênh thang dưới ánh đạo vàng.

Chú thích:

- [1] Edward Conze, A Short History of Buddhism, London 1980.
- [2] T.T. Nyanatiloka Maha Thera, The Influence of Buddhism on People, Ảnh hưởng Phật giáo đối với nhân loại, chuyển ngữ HT Thích Trí Chơn, <http://www.thuvienhoasen.org>.
- [3] Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1, Nxb TP HCM, 2016.
- [4] Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử tư tưởng Việt nam, tập III, NXB TP HCM, 1998
- [5] Đức Nhuận (2008), Đạo Phật và dòng sử Việt, Nxb Phương Đông.
- [6] Nguyễn Đăng Thục, ibid.



Công ty TNHH Gỗ Mỹ Nghệ
Mạnh Hải



Địa chỉ: B3K82, đường Tô Ký, P.Tân Chánh Hiệp Q.12, TP.HCM
ĐT: 0913773505



Phương Danh

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, các doanh nghiệp, cư sĩ Phật tử đã phát tâm cúng dường hùn phước để in ấn Tạp chí số 367 gửi biếu đến quý độc giả và hỗ trợ kinh phí vận hành tòa soạn Tạp chí VHPG và PSO, chung tay Hoàng pháp - góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà, nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới.

Đại đức Thích Đức Nguyên, chùa Bảo Ân, quận 1, TP.HCM 3.000.000 đ

Phật tử Nguyễn Hoàng Ánh Nguyệt 2.000.000 đ

Phật tử Tích Trí 1.000.000 đ

Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai 5.200.000 đ

Chùa Thanh Lương, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang 7.500.000 đ



Quý vị phát tâm hùn phước in ấn
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
xin vui lòng liên hệ số điện thoại:
Sư cô THÍCH NỮ HUỆ TÁNH - 0915 157455
Nguyễn Thị Thu Xuân - 0932 850969

Ngân hàng Vietcombank chi nhánh HCM
Số tài khoản: **0071001053555**
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
(Hoan hỷ ghi rõ tên người gửi cúng dường
hùn phước in Tạp chí Văn Hóa Phật
giáo số ...)



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



*Năng lượng xanh
đánh tan mệt mỏi*

- . GIÚP CÓ MỘT GIẤC NGỦ NGON VÀ SÂU
- . TĂNG CƯỜNG NĂNG LƯỢNG CHO CƠ THỂ
- . LOẠI BỎ MỖ TRONG MÁU
- . GIÚP TIÊU HÓA TỐT
- . CHỐNG OXY HÓA VÀ LÀM ĐẸP DA



CƠ SỞ TRÀ SEN THÁP MƯỜI

555 Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0360 050 159 - 0918 629 559

Email: info@trasenthapmuoi.vn

Website: www.trasenthapmuoi.vn



QUANG MINH CANDLE
— HAPPIER EVERYDAY —

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2565



QUANG MINH CANDLE®
— EST 1999 —

NỀN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH

0942 835 718

